

LỜI MỞ ĐẦU

Vốn cố định - loại vốn quan trọng trong quá trình sản xuất của một doanh nghiệp, là biểu hiện bằng tiền của TSCĐ. TSCĐ – một bộ phận quan trọng chiếm tỷ trọng lớn trong doanh nghiệp, là cơ sở vật chất kỹ thuật để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, thể hiện năng lực và thế mạnh của doanh nghiệp trong phát triển sản xuất.

Việc nhận biết đánh giá về giá trị TSCĐ cho phép đánh giá chính xác sự biến động của vốn cố định, quy mô vốn được bảo toàn, từ đó tạo điều kiện tính đủ chi phí khấu hao không để mất vốn. Ghi nhận đúng giá trị TSCĐ cho phép phản ánh chính xác số liệu trên báo cáo tài chính, là cơ sở để những người sử dụng báo cáo có cái nhìn thực tế đối với doanh nghiệp, là cơ sở của những quyết định đầu tư.

Là một doanh nghiệp nhà nước, công ty 128- Bộ Quốc Phòng cũng đang tự đổi mới để tham gia nền kinh tế thị trường. Với số lượng TSCĐ nhiều, giá trị lớn dưới sự đầu tư quy mô của nhà nước, việc sử dụng hiệu quả tài sản trong quá trình sản xuất đang là một vấn đề không nhỏ đối với doanh nghiệp.

Trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp, nhận thức được tầm quan trọng của TSCĐ, với mong muốn nghiên cứu sâu hơn về TSCĐ và hạch toán kế toán TSCĐ, em đã lựa chọn đề tài cho khoá luận tốt nghiệp của mình là:

“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại Công ty 128 - Bộ Quốc Phòng” với hy vọng có cái nhìn sâu sắc về kế toán từ lý luận đến thực tiễn và xin đề xuất một vài ý kiến trong công tác tổ chức kế toán tại công ty 128.

Khoá luận gồm 3 chương:

Chương I: Cơ sở lý luận chung về kế toán TSCĐ trong Doanh nghiệp.

Chương II: Tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty 128- Bộ Quốc Phòng.

Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại Công ty 128 - Bộ Quốc Phòng.

Để hoàn thiện khoá luận này, em đã được sự giúp đỡ tạo điều kiện của Ban giám đốc, các cô chú trong phòng Tài chính- Kế toán, các phòng ban có liên quan của công ty, các thầy cô trong khoa trong trường và cô giáo hướng dẫn.

Mặc dù trong quá trình thực tập em đã cố gắng nhưng trong giới hạn hiểu biết và thực tế của mình, chắc chắn bài khoá luận không tránh khỏi sai sót. Em rất mong nhận được sự quan tâm và góp ý của ban lãnh đạo công ty, của thầy cô, các cô chú trong phòng kế toán và bạn bè để khoá luận có thể hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TSCĐ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề cơ bản về TSCĐ trong Doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của TSCĐ

1.1.1.1. Khái niệm

TSCĐ là những tài sản có thể có hình thái vật chất cụ thể và cũng có thể chỉ tồn tại dưới hình thái giá trị được sử dụng để thực hiện một hoặc một số chức năng nhất định trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hay nói cách khác, TSCĐ là những tư liệu lao động trong quá trình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp như máy móc thiết bị, nhà cửa, phương tiện vận tải... có đủ tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng theo quy định trong chế độ quản lý TSCĐ của nhà nước.

1.1.1.2. Đặc điểm của TSCĐ

TSCĐ trong doanh nghiệp là tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh. Trong quá trình đó, mặc dù đã bị hao mòn nhưng hình thái vật chất và đặc tính sử dụng ban đầu của TSCĐ là không thay đổi. Giá trị của TSCĐ được chuyển dịch dần từng phần của chi phí sản xuất kinh doanh để kết chuyển sang giá trị sản phẩm sản xuất ra. Khi sản phẩm được tiêu thụ thì hao mòn TSCĐ chuyển thành vốn tiền tệ và nguồn vốn vay dùng để tái đầu tư TSCĐ mới của Doanh nghiệp. Chỉ khi nào TSCĐ bị hao mòn, hư hỏng hoàn toàn hoặc xét thấy không có lợi về mặt kinh tế thì khi đó chúng mới cần được đổi mới thay thế.

Ngoài ra, TSCĐ còn là sản phẩm của lao động, tức là TSCĐ vừa có giá trị, vừa có giá trị sử dụng. Nói cách khác, TSCĐ là một hàng hoá như mọi hàng hoá thông thường khác, thông qua mua bán trao đổi TSCĐ có thể được chuyển quyền sở hữu và quyền sử dụng từ chủ thể này sang chủ thể khác trên thị trường tư liệu sản xuất.

1.1.2. Vai trò, yêu cầu quản lý và nhiệm vụ hạch toán TSCĐ trong Doanh nghiệp

1.1.2.1. Vai trò và yêu cầu quản lý TSCĐ

Trong các doanh nghiệp vốn cố định (được biểu hiện thông qua TSCĐ) là một bộ phận quan trọng của vốn đầu tư nói riêng và của vốn sản xuất nói chung. TSCĐ thường chiếm một tỷ trọng lớn so với tổng vốn kinh doanh của Doanh nghiệp, chúng được coi là cơ sở vật chất kỹ thuật của quá trình sản xuất kinh doanh. Như C.Mác nói: “ Các thời đại kinh tế được phân biệt với nhau không phải bởi vì nó sản xuất ra cái gì mà bởi vì nó sản xuất ra như thế nào và bằng tư liệu nào”. Điều đó, đồng nghĩa với việc khẳng định tầm quan trọng vai trò và vị trí của TSCĐ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

TSCĐ là một bộ phận của tư liệu sản xuất, giữ vai trò là công cụ lao động chủ yếu trong quá trình sản xuất, được coi là cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ công nghệ, thể mạnh của doanh nghiệp. Trong một doanh nghiệp nếu TSCĐ phát triển thì sức lao động được tiết kiệm hơn và năng suất lao động phát triển cao hơn.

Trong sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, với trình độ khoa học kỹ thuật hiện đại để tạo ra được nhiều sản phẩm có chất lượng cao, nâng cao hiệu quả cạnh tranh của Doanh nghiệp thì vấn đề đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật công nghệ cho quá trình sản xuất là rất cần thiết. Muốn vậy, việc quản lý TSCĐ phải đáp ứng được nhiều yêu cầu sau:

- Về mặt hiện vật: Không phải chỉ giữ nguyên hình thái vật chất và đặc tính sử dụng ban đầu của TSCĐ mà quan trọng hơn là duy trì thường xuyên năng lực sản xuất ban đầu của nó. Điều đó có ý nghĩa là trong quá trình sử dụng doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ không làm mất mát TSCĐ, thực hiện đúng quy chế sử dụng, bảo dưỡng sửa chữa TSCĐ, không để TSCĐ hư hỏng trước thời hạn quy định.

- Về mặt giá trị: Phải quản lý chặt chẽ tình hình hao mòn, việc trích và phân bổ khấu hao một cách khoa học, hợp lý để thu hồi vốn đầu tư phục vụ cho việc tái đầu tư TSCĐ, xác định giá trị còn lại của TSCĐ một cách chính xác giúp doanh nghiệp kịp thời đổi mới trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

1.1.2.2.Nhiệm vụ kế toán TSCĐ trong Doanh nghiệp

Quản lý và sử dụng tốt TSCĐ không chỉ tạo điều kiện cho Doanh nghiệp chủ động kế hoạch sản xuất mà còn là biện pháp nâng cao hoạt động sử dụng tài sản, vì vậy kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình hình tăng, giảm TSCĐ của toàn Doanh nghiệp cũng như ở từng bộ phận trên các mặt: số lượng, chất lượng, cơ cấu. giá trị đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng TSCĐ ở các bộ phận khác nhau nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.
- Tính toán chính xác, kịp thời số khấu hao TSCĐ đồng thời phân bổ đúng chi phí khấu hao và các đối tượng sử dụng.
- Phản ánh và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ. Tham gia lập kế hoạch sửa chữa, dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sửa chữa.
- Theo dõi, ghi chép, kiểm tra chặt chẽ quá trình thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhằm bảo đảm việc quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.
- Lập báo cáo về TSCĐ, tham gia phân tích tình hình trang thiết bị, sử dụng và bảo quản các loại TSCĐ.

1.1.3. Phân loại và đánh giá TSCĐ:

1.1.3.1.Phân loại TSCĐ

Trong doanh nghiệp TSCĐ rất đa dạng và phong phú, chúng có sự khác biệt về tính chất kỹ thuật, công dụng hay thời gian sử dụng...Do vậy, để thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán TSCĐ cần phải phân loại TSCĐ. Có nhiều cách phân loại TSCĐ, thông thường có một số cách sau:

1.1.3.1.1. Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện

Theo phương pháp này, TSCĐ trong doanh nghiệp được chia làm hai loại: TSCĐ có hình thái vật chất(TSCĐ hữu hình) và TSCĐ không có hình thái vật chất (TSCĐ vô hình).

1.1.3.1.2. Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu

* **TSCĐ tự có:** là các TSCĐ được xây dựng, mua sắm và hình thành từ nguồn vốn ngân sách hoặc cấp trên cấp, nguồn vốn vay, nguồn vốn liên doanh, các quỹ của doanh nghiệp và các TSCĐ được quyên tặng, viện trợ không hoàn lại... Đây là những TSCĐ thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp và được phản ánh trên bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp.

* **TSCĐ thuê ngoài:** là những TSCĐ của doanh nghiệp hình thành do việc doanh nghiệp đi thuê để sử dụng trong một thời gian nhất định theo hợp đồng thuê TSCĐ. Tùy theo điều kiện của hợp đồng thuê mà TSCĐ đi thuê được chia thành:

- TSCĐ thuê tài chính
- TSCĐ thuê hoạt động

1.1.3.1.3. Phân loại TSCĐ theo nguồn vốn hình thành:

Theo cách phân loại này, TSCĐ được chia thành:

- TSCĐ được mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn Nhà nước cấp.
- TSCĐ được mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn vay.
- TSCĐ được mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự bổ sung.
- TSCĐ nhận vốn góp, vốn liên doanh bằng hiện vật.

1.1.3.1.4. Phân loại TSCĐ theo phân loại và tình hình sử dụng

Theo cách chia này người ta phân TSCĐ ra thành:

- TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh
- TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc phòng.
- TSCĐ chờ xử lý
- TSCĐ bảo quản hộ, giữ hộ

Dựa theo cách phân loại này có thể tiến hành phân tích hoạt động kinh tế của doanh nghiệp thông qua việc phân tích kết cấu TSCĐ.

Có thể nói, mỗi cách phân loại trên đều cho phép đánh giá, xem xét kết cấu TSCĐ của doanh nghiệp theo các tiêu thức khác nhau. Kết cấu TSCĐ là tỷ trọng giữa nguyên giá của mỗi loại TSCĐ nào đó so với tổng nguyên giá các loại TSCĐ của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định. Kết cấu TSCĐ giữa các doanh

nghiệp trong các ngành sản xuất khác nhau hoặc thậm chí trong cùng ngành sản xuất cũng không hoàn toàn giống nhau. Sự khác biệt hoặc biến động như: quy mô sản xuất, khả năng thu hút vốn đầu tư, khả năng tiêu thụ sản phẩm trên thị trường, trình độ khoa học kỹ thuật... Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp việc phân loại và phân tích tình hình kết cấu TSCĐ là một việc làm cần thiết giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định của doanh nghiệp.

1.1.3.2. Đánh giá TSCĐ:

Mục đích của đánh giá TSCĐ là nhằm đánh giá được năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện tính khấu hao chính xác, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư để tái sản xuất TSCĐ khi nó bị hư hỏng và nhằm phân tích đúng hiệu quả sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp.

TSCĐ được đánh giá theo 3 chỉ tiêu: nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại.

1.1.3.2.1. Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá:

Về nguyên tắc, nguyên giá TSCĐ được xác định trên cơ sở chi phí thực tế mà đơn vị bỏ ra để hình thành và đã đưa TSCĐ vào sử dụng. Hay nói cách khác, nguyên giá TSCĐ là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc mua sắm, xây dựng dựng TSCĐ kể cả chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt, chạy thử cho đến khi TSCĐ được đưa vào sử dụng. TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành từ các nguồn khác nhau do vậy nguyên giá của TSCĐ trong từng trường hợp được tính toán xác định như sau:

*** Đối với TSCĐ hữu hình:**

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được TSCĐ hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, cụ thể:

- TSCĐ hữu hình mua sắm: nguyên giá của TSCĐ mua sắm bao gồm giá trị mua(trừ các khoản được chiết khấu thương mại, giảm giá) các khoản thuế(không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí chuẩn bị mặt bằng, chi phí

vận chuyển, bốc xếp, chi phí lắp đặt, chạy thử, chi phí chuyên gia và các chi phí khác.

- TSCĐ hữu hình mua trả chậm, trả góp, nguyên giá TSCĐ được phản ánh theo giá mua trả ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa giá mua chậm trả và giá mua trả ngay được hạch toán vào chi phí theo kỳ hạn thanh toán, trừ trường hợp số chênh lệch đó được tính vào nguyên giá của TSCĐ hữu hình theo quy định vốn hoá chi phí lãi vay.

- TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế: nguyên giá của TSCĐ này là giá thành thực tế của TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế cộng chi phí lắp đặt, chạy thử, trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành TSCĐ thì nguyên giá là chi phí sản xuất ra sản phẩm đó cộng chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong đó, các trường hợp trên mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của TSCĐ đó. Các chi phí như sau: nguyên liệu, vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí vượt mức bình thường trong quá trình tự xây dựng hoặc tự chế biến không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình.

- TSCĐ hữu hình do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương pháp giao thầu: Đối với TSCĐ hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương pháp giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng cộng các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

- TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi: nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương đương hoặc tài sản khác được xây dựng theo giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem ra trao đổi sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới dạng trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự (tài sản tương tự là tài sản có công dụng tương tự trong cùng lĩnh vực kinh doanh và có giá trị tương đương). Trong cả hai trường hợp không có bất kỳ

một khoản lãi hay lỗ nào được ghi nhận trong quá trình trao đổi. Nguyên giá TSCĐ nhận về được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ đem ra trao đổi.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình được tài trợ, biếu tặng: được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu, trường hợp không ghi nhận theo giá trị hợp lý ban đầu thì doanh nghiệp ghi nhận theo giá trị danh nghĩa cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

- **Đối với TSCĐ vô hình:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình được xác định cụ thể theo từng loại như sau:

- Đất (giá trị quyền sử dụng đất): là tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, lệ phí trước bạ...(không bao gồm chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất), hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Trường hợp doanh nghiệp thuê đất thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí doanh nghiệp, không ghi nhận là TSCĐ vô hình.

- Quyền phát hành, bản quyền, bằng sáng chế: nguyên giá TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh mà doanh nghiệp đã chi ra để có quyền phát hành bản quyền, bằng sáng chế.

- Nhãn hiệu hàng hoá: nguyên giá TSCĐ vô hình là nhãn hiệu hàng hoá là các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.

- Phần mềm máy vi tính: nguyên giá của TSCĐ vô hình này là số chi trả cho việc thuê lập trình viên hoặc mua phần mềm máy vi tính theo các chương trình của đơn vị (đối với các đơn vị trực thực hiện ghi chép quản lý bằng máy vi tính).

1.1.3.2.2 Đánh giá TSCĐ theo giá trị hao mòn

Hao mòn TSCĐ là sự giảm dần giá trị khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, do tác động của điều kiện tự nhiên, của sự tiến bộ khoa học kỹ thuật. Giá trị hao mòn của TSCĐ được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Số khấu hao từng kỳ được hạch toán vào giá trị của tài sản khác như: khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai là các bộ phận cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình, chi phí TSCĐ hữu

hình dùng cho quá trình xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác, giá trị hao mòn phản ánh nguồn vốn đầu tư coi như đã thu hồi của TSCĐ ở thời điểm hao mòn phản ánh nguồn vốn đầu tư coi như đã thu hồi của TSCĐ ở thời điểm nhất định.

Khi xác định thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ hữu hình cần xem xét các yếu tố sau:

- + Mức độ sử dụng ước tính của doanh nghiệp đó
- + Mức độ hao mòn phụ thuộc vào các nhân tố liên quan trong quá trình sử dụng tài sản như: số ca làm việc, việc bảo quản TSCĐ.
- + Hao mòn vô hình phát sinh do việc thay đổi hay cải tiến dây chuyền công nghệ hay do sự thay đổi nhu cầu thị trường.
- + Giới hạn có tính hợp lý trong việc sử dụng tài sản như ngày hết hạn hợp đồng của TSCĐ thuê tài chính.
- + Thời gian sử dụng phải được xem xét lại theo định kỳ, thường là cuối năm tài chính. Nếu có sự thay đổi đáng kể trong việc đánh giá thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ thì phải điều chỉnh mức khấu hao.

Công thức tính khấu hao:

$$\text{Mức khấu hao} = \text{Nguyên giá TSCĐ} \times \text{Tỷ lệ khấu hao}$$

1.3.2.3 Đánh giá theo giá trị còn lại

Bên cạnh việc đánh giá TSCĐ theo nguyên giá, giá trị hao mòn để phản ánh đúng đắn năng lực thực tế về TSCĐ thì TSCĐ còn được đánh giá theo giá trị còn lại.

Công thức tính:

$$\text{GTCL của TSCĐ} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Số hao mòn lũy kế TSCĐ}$$

Trường hợp TSCĐ hữu hình được đánh giá lại theo quyết định của Nhà nước thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại. Chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ hữu hình được xử lý và kế toán theo quy định của Nhà nước.

1.1.4 Khấu hao TSCĐ

1.1.4.1 Khái niệm hao mòn và khấu hao TSCĐ

Bất cứ TSCĐ nào, dù sử dụng hay không sử dụng đều có thể bị hao mòn làm giảm giá trị của TSCĐ, làm giảm hiệu suất của TSCĐ. Sự hao mòn này có thể là vô hình hoặc hữu hình.

Đối với những TSCĐ tham gia vào quá trình sản xuất thì nó sẽ bị hao mòn dần (hao mòn hữu hình). Mức độ hao mòn khi đó sẽ phụ thuộc vào các nhân tố thuộc về trình độ chế tạo, chất lượng vật liệu, quá trình sử dụng, bảo quản.... Tuy nhiên, kể cả những TSCĐ không tham gia vào quá trình sản xuất cũng có thể bị hao mòn (hao mòn vô hình), lúc đó TSCĐ có thể bị giảm giá trị do năng suất lao động xã hội tăng lên hoặc do xuất hiện những thiết bị tốt hơn, tính năng kỹ thuật hoàn thiện hơn và có năng suất cao hơn.

Tóm lại, hao mòn TSCĐ chính là sự giảm dần giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ do tham gia vào hoạt động kinh doanh, do bào mòn tự nhiên, do tiến bộ của kỹ thuật... trong quá trình hoạt động của TSCĐ.

Chính vì TSCĐ bị giảm dần giá trị nên yêu cầu đặt ra đối với nhà quản trị là phải nhận thức được sự hao mòn cũng như thời gian sử dụng hữu ích của tài sản để từ đó chuyển dần giá trị hao mòn vào giá trị sản phẩm làm ra. Sự chuyển dịch đó chính là khấu hao TSCĐ. Khấu hao TSCĐ là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá TSCĐ vào chi phí kinh doanh qua thời gian sử dụng của TSCĐ.

Vì khấu hao chỉ là sự tính toán và phản ánh hao mòn của của TSCĐ nên nó không bao giờ phản ánh được một cách tuyệt đối chính xác sự hao mòn. Mức độ chính xác của sự phản ánh hao mòn qua khấu hao sẽ bị ảnh hưởng bởi các phương pháp khấu hao. Doanh nghiệp càng sử dụng phương pháp tính khấu hao thích hợp với từng loại TSCĐ thì phản ánh càng đúng sự hao mòn của tài sản đó.

1.1.4.2 Các phương pháp tính khấu hao cơ bản

Căn cứ vào khả năng đáp ứng các điều kiện áp dụng quy định cho từng phương pháp khấu hao TSCĐ, doanh nghiệp lựa chọn các phương pháp trích khấu hao phù hợp với từng loại TSCĐ của doanh nghiệp. Theo thông tư số 203/2009/TT

- BTC của Bộ Tài Chính ngày 20/10/2009. Thông tư (TT) 203 này có hiệu lực từ ngày 01/01/2010 và thay thế QĐ số 206/2003/QĐ – BTC ngày 12/12/2003. có 3 phương pháp trích khấu hao:

- Phương pháp khấu hao đường thẳng:

* Nội dung của phương pháp:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm (M}_{KH}) = \frac{\text{NG}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng

- Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần

*Điều kiện áp dụng:

TSCĐ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Là TSCĐ đầu tư mới (chưa qua sử dụng).

- Là loại máy móc, thiết bị, dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm...

* Nội dung phương pháp:

$$M_{KH} = \text{Giá trị còn lại của TSCĐHH} \times \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ KH nhanh} = \frac{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ}} \times \text{Hệ số điều chỉnh}$$

Bảng hệ số điều chỉnh:

Thời gian sử dụng của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh(lần)
Đến 4 năm($t \leq 4$ năm)	1.5
Trên 4 đến 6 năm ($4 < t \leq 6$)	2.0
Trên 6 năm ($t > 6$)	2.5

- Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm:

Phương pháp này dựa trên tổng số đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản có thể tạo ra.

* Điều kiện áp dụng:

TSCĐ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc, thiết bị thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Trực tiếp liên quan đến việc sản xuất sản phẩm.
- Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ.
- Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 50% công suất thiết kế.

*Nội dung của phương pháp:

Căn cứ vào hồ sơ kinh tế - kỹ thuật của TSCĐ, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.

Căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất thực tế hàng tháng, hàng năm của TSCĐ.

$$M_{KH} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng}}{\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}} \times$$

$$\frac{\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}} = \frac{NG}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

1.2 Tổ chức hạch toán kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

1.2.1 Hạch toán chi tiết TSCĐ trong doanh nghiệp

1.2.1.1 Tổ chức chứng từ kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.

Chứng từ kế toán là cơ sở ban đầu để thực hiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về TSCĐ sau khi hoàn thành công việc xây dựng, mua sắm, được cấp phát... đưa vào sử dụng tại đơn vị hoặc tài sản của đơn vị bàn giao cho đơn vị khác theo lệnh của cấp trên, theo hợp đồng.

Biên bản giao nhận TSCĐ được lập cho từng TSCĐ. Trường hợp giao nhận cùng một lúc nhiều tài sản cùng loại, cùng giá trị và cho cùng một đơn vị giao có thể lập chung một biên bản giao nhận TSCĐ.

- Biên bản thanh lý TSCĐ: đây là chứng từ xác nhận việc thanh lý TSCĐ, làm căn cứ cho việc ghi giảm TSCĐ. Biên bản thanh lý TSCĐ do ban thanh lý TSCĐ lập và phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của trưởng ban thanh lý, kế toán trưởng, thủ trưởng đơn vị.

- Biên bản bàn giao TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành: xác nhận việc giao TSCĐ sau khi hoàn thành việc sửa chữa lớn giữa bên có TSCĐ sửa chữa và bên thực hiện việc sửa chữa. Đây là căn cứ ghi sổ kế toán và thanh toán chi phí sửa chữa TSCĐ.

- Biên bản đánh giá lại TSCĐ: xác nhận việc đánh giá lại TSCĐ và làm căn cứ để ghi sổ kế toán và các tài liệu liên quan đến số chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ.

- Biên bản kiểm kê TSCĐ: nhằm xác nhận số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, thừa, thiếu so với sổ kế toán, trên cơ sở đó tăng cường quản lý TSCĐ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất ghi sổ kế toán số chênh lệch.

1.2.1.2 Các sổ sách sử dụng:

- Sổ TSCĐ
- Sổ theo dõi TSCĐ tại nơi sử dụng
- Thẻ TSCĐ
- Sổ chi tiết thanh toán với người bán.

Thực hiện tổng hợp thông tin theo dõi đối tượng chi tiết đối chiếu với kế toán tổng hợp để cung cấp thông tin cho các bộ phận có liên quan.

1.2.2 Hạch toán kế toán tổng hợp TSCĐ tại doanh nghiệp

1.2.2.1 Hạch toán tổng hợp tình hình tăng, giảm TSCĐ tại doanh nghiệp.

* Tài khoản sử dụng:

Sử dụng hai tài khoản chính là TK 211, TK 213 và TK 214

- **Tài khoản 211** – TSCĐ hữu hình: Tài khoản này dùng để phản ánh nguyên giá của toàn bộ TSCĐ hữu hình thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp hiện có, biến động tăng giảm trong kỳ.

Kết cấu TK 211:

Bên nợ: Phản ánh các nghiệp vụ làm tăng TSCĐ hữu hình theo nguyên giá (mua sắm, xây dựng...).

Bên có: Phản ánh các nghiệp vụ giảm TSCĐ hữu hình theo nguyên giá (thanh lý, nhượng bán...).

Dư nợ: Phản ánh nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có tại doanh nghiệp.

- **Tài khoản 214** – hao mòn TSCĐ: Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ, bất động sản (BDS) đầu tư trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư vào những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, bất động sản đầu tư.

Kết cấu TK 214:

Bên nợ: Giá trị hao mòn TSCĐ, BDS đầu tư giảm do TSCĐ, BDS đầu tư thanh lý nhượng bán, điều động cho đơn vị khác, góp vốn liên doanh.

Bên có: Giá trị hao mòn TSCĐ, BDS đầu tư tăng do trích khấu hao TSCĐ, BDS đầu tư.

Số dư bên có: Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ, BDS đầu tư hiện có tại đơn vị.

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như: TK 213, 111, 112, 331, 131, 411...

* Chứng từ sử dụng để hạch toán trong trường hợp ghi tăng TSCĐ là:

Hoá đơn GTGT

Biên bản bàn giao

Hồ sơ kỹ thuật

Hồ sơ đăng kiểm

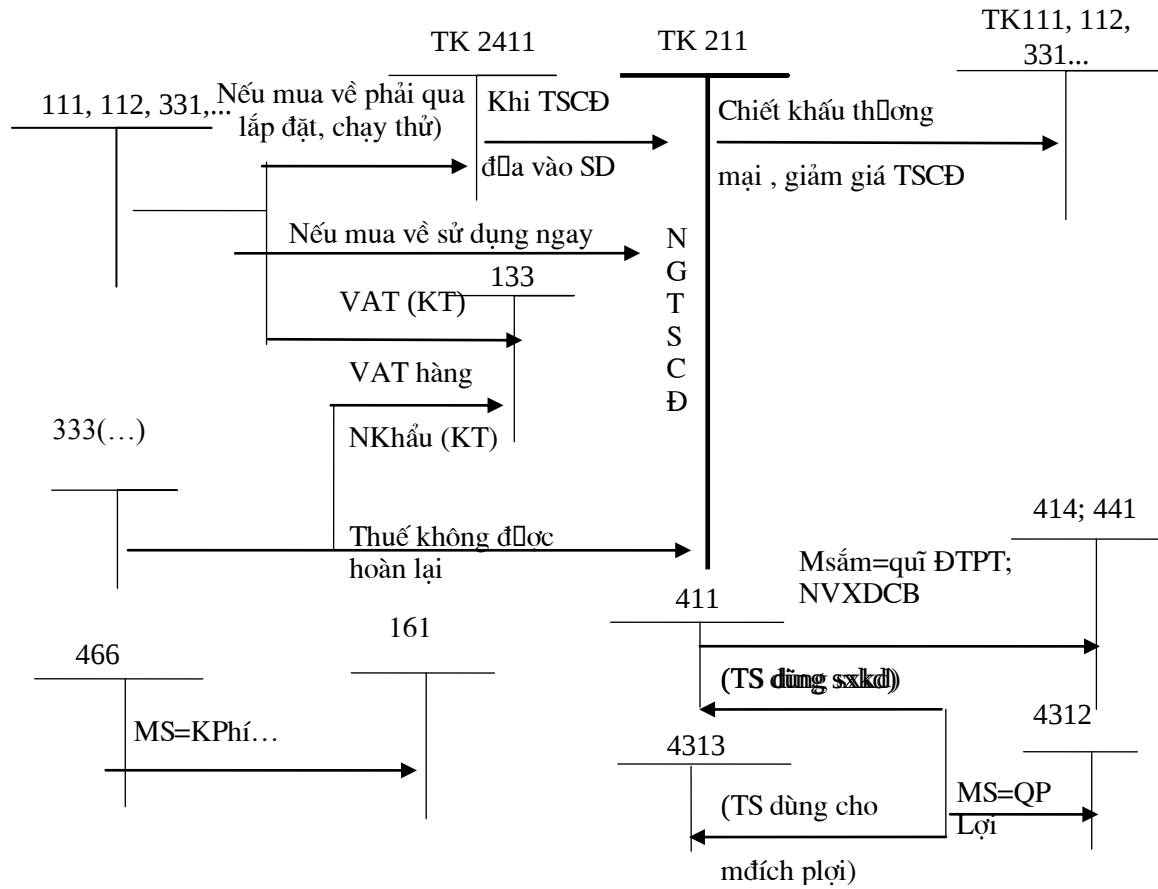
Hợp đồng mua bán....

Biên bản nghiệm thu, dự toán, quyết toán, hợp đồng kinh tế, quyết định.

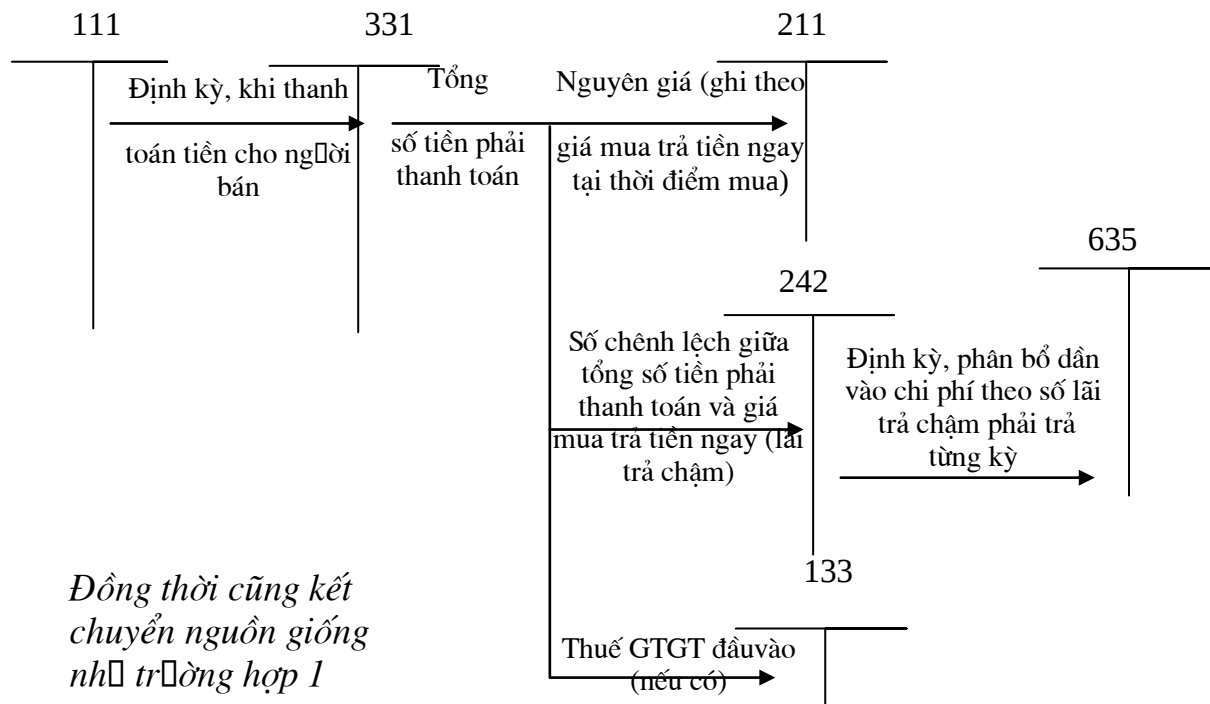
Phiếu chi, chứng từ liên quan...

*** Trình tự hạch toán tình hình tăng TSCĐ**

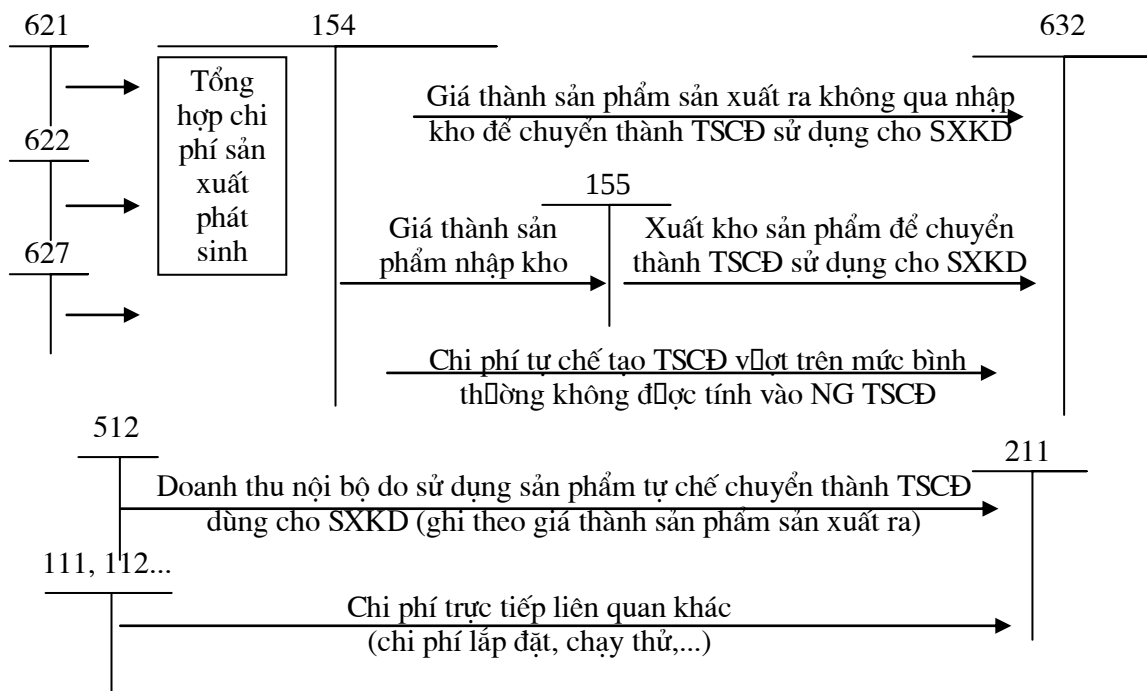
TH1: KẾ TOÁN TSCĐ TĂNG DO MUA NGOÀI



**TH2: TSCĐ MUA NGOÀI THEO PHƯƠNG THỨC
TRẢ CHẬM, TRẢ GÓP**



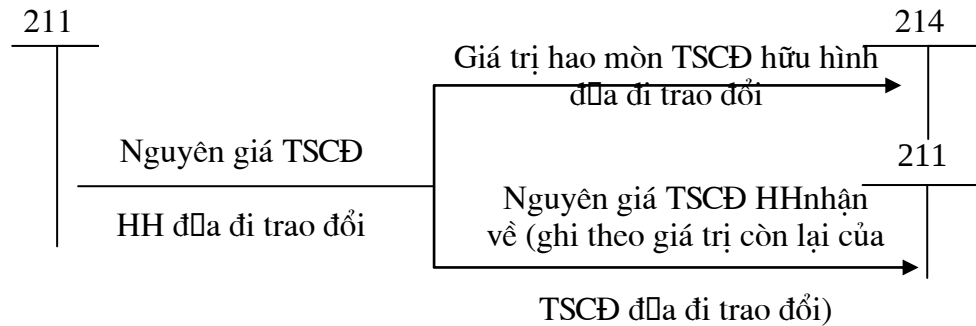
TH3: KẾ TOÁN TSCĐ HỮU HÌNH TỰ CHẾ



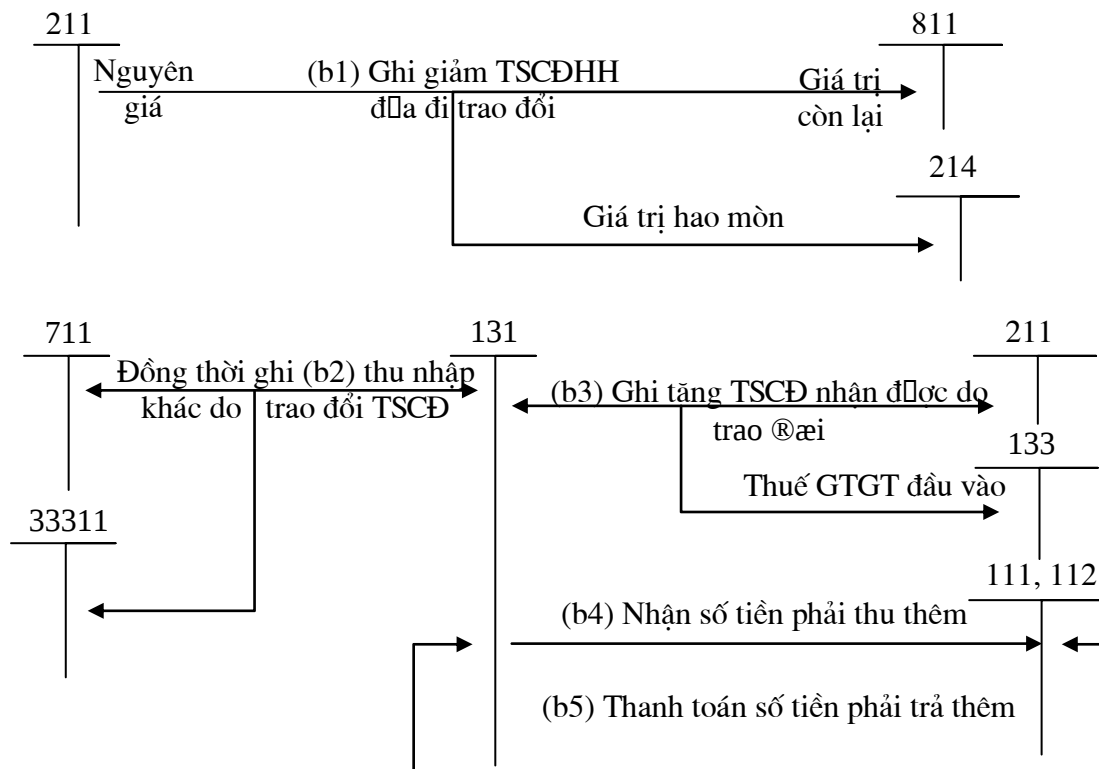
Đồng thời kết chuyển nguồn vốn như trường hợp 1

TH4: KẾ TOÁN TSCĐ MUA ĐỐI HÌNH THỨC TRAO ĐỔI

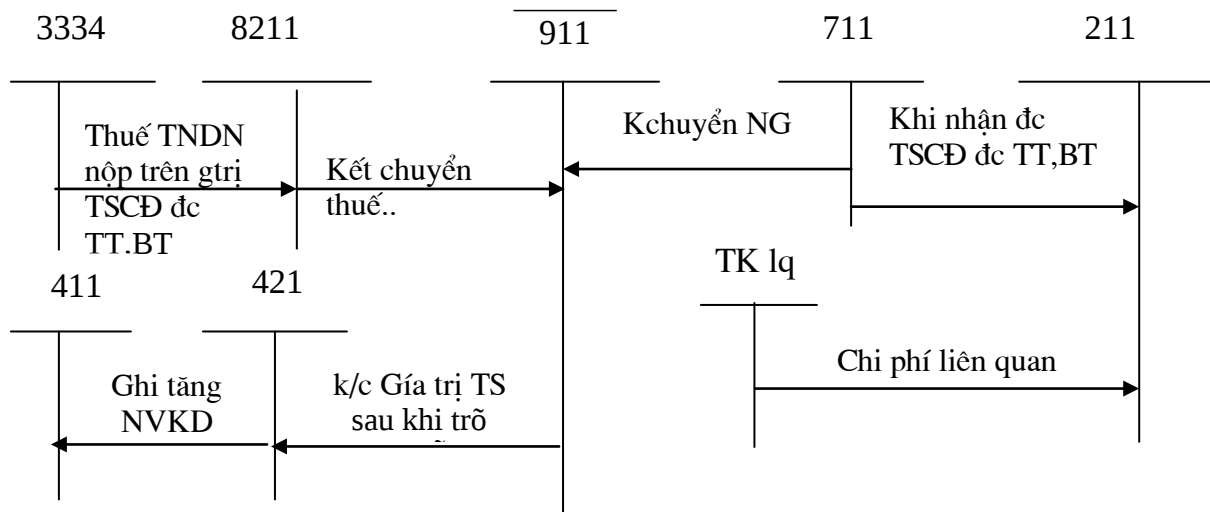
a. Trường hợp mua đối hình thức trao đổi với TSCĐHH tòng tư (tài sản tòng tư là TSCĐ có công dụng tòng tư, trong cùng lĩnh vực kinh doanh và có giá trị tòng đòng).



b. Trường hợp mua đối hình thức trao đổi với TSCĐ không tòng tư

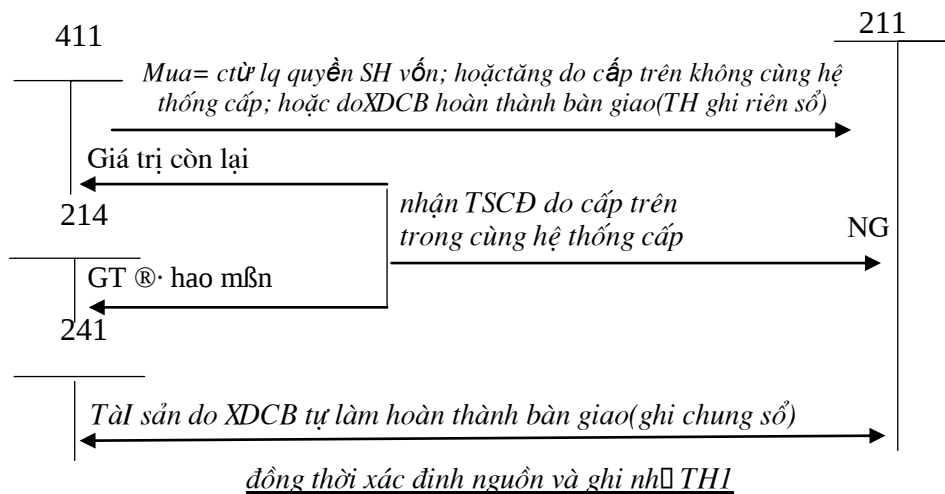


TH5: TĂNG TSCĐHH DO ĐÓNG TÀI TRỢ BIỂU TẶNG



KẾ TOÁN CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC GHI TĂNG TSCĐ

Th6: Trường hợp hình thành TSCĐ hữu hình từ việc trao đổi TSCĐ bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của các Công ty cổ phần, nhận TSCĐHH cấp trên cấp, XDCB hoàn thành bàn giao



* Chứng từ sử dụng để hạch toán trong trường hợp ghi giảm TSCĐ là:

Hoá đơn GTGT

Quyết định....

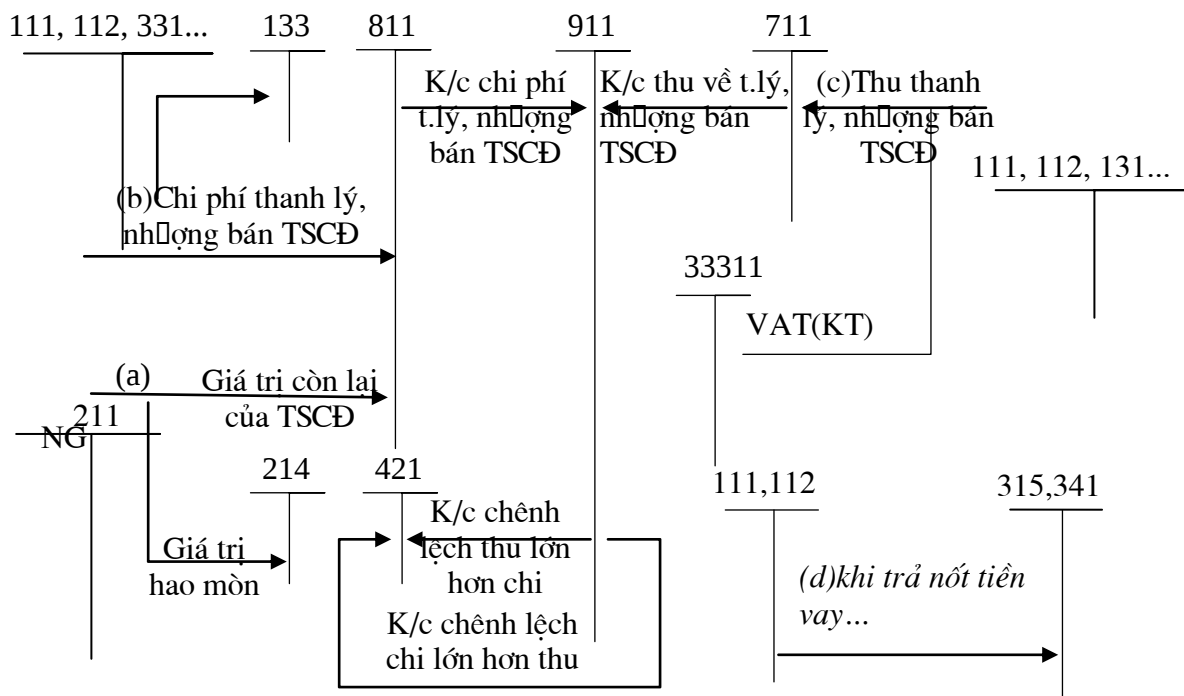
Biên bản đánh giá, biên bản bàn giao

Hợp đồng kinh tế

Phiếu thu.....

*** Trình tự hạch toán tình hình giảm TSCĐ:**

TH1: KẾ TOÁN TSCĐ DO THANH LÝ, NHƯỢNG BÁN TSCĐ ĐANG DÙNG VÀO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.



1.2.2.2 Hạch toán khấu hao TSCĐ tại doanh nghiệp

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 2141 – Hao mòn TSCĐ hữu hình: Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng giảm giá trị hao mòn của toàn bộ TSCĐ hữu hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ hữu hình và những khoản tăng giảm hao mòn khác của tài sản hữu hình.

***Chứng từ sử dụng:** Bảng tính và phân bổ khấu hao, các chứng từ có liên quan khác.

*** Nội dung và phương pháp phản ánh:**

Hạch toán khấu hao TSCĐ là vô cùng quan trọng trong kế toán TSCĐ. Nhiệm vụ của phần này là tính toán và phân bổ vào các đối tượng sử dụng đảm bảo đầy đủ nguồn vốn để tái sản xuất, đồng thời xác định đúng để tính chi phí hạ giá thành sản phẩm.

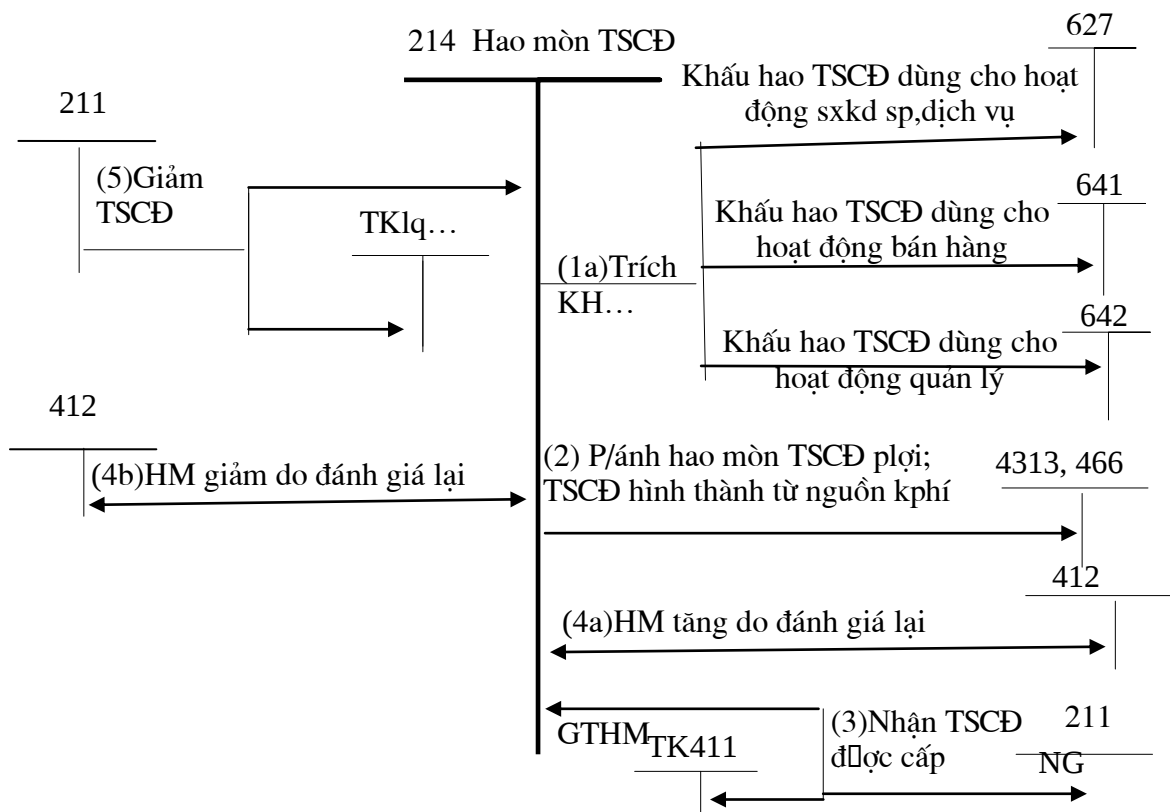
Khấu hao TSCĐ được tính theo hàng tháng, xác định theo công thức:

$$\text{Mức khấu hao của tháng} = \text{Mức khấu hao của tháng trước} + \text{Mức khấu hao tăng thêm} - \text{Mức khấu hao giảm bớt}$$

$$\text{Mức khấu hao hàng tháng} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Số năm sử dụng} \times 12}$$

Do trích khấu hao hàng tháng liên quan đến nhiều đối tượng sử dụng nên doanh nghiệp lập bảng phân bổ khấu hao TSCĐ hàng tháng.

• Hạch toán kế toán tổng hợp khấu hao TSCĐ trong doanh nghiệp.



1.2.2.3 Hạch toán kế toán sửa chữa TSCĐ.

Sửa chữa TSCĐ là việc bảo dưỡng, sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động, nhằm khôi phục năng lực hoạt động bình thường cho TSCĐ. Việc bảo dưỡng, sửa chữa có thể tự làm hoặc thuê ngoài và được tiến hành theo kế hoạch hay ngoài kế hoạch.

1.2.2.3.1 Kế toán sửa chữa nhỏ TSCĐ.

Sửa chữa nhỏ là loại sửa chữa có đặc điểm, mức độ hư hỏng nhẹ nên kỹ thuật sửa chữa đơn giản, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện, thời hạn sửa chữa ngắn, chi phí sửa chữa phát sinh ít nên được hạch toán toàn bộ một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng TSCĐ.

Khi sửa chữa nhỏ TSCĐ, kế toán căn cứ vào chi phí sửa chữa thực tế phát sinh để phản ánh:

Nợ TK 627 - Nếu TSCĐ cho hoạt động sản xuất

Nợ TK 641- Nếu TSCĐ cho hoạt động bán hàng

Nợ TK 642- Nếu TSCĐ cho hoạt động QLKD

Có TK 334, 338, 152 – Chi phí sửa chữa.

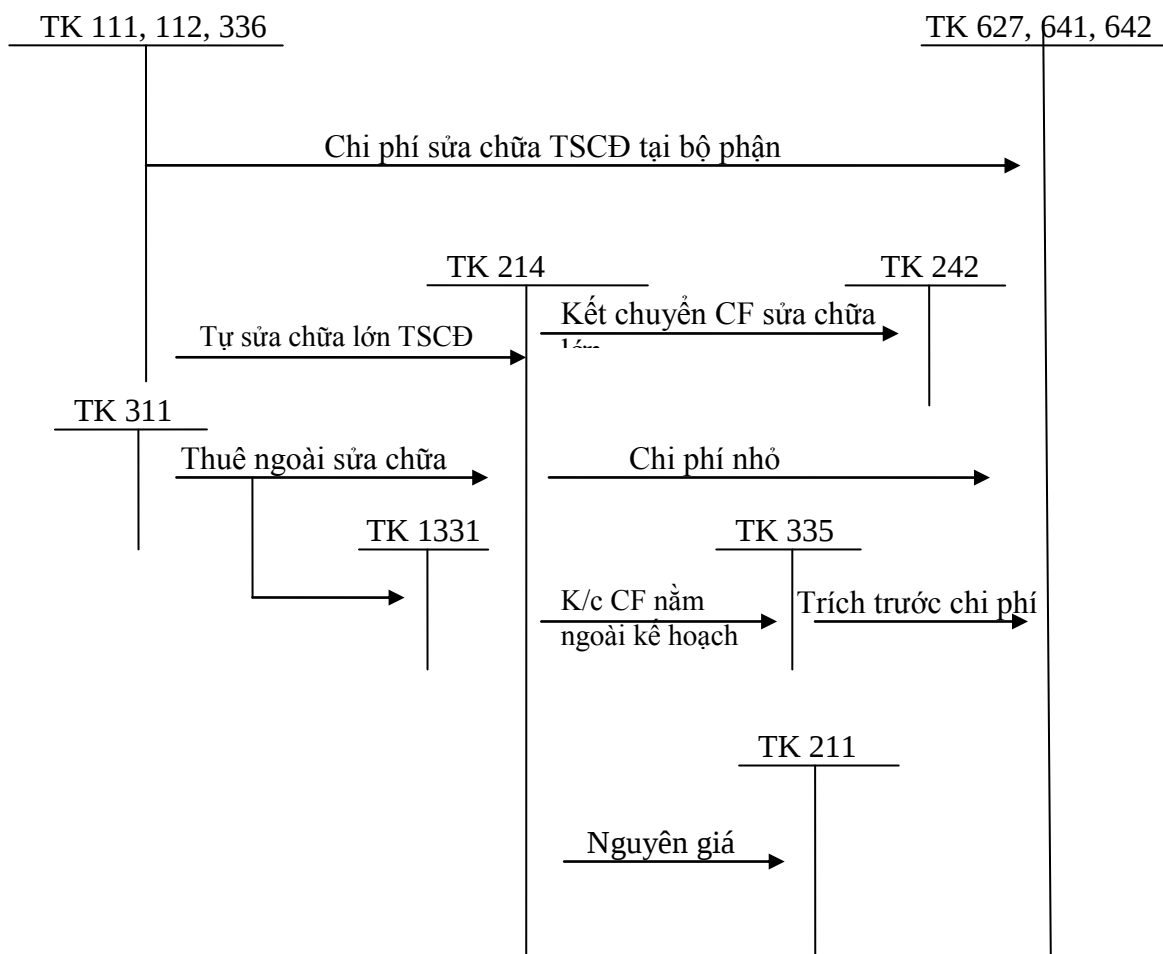
1.2.2.3.2 Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ.

Sửa chữa lớn là loại sửa chữa có đặc điểm mức độ hư hỏng nặng nên kỹ thuật sửa chữa phức tạp, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc phải thuê ngoài, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngừng hoạt động, chi phí sửa chữa phát sinh lớn nên không thể tính hết vào chi phí của đối tượng sử dụng mà phải sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng.

Chứng từ kế toán để phản ánh công việc sửa chữa lớn hoàn thành là “Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành”. Đây là chứng từ xác nhận việc giao nhận TSCĐ sau khi hoàn thành công việc sửa chữa lớn giữa bên có TSCĐ và bên thực hiện việc sửa chữa.

Tài khoản chuyên dùng để theo dõi chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, kế toán sử dụng TK 2413 - Sửa chữa lớn TSCĐ.

***Sơ đồ hạch toán kế toán sửa chữa lớn TSCĐ:**



1.2.2.4 Hạch toán kế toán đánh giá lại TSCĐ.

Đánh giá lại TSCĐ nhằm đảm bảo cho giá trị của TSCĐ phù hợp với mặt bằng giá có sự thay đổi lớn do tình hình lạm phát gây ra. Ngoài ra, việc đánh giá lại còn được thực hiện khi đem TSCĐ làm vốn góp liên doanh.

Kế toán đánh giá lại TSCĐ sử dụng chứng từ kế toán là “ Biên bản đánh giá lại TSCĐ”. Biên bản này xác nhận việc đánh giá lại do hội đồng đánh giá lập. Các thành viên hội đồng phải ký và ghi rõ họ tên vào biên bản.

Kế toán đánh giá lại TSCĐ sử dụng TK 412 – Chênh lệch đánh giá lại tài sản.

Kết cấu của TK này như sau:

- Bên nợ: Chênh lệch giảm do đánh giá lại

Kết chuyển khoản chênh lệch tăng khi có quyết định xử lý

- Bên có: Chênh lệch tăng do đánh giá lại

Kết chuyển khoản chênh lệch giảm khi có quyết định xử lý

- Dư có: Khoản chênh lệch tăng chưa được xử lý
- Dư có: Khoản chênh lệch giảm chưa được xử lý.

* Nội dung và phương pháp phản ánh:

(1) Khi đánh giá lại làm tăng nguyên giá TSCĐ khi khoản chênh lệch tăng thêm sẽ ghi:

Nợ TK 211, 213

Có TK 412

(2) Khi đánh giá lại làm giảm nguyên giá TSCĐ thì khoản chênh lệch giảm xuống sẽ ghi:

Nợ TK 412

Có TK 211, 213

(3) Nếu khi đánh giá lại có điều chỉnh cả giá trị hao mòn thì tùy trường hợp tăng, giảm mà phản ánh phù hợp.

- Nếu làm tăng giá trị hao mòn thì chênh lệch tăng sẽ ghi:

Nợ TK 412

Có TK 214

- Nếu làm giảm giá trị hao mòn thì chênh lệch giảm xuống sẽ ghi:

Nợ TK 214

Có TK 412

(4) Sau đó căn cứ vào quyết định xử lý chênh lệch kết chuyển vào các TK có liên quan.

1.3 Tổ chức kế toán TSCĐ trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường phát triển với tốc độ nhanh, qui mô rộng, thông tin ngày càng nhiều, đa dạng và phức tạp, để đưa ra quyết định đúng thời cơ, hiệu quả đòi hỏi việc cung cấp thông tin phải nhanh chóng, kịp thời và chính xác. Với khối lượng công việc ngày càng đồ sộ, việc tham gia của hệ thống máy vi tính sẽ giúp cho công tác hạch toán kế toán nhanh chóng, kịp thời, đạt hiệu quả cao hơn.

Hiện nay, có rất nhiều phần mềm trợ giúp kế toán ra đời có khả năng thích ứng cao và phù hợp với từng loại doanh nghiệp. Chỉ với thao tác nhập dữ liệu từ các chứng từ gốc vào máy theo những qui định cụ thể, máy sẽ tự động xử lý số liệu và cho phép đưa ra thông tin khi cần sử dụng.

Để kế toán máy phát huy tối đa những lợi ích mang lại cho doanh nghiệp, đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức tốt hệ thống chứng từ ban đầu, lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp với doanh nghiệp, và tuân thủ đầy đủ các qui định và nguyên tắc hiện hành của nhà nước.

Công tác kế toán TSCĐHH trong điều kiện áp dụng phần mềm kế toán, cần chú ý một số vấn đề sau:

- *Tổ chức mã hóa TSCĐ theo từng đối tượng ghi TSCĐ*

Đối tượng ghi TSCĐ là từng vật kế cấu hoàn chỉnh bao gồm cả vật gá lắp và phụ tùng kèm theo. Đó có thể là vật thể riêng biệt về mặt kết cấu có thể thực hiện được những chức năng độc lập nhất định hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau không thể tách rời để cùng thực hiện một hoặc một số chức năng nhất định

Việc mã hóa TSCĐ là tùy thuộc vào số lượng, chủng loại TSCĐ hiện có ở doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo nguyên tắc không trùng mã và dễ dàng nhận biết TSCĐ theo từng loại, từng nhóm.

Ví dụ: Xác định mã TSCĐHH có thể như sau:

Nhóm TSCĐHH là nhà cửa vật kiến trúc : mã 1

Nhóm TSCĐHH là máy móc thiết bị: mã 2...

Nhà cửa, vật kiến trúc hình thành từ nguồn ngân sách: mã 11;

Nhà cửa, vật kiến trúc hình thành từ nguồn tự bổ sung: mã 12;

Khu tường bao quanh công ty được hình thành từ nguồn ngân sách: mã 1102;

Khu nhà xưởng sản xuất hình thành từ nguồn tự bổ sung: mã 1201;

Máy nâng hình thành từ nguồn ngân sách : mã 2101;

- *Tổ chức khai báo các thông tin về TSCĐ*

TSCĐ được doanh nghiệp quản lý đơn chiếc, vì vậy cần khai báo thông tin chi tiết về từng loại TSCĐ của doanh nghiệp cho phần mềm, làm cơ sở quản lý, ghi chép, và tính khấu hao. Các thông tin tối thiểu phải khai báo có thể là: mã, tên TSCĐ, nơi sử dụng, thời gian đưa vào sử dụng, thời gian dự kiến sử dụng...

- *Xây dựng hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản kế toán*

Để phản ánh các nghiệp vụ về TSCĐ cần thiết kế các loại chứng từ chuyên dùng để phản ánh các nghiệp vụ tăng giảm TSCĐ.

Có thể lấy ví dụ, trong phần mềm kế toán Effect có thiết kế một số chứng từ chuyên dùng như: Chứng từ ghi tăng nguyên chiếc, lắp thêm TSCĐ, ghi giảm nguyên chiếc, tháo dỡ TSCĐ

Cần chú ý, với các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ xuất hiện bút toán đồng thời (ghi chuyển nguồn khi mua sắm, xây dựng hoặc các bút toán ghi nhận chi phí thu nhập khi thanh lý, nhượng bán), đòi hỏi phải thiết kế các bút toán bổ sung (ví dụ: Bút toán khác).

Hệ thống tài khoản kế toán cũng được xây dựng để ghi nhận chính xác các thông tin liên quan đến các đối tượng kế toán, đảm bảo quá trình xử lý và khai thác thông tin của chương trình kế toán. Hệ thống này phải tuân thủ theo hệ thống tài khoản thống nhất do Bộ Tài chính ban hành. Và dựa trên đặc thù của từng doanh nghiệp mà có thể xây dựng các tài khoản chi tiết, phục vụ công tác quản lý của từng doanh nghiệp.

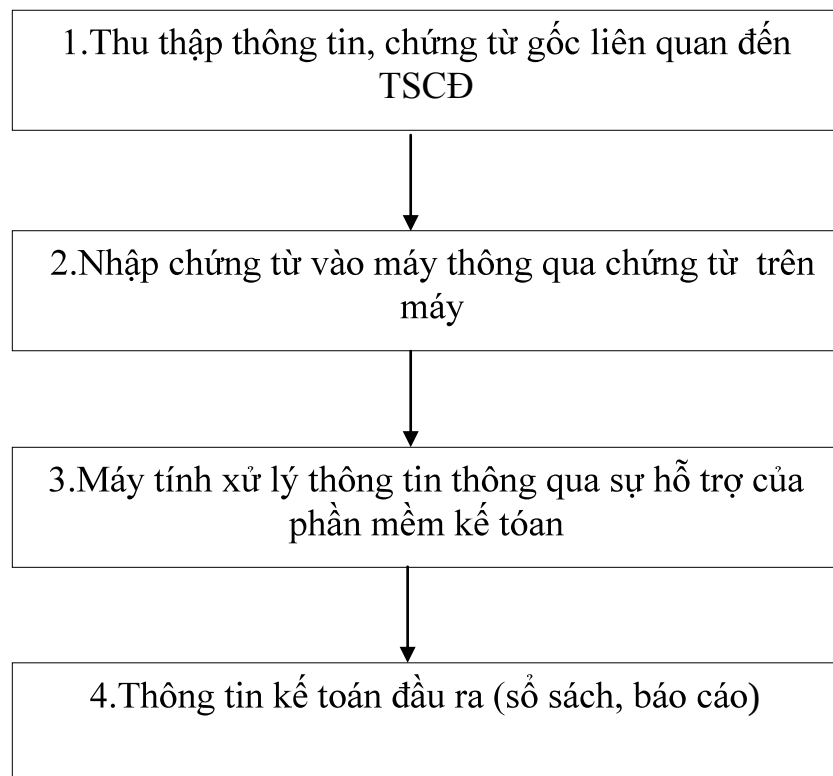
- *Tổ chức hệ thống sổ kế toán*

Các phần mềm kế toán đều cung cấp hệ thống sổ kế toán đa dạng để theo dõi TSCĐ: sổ theo dõi TSCĐ theo từng đơn vị sử dụng, các sổ kế toán tổng hợp (sổ cái TK 211, Chứng từ ghi sổ..), sổ chi tiết..

Tùy theo hình thức kế toán mà doanh nghiệp lựa chọn, phần mềm kế toán sẽ thiết kế hệ thống phù hợp với hình thức đó.

Ngoài ra, người sử dụng có thể vận dụng các chức năng tìm kiếm dữ liệu để nhận được các bảng kê, sổ kế toán theo yêu cầu.

Trình tự kế toán TSCĐHH trong điều kiện ứng dụng máy vi tính



CHƯƠNG II: TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY 128 - BỘ QUỐC PHÒNG.

2.1 Khái quát về công ty 128 - Bộ Quốc Phòng.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty 128 - Bộ Quốc Phòng.

Công ty 128 thuộc Bộ Quốc phòng, được thành lập theo quyết định số 511/QĐ-QP ngày 18/04/1996 trên cơ sở sáp nhập các Doanh nghiệp sau:

- Xí nghiệp vận tải dịch vụ 34
- Công ty 128
- Xí nghiệp 433

Công ty 128 Bộ Quốc phòng có tên giao dịch quốc tế là No 128 Company

- Trụ sở công ty đặt tại Đông Hải - An Hải - Hải Phòng. Với các văn phòng đại diện đặt tại Vũng Tàu, Qui Nhơn, Khánh Hòa...
- Vốn kinh doanh 12.282 triệu đồng
- Mã số thuế : 0200145316.

Công ty 128 là doanh nghiệp nhà nước có tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán độc lập, có tài khoản tại Ngân hàng, và có con dấu riêng.

Giấy phép kinh doanh số 110060 cấp ngày 02/07/1996 tại Ủy ban kế hoạch (nay là Sở Kế hoạch và đầu tư) thành phố Hải Phòng.

Công ty 128 là Doanh nghiệp thực hiện 2 nhiệm vụ kinh tế và Quốc phòng. Vì vậy, song hành cùng đội ngũ Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp là đội ngũ cán bộ công nhân viên có kinh nghiệm trên nhiều lĩnh vực, nhất là các hoạt động dịch vụ trên biển như bảo vệ các công trình dầu khí trên biển kinh doanh nuôi trồng chế biến khai thác thủy Hải sản, nuôi trồng và khai thác Hải sản.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Khai thác, nuôi trồng, thu mua, chế biến kinh doanh xuất khẩu thủy hải sản
- Dịch vụ tổng hợp trên biển (dịch vụ bảo vệ các công trình dầu khí, bảo vệ khảo sát, thăm dò tài nguyên biển)
- Sản xuất cơ khí, sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, phương tiện thủy;

- Dịch vụ cảng, bến bãi, kho;
- Phá dỡ tàu biển, kinh doanh vật tư thiết bị thanh xử lý
- Ứng phó sự cố tràn dầu;

Trong những năm qua, đội tàu dịch vụ đã tham gia bảo vệ an toàn tuyệt đối các công trình dầu khí quốc gia trên biển được Tổng công ty Dầu khí Việt Nam đề nghị Chính phủ khen thưởng. Trang thiết bị máy móc của các cơ sở sửa chữa đã từng bước được đổi mới, kết hợp với ụ nổi 650 tấn đủ đáp ứng sửa chữa lớn đến các loại tàu 600-1000 tấn, sản xuất và sửa chữa các loại xuồng vỏ nhôm, gia công các loại kết cấu thiết bị bằng thép.

Để phục vụ cho công tác nuôi trồng thủy sản (cá song, cá giò,...tôm hùm và các loài nhuyễn thể có giá trị..) công ty cũng đã xây dựng cơ sở vật chất đầy đủ, nâng cao hiệu quả nuôi trồng, phục vụ nhu cầu nội địa và xuất khẩu.

Hệ thống cầu cảng, kho bãi tại Hải Phòng đảm bảo cho tàu 2000 tấn bốc xếp và lưu giữ tại kho, sản lượng đạt 200.000 tấn/năm.

Sản phẩm nước mắm của công ty tiếp tục được đầu tư nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã, đáp ứng nhu cầu thị trường. Tuy nhiên, thị phần của loại sản phẩm này không lớn, chủ yếu tiêu dùng nội bộ.

Năm 2000, công ty 128 được Bộ Quốc phòng công nhận là doanh nghiệp loại 1.

Trong những năm sắp tới, công ty đang có kế hoạch mở rộng qui mô của một số ngành: tiếp tục đầu tư khai thác hệ thống cầu cảng, kho bãi để đưa hoạt động cảng vào nề nếp, nâng cấp cảng lên 5000- 7000 tấn; Xây dựng chương trình cấp cứu, cứu nạn, ứng phó sự cố tràn dầu trên biển dưới dự đầu tư vốn của Nhà nước; mở rộng dịch vụ sửa chữa đóng mới tàu thuyền ra bên ngoài

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ CƠ BẢN

Năm 2007-2009

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Tổng doanh thu	75.623.183.186	73.918.009.591	106.682.999.025
Nộp NSNN	4.565.179	431.614.038	88.667.423
Lợi nhuận trước thuế	4.433.640.326	3.586.464.563	3.611.682.746
Thuế TNDN	1.241.419.291	1.004.210.077	1.011.271.169
Lợi nhuận sau thuế	3.192.221.035	2.582.254.486	2.600.415.577
Thu nhập bình quân	2.310.100đ/tháng	3.004.250đ/th	3.539.175đ/th

Bảng 2.1: Chỉ tiêu phát triển của công ty 128 Hải quân

Nhìn vào bảng chỉ tiêu trên ta thấy:

- Doanh thu của Công ty năm 2009 tăng cao. Đây là biến động có tính chất tốt, Công ty đã khẳng định được vị trí của mình trong nền kinh tế của Hải Phòng.

- Nhìn vào chỉ tiêu lợi nhuận ta nhận thấy đây là khoản lợi nhuận lớn. Điều này chứng tỏ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả.

- So với năm 2007 mức lương bình quân của mỗi cán bộ công nhân viên trong Công ty tăng lên 1,53%. Đây là biến động rất tích cực tác động đến mỗi cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty và cho ta thấy được kết quả sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm qua đang có triển vọng tốt. Từ đó làm cho người lao động yên tâm công tác và có hướng phấn đấu, phát huy mọi tài năng của mình vào công việc mà công ty giao cho, giúp công ty phát triển không ngừng.

2.1.2 Đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức sản xuất của công ty 128

2.1.2.1 Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp

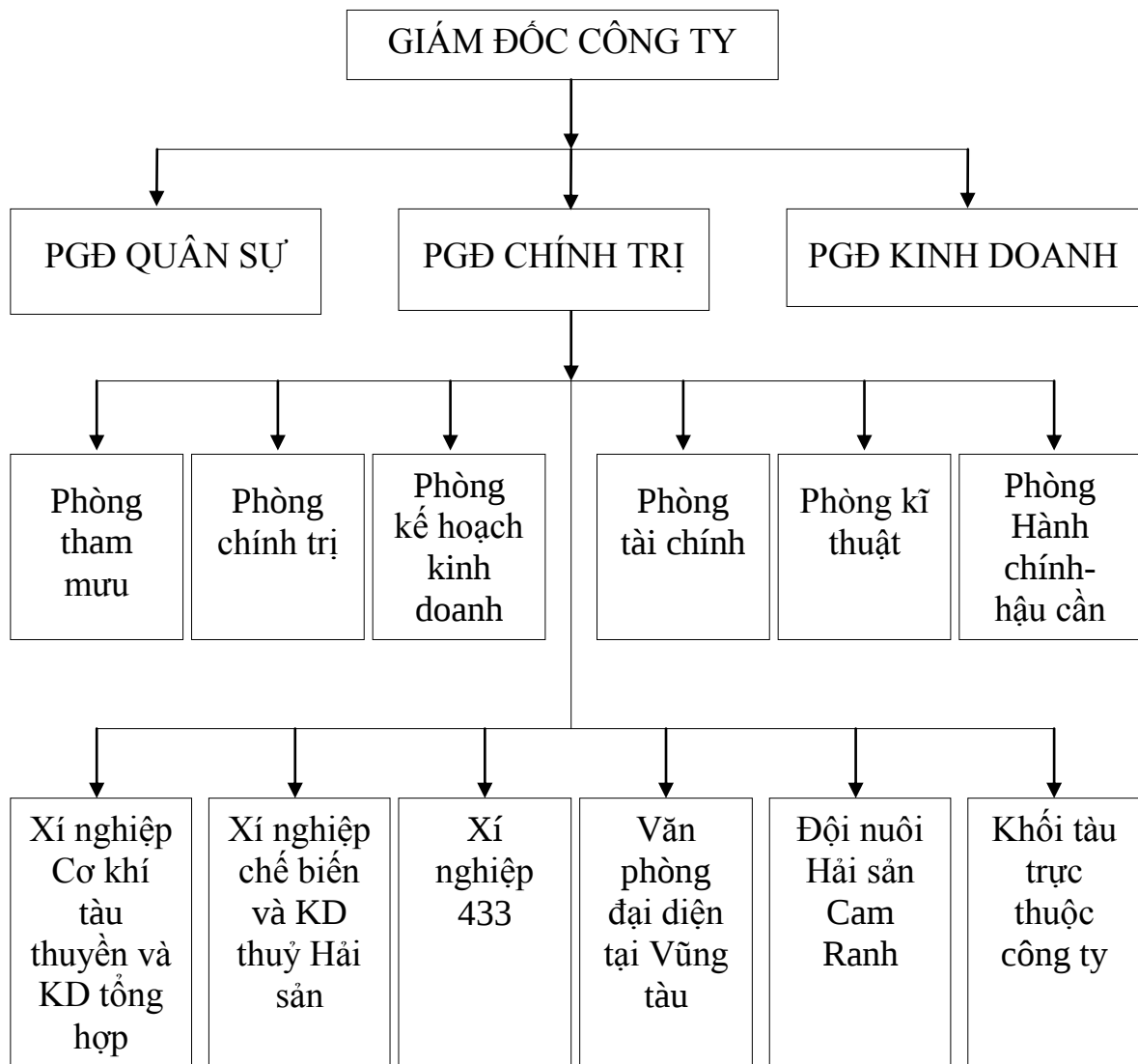
Công ty 128 là một doanh nghiệp Nhà nước kinh doanh đa dạng ngành nghề. Mỗi ngành nghề lại có đặc điểm riêng biệt (dịch vụ bảo vệ khai thác dầu khí đòi hỏi phải có hệ thống tàu thuyền chịu đựng sóng gió mạnh; dịch vụ sửa chữa phải có đội ngũ công nhân lành nghề cũng như hệ thống máy móc hiện đại...) chính vì vậy, để phù hợp với điều kiện sản xuất của từng ngành nghề, công ty tổ chức thành

các Xí nghiệp, tổ đội, bộ phận. Mỗi một Xí nghiệp, bộ phận chuyên về mỗi ngành nghề. Để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hiện nay công ty đang tiếp tục sắp xếp, tổ chức phân công nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh giữa các xí nghiệp, bộ phận sao cho hợp lý, phát huy được tối đa cơ sở vật chất và nguồn nhân lực được đào tạo chuyên môn. Từ đó, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trong thời gian tới, bộ phận dịch vụ Cảng sẽ tách ra thành Công ty Cổ phần hạch toán độc lập, chịu trách nhiệm trực tiếp đối với ngành Dịch vụ cảng khi hệ thống cảng, kho bãi tiếp tục mở rộng .

2.1.2.2 Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty

Bộ máy quản lý sắp xếp hợp lý là điều kiện cơ bản để đảm bảo hiệu quả sản xuất, kinh doanh của một công ty. Công ty 128 tổ chức bộ máy theo cơ cấu của công ty Nhà nước, có sự hoạt động của Đảng ủy, Công đoàn. Việc quản lý Công ty do Giám đốc trực tiếp điều hành bao gồm các phòng ban và các Xí nghiệp, bộ phận sản xuất kinh doanh. Trong những năm gần đây, Công ty đang có sự thay đổi cơ cấu bộ máy giúp việc cho Giám đốc, trẻ hóa cán bộ quản lý, sắp xếp đúng người đúng việc.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY 128 –HẢI QUÂN



Sơ đồ số 2.1 : Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty 128 - BQP

Chức năng , nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy quản lý

<i>Vị trí</i>	<i>Chức năng, nhiệm vụ</i>
Giám đốc	Là người chịu trách nhiệm cao nhất đối với toàn bộ hoạt động của công ty, và có toàn quyền quyết định những vấn đề ảnh hưởng đến lợi ích của công ty.
Phó giám đốc quân sự	Chịu trách nhiệm chỉ đạo trên lĩnh vực quân sự...
Phó giám đốc chính trị	Chịu trách nhiệm công tác Đảng và công tác chính trị cho toàn công ty...

Phó giám đốc kinh doanh	Chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các kế hoạch sản xuất,kinh doanh...
Phòng tham mưu	Phối hợp với các phòng ban khác chuẩn bị các dự kiến tình hình cần thiết cho người chỉ huy ra chủ trương về mặt quân sự. Nắm chắc tình hình mọi mặt , đảm bảo đơn vị luôn sẵn sàng chiến đấu Tổ chức huấn luyện, nghiên cứu khoa học quân sự. Duy trì hoạt động của công ty theo điều lệnh , điều lệ của Quân đội và công ty.Công tác cơ yếu phục vụ kịp thời cho chỉ huy,điều hành đảm bảo bí mật..Quản lý tốt tài liệu...
Phòng chính trị	Triển khai công tác Đảng công tác chính trị cho toàn công ty Triển khai hoạt động cho các tổ chức quần chúng : công đoàn, thanh niên,phụ nữ. Triển khai nghị quyết của lãnh đạo cấp trên Tổ chức huấn luyện ,bồi dưỡng công tác Đảng, chính trị cho nhân viên toàn công ty.
Phòng Kế hoạch- kinh doanh	Tham mưu cho giám đốc về kế hoạch phát triển kinh doanh về thực hiện các dự án đầu tư XDCCB và các công tác thống kê kế hoạch, đồng thời tham mưu các vấn đề như tổ chức cán bộ,chính sách người lao động.Thanh tra kiểm tra thực hiện sản xuất ,lao động tổng hợp kết quả ,chỉ ra mục tiêu phương hướng trong tương lai.
Phòng Tài chính	Tham mưu cho giám đốc về tổ chức quản lý tài chính,thực hiện kế hoạch hạch toán kinh doanh và chấp hành các chế độ , các chính sách tài chính-kế toán, thống kê kiểm toán nhà nước về qui hoạch kế hoạch tín dụng cũng như tổ chức về kế hoạch lao động tiền lương , chính sách bảo hiểm và các chính sách khác của Pháp luật...

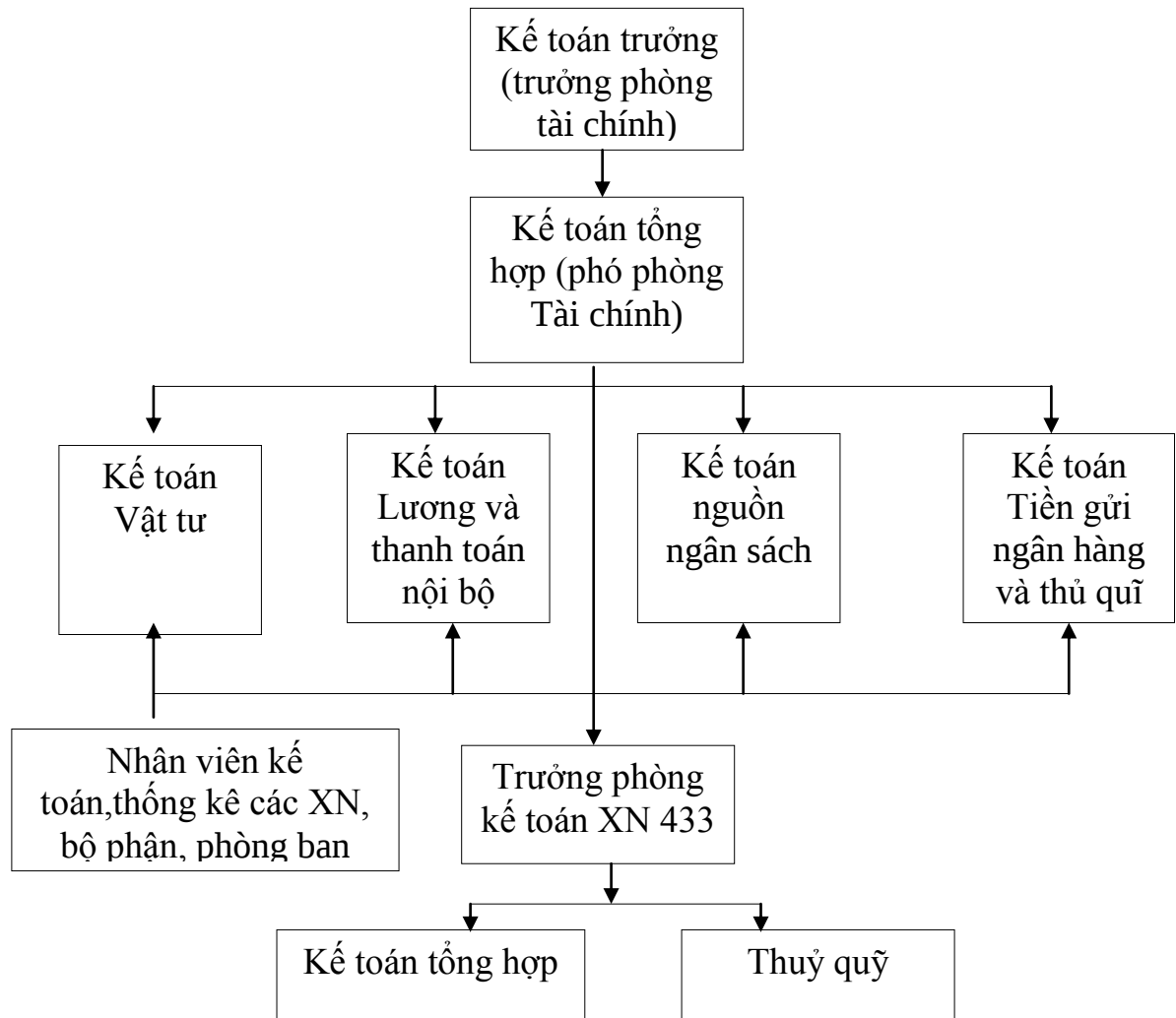
Phòng Kỹ thuật	Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo công ty về công tác đảm bảo trang bị, đảm bảo kỹ thuật quản lý trang bị, quản lý tàu và cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty
Phòng Hành chính – Hậu cần	Đảm bảo công tác về công tác hành chính và hậu cần cho công ty, đảm bảo quân nhu, quân trang và các công tác đảm bảo khác cho toàn đơn vị
Xí nghiệp CKTT&KDTH	Sửa chữa, gia công cơ khí, sửa chữa tàu thuyền, phương tiện thủy Kinh doanh cầu cảng, bến bãi, phá dỡ tàu cũ
Xí nghiệp 433 (xí nghiệp tàu đánh cá công ích)	Khai thác nuôi trồng, chế biến và kinh doanh Hải sản Dịch vụ hậu cần nghề cá Dịch vụ cảng, kho, bãi, cung ứng vật tư nhiên liệu
Xí nghiệp chế biến và kinh doanh thủy hải sản	Chế biến, nuôi trồng thủy hải sản Sản xuất nước mắm đóng chai, mắm kem

2.1.2.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty 128.

Xuất phát từ đặc điểm ngành nghề kinh doanh của công ty: kinh doanh đa dạng ngành nghề, từ sản xuất đến cung cấp dịch vụ, với địa bàn hoạt động của đơn vị trải dài từ Bắc đến Nam, và việc phân cấp quản lý Tài chính chưa ở mức cao nên Công ty 128 lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán **vừa tập trung vừa phân tán**: ở công ty thành lập phòng kế toán trung tâm, thực hiện công việc kinh tế phát sinh ở đơn vị chính và các đơn vị không tổ chức bộ phận kế toán riêng. Riêng xí nghiệp 433 được tổ chức bộ phận kế toán riêng để hạch toán từ các khâu lập chứng từ, xử lý thông tin, và lập báo cáo kế toán định kỳ cung cấp số liệu, báo cáo về phòng kế toán trung tâm (theo quý và theo năm).

2.1.2.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán

SƠ ĐỒ BỘ MÁY KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY 128



Sơ đồ số 2.2 : Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty 128 - BQP

Trong đó:

- **Kế toán trưởng:** chịu trách nhiệm chung, có chức năng hướng dẫn , chỉ đạo , kiểm tra công tác kế toán của nhân viên kế toán, lập báo cáo , cung cấp thông tin và chịu trách nhiệm về thông tin kế toán trước giám đốc;

- **Kế toán tổng hợp:** có quyền quyết định một số công việc của kế toán trưởng khi kế toán trưởng đi vắng; định kỳ , tổng hợp số liệu , tập hợp chi phí , tính giá thành, theo dõi, lập chứng từ , hạch toán TSCĐ..

- **Kế toán vật tư:** theo dõi tình hình nhập xuất vật tư , tham gia kiểm kê vật tư, hàng hóa

- **Kế toán Lương, các khoản trích, thanh toán nội bộ**: phụ trách tính và thanh toán lương cho cán bộ, công nhân viên, tình hình thanh toán trong nội bộ đơn vị

- **Kế toán ngân sách**: thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nguồn kinh phí sự nghiệp, nguồn ngân sách cấp

- **Kế toán tiền gửi Ngân hàng, thủ quỹ**: tiền hành các nghiệp vụ liên quan đến ngân hàng, kiêm thủ quỹ, thực hiện rút tiền, chuyển tiền...

2.1.2.3.2 Tổ chức vận dụng chế độ kế toán

Công ty 128 đã áp dụng kế toán máy từ năm 2002. Điều này tạo điều kiện cho công tác kế toán được tiến hành nhanh chóng kịp thời. Các máy vi tính trong Phòng tài chính được kết nối nội bộ với máy của kế toán tổng hợp. Định kì, kế toán tổng hợp sẽ hoàn chỉnh các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh ở khối văn phòng và các đơn vị để tổng hợp số liệu và lập báo cáo chung. Tuy nhiên, do việc tổ chức mạng chưa hoàn chỉnh nên hiện nay, các đơn vị không có bộ phận kế toán riêng hàng ngày vẫn phải chuyển chứng từ lên phòng kế toán trung tâm thông qua các nhân viên thống kê, còn XN 433, do tổ chức được bộ phận kế toán riêng, nên định kì (tháng) sẽ chuyển báo cáo của XN ra phòng kế toán trung tâm để tổng hợp. (riêng xí nghiệp 433 không áp dụng kế toán máy).

**Chế độ kế toán áp dụng:*

- Doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 1141/TC/QĐKT ngày 01/11/1995 đến ngày 31/03/2006 và từ ngày 01/04/2006 áp dụng theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Hình thức kế toán: chứng từ ghi sổ

**Phần mềm kế toán áp dụng: EFFECT.*

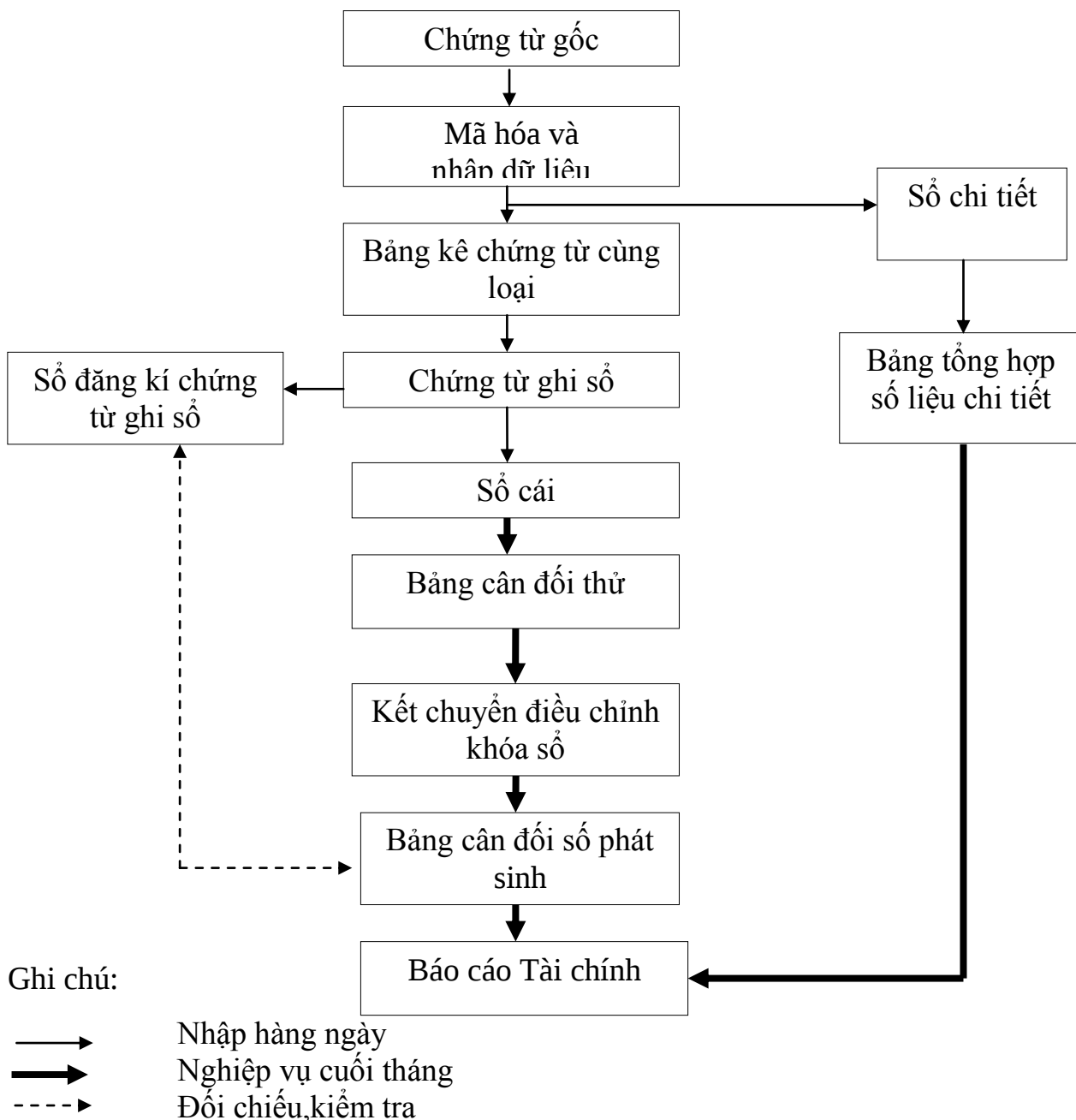
**Chính sách kế toán áp dụng:*

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền theo đồng Việt Nam;
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo giá gốc;
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: theo phương pháp đích danh;
- Phương pháp hạch toán giá trị hàng tồn kho: kê khai thường xuyên;
- Không lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐHH theo giá gốc;
- Phương pháp khấu hao TSCĐHH: Phương pháp đường thẳng;

**Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán:*

Mẫu chứng từ kế toán công ty sử dụng có 2 loại: Mẫu bắt buộc do Bộ Tài chính ban hành và những chứng từ phù hợp với yêu cầu quản lý của Bộ Quốc Phòng và công ty. Dựa trên đặc điểm tổ chức sản xuất của công ty và khối lượng công việc, trình độ chuyên môn mà kế toán trưởng sẽ qui định người lập, kiểm tra chứng từ, trình tự lập, luân chuyển, xử lý lưu trữ chứng từ...

SƠ ĐỒ TRÌNH TỰ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC CHỨNG TỪ GHI SỔ TRONG ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG KẾ TOÁN MÁY:



Sơ đồ số 2.3: Sơ đồ trình tự kế toán chứng từ ghi sổ trong điều kiện áp dụng kế toán máy.

****Hệ thống tài khoản kế toán và sổ sách kế toán sử dụng:***

Hệ thống tài khoản kế toán của Công ty được khai báo trong danh mục tài khoản của phần mềm kế toán EFFECT, tuân thủ theo hệ thống tài khoản tại Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính. Hiện nay, công ty sử dụng 49 tài khoản cấp 1 (trong bảng) và 1 tài khoản ngoài bảng, và sử dụng một hệ thống tài khoản chi tiết phù hợp, phục vụ công tác quản lý sản xuất theo từng ngành nghề.

Hiện nay Công ty đang sử dụng hệ thống sổ sách và các mẫu biểu quy định tại Quyết định 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2009 của Bộ Tài chính.

Hệ thống báo cáo Tài chính của Công ty tuân thủ theo mẫu biểu báo cáo tài chính do Bộ Tài chính quy định Mẫu số 01 bảng cân đối kế toán, Biểu mẫu số 02 báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Biểu mẫu số 08 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Biểu mẫu số 09 Thuyết minh báo cáo tài chính, theo định kỳ hàng quý, năm Công ty sẽ lập báo cáo Tài chính gửi các cơ quan Ngoài các biểu mẫu báo cáo trên Công ty Công lập thêm các báo cáo quản trị khác như Báo cáo các khoản thu, chi ngân sách, Báo cáo chi phí quản lý Doanh nghiệp, báo cáo sản xuất theo yếu tố, báo cáo giá thành theo khoản mục... để phục vụ công tác quản trị nội bộ và quản lý của Công ty chức năng (02 bản gửi Quân chủng Hải Quân , 02 bản gửi Cục Tài chính Bộ Quốc phòng).

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty 128 - Bộ Quốc Phòng.

2.2.1 Đặc điểm công tác quản lý TSCĐ tại công ty.

2.2.1.1 Đặc điểm TSCĐ và công tác quản lý TSCĐ.

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh đa dạng ngành nghề, TSCĐ của công ty 128 cũng có sự đa dạng, đặc trưng cho từng ngành, chủ yếu là phương tiện vận tải, máy móc...

Từ khi thành lập, tài sản cố định đã được công ty chú trọng đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh. Đội tàu được trang bị hệ thống tàu thuyền giá trị lớn, trang bị hiện đại phục vụ cho dịch vụ trên biển; hệ thống máy móc ngày càng được cải tiến đảm bảo cho dịch vụ sửa chữa và gia công cơ khí; hệ

thống nhà xưởng bên bãi tiếp tục được xây dựng và mở rộng trong năm nay cho phép phát triển dịch vụ cảng...

Tính đến ngày 31/12/2009 tổng nguyên giá TSCĐ của toàn công ty là 145.558.035.906 đồng, trong đó dùng trực tiếp vào sản xuất kinh doanh là 56.516.862.266

TSCĐ của công ty chủ yếu được đầu tư bằng vốn ngân sách (gồm cả vốn đầu tư từ Nhà nước và nguồn kinh phí sự nghiệp), ngoài ra có vốn tự bổ sung và vốn vay (hình thức vay để đầu tư TSCĐ chưa xuất hiện thường xuyên). Nguyên giá TSCĐ của công ty khá lớn, tuy nhiên có những tài sản được dùng lâu, nên giá trị còn lại của TSCĐ còn không nhiều: 95.502.976.666 đồng; riêng giá trị còn lại của những tài sản dùng trực tiếp vào sản xuất kinh doanh là :31.139.445.961 đồng.

* Đặc điểm công tác quản lý:

Về mặt giá trị: do Phòng tài chính phụ trách. Phòng tài chính sẽ trực tiếp lập sổ sách kế toán theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ theo chỉ tiêu giá trị. Tính toán ghi chép việc trích khấu hao, thu hồi vốn để tái đầu tư.

Về mặt hiện vật :

- Những TSCĐ là nhà cửa vật kiến trúc do bộ phận xây dựng cơ bản thuộc phòng Hành chính- Hậu cần quản lý

- Những TSCĐ còn lại do phòng Kỹ thuật trực tiếp lập sổ sách theo dõi.

2.2.1.2. Phân loại Tài sản cố định

Việc phân loại TSCĐ theo các tiêu chí khác nhau sẽ phục vụ các nhu cầu khác nhau của đơn vị. Để đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý và hạch toán TSCĐ, công ty phân loại TSCĐ hữu hình theo các tiêu thức:

- Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành:

TSCĐ của công ty được hình thành từ các nguồn sau:

TSCĐ được hình thành từ nguồn Ngân sách:139.566.975.136 đồng; chiếm 95,9 %

TSCĐ được hình thành từ vốn tự bổ sung :5.991.060.770 đồng; chiếm 4,1%

TSCĐ được hình thành từ vốn vay: chưa có

- Phân loại TSCĐHH theo đặc trưng kỹ thuật:

STT	Tên Tài sản	Nguyên giá (đ)	Tỉ trọng (%)	Giá trị còn lại (đ)
I	Nhà cửa ,vật kiến trúc	57.846.918.767	39,7	44.032.419.874
1	Khu làm việc cơ quan	895.706.494	1,55	433.832.473
...	...	...	..	...
II	Máy móc thiết bị	5.347.916.386	3,7	2.655.834.303
1	Máy hàn TIG-279	59.923.083	1,1	26.266.398
...	...	...	...	...
III	Phương tiện vận tải	80.933.789.797	55,6	48.617.348.996
1	HQ 789	7.000.000.000	8,6	3.996.453.601
...	...	...	...	...
IV	Thiết bị ,dụng cụ quản lý	1.429.410.956	1	197.373.493
1	Máy điều hòa phòng khách	25.240.000	1,8	7.992.653
...	...	...	..	..

- Phân loại TSCĐ theo mục đích sử dụng:

STT	Mục đích	Nguyên giá (đồng)	Tỉ trọng (%)	Giá trị còn lại (đồng)
1	TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh	56.516.862.266	38,8	31.139.445.961
2	TSCĐ dùng cho mục đích quốc phòng	68.235.458.457	46,9	61.331.677.405
3	TSCĐ dùng cho phúc lợi	2.125.277.826	1,5	2.125.277.826
4	TSCĐ chờ thanh lý	1.894.123.087	1,3	906.575.476
5	TSCĐ hết khấu hao	16.786.314.270	11,5	0

Trên đây là các cách phân loại TSCĐ hữu hình của công ty. Thông qua các cách phân loại này, công ty có thể quản lý chặt chẽ TSCĐ một cách cụ thể, chi tiết theo từng loại, từng nhóm từ đó, đưa ra các giải pháp quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng của từng loại, từng nhóm tài sản.

2.2.1.3. Đánh giá TSCĐ

Tài sản cố định là chỉ tiêu quan trọng trong đánh giá năng lực hoạt động của doanh nghiệp, là một chỉ tiêu nhà quản lý doanh nghiệp cần kiểm soát, quản lý cả quá trình mua sắm, đầu tư, sử dụng. Một sai sót liên quan đến số liệu tài sản cố định sẽ ảnh hưởng đến tính trung thực của thông tin trên báo cáo tài chính nhiều năm.

Do đặc điểm vận động về mặt giá trị của TSCĐ, nên tại công ty, việc đánh giá TSCĐ hữu hình bao gồm hai khía cạnh gắn liền với quá trình hình thành và sử dụng TSCĐ hữu hình.

☐ Xác định giá trị ban đầu(Đánh giá theo nguyên giá)

Công ty 128 xác định giá trị ban đầu của TSCĐ theo nguyên giá.

Tại công ty 128, TSCĐ thường được hình thành từ các trường hợp sau:

- Do mua sắm
- Do xây dựng cơ bản hoàn thành bàn giao
- Do được cấp, được điều chuyển
- Do đơn vị tự xây dựng

Trong năm 2009, TSCĐ được hình thành do *mua sắm, tự xây dựng, xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu*.

Theo từng trường hợp mà công ty xác định nguyên giá khác nhau, cụ thể:

Trường hợp 1:

Nguyên giá TSCĐ mua sắm = giá mua theo hóa đơn + các chi phí khác

Chi phí khác gồm: chi phí vận chuyển bốc dỡ, các loại thuế không được hoàn lại.

VÍ DỤ:

Ngày 09/04/2009 công ty mua xe cầu hàng của công ty Cổ phần Bến Nước với giá mua 700.000.000 đồng, thuế GTGT 5%. Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng và biên bản bàn giao thiết bị giữa hai công ty, kế toán xác định Nguyên giá của Xe cầu là 700.000.000 đồng;

Trường hợp 2:

$$\begin{array}{l} \text{NG TSCĐ hữu hình} \\ \text{do XDCB theo} \\ \text{phương thức giao} \\ \text{thầu} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá quyết toán} \\ \text{công trình xây} \\ \text{dựng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các chi phí liên} \\ \text{quan trực tiếp} \end{array}$$

VÍ DỤ :

Trong quý 1 năm 2009, công ty 128 nghiệm thu và đưa vào sử dụng Phân xưởng chế biến với giá trị quyết toán được duyệt là 80.878.000. Thuế GTGT 10%. Căn cứ vào biên bản nghiệm thu công trình và quyết toán công trình, kế toán ghi nhận nguyên giá của công trình là 80.878.000

Trường hợp 3:

$$\begin{array}{l} \text{NG TSCĐ tự xây} \\ \text{dựng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{của TSCĐ tự xây} \\ \text{dựng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí trực tiếp} \\ \text{khác} \end{array}$$

VÍ DỤ

Trong quý 3 năm 2009, công ty 128 giao cho xí nghiệp CKTT&KĐTH tự xây dựng nhà điều hành cảng vụ. Toàn bộ chi phí phát sinh là 251.864.695 đồng. Căn cứ vào quyết toán công trình được duyệt và biên bản nghiệm thu, kế toán xác định Nguyên giá Nhà điều hành cảng vụ là 251.864.695 đồng.

□ Đánh giá giá trị còn lại:

Giá trị còn lại của TSCĐHH= NG – giá trị hao mòn lũy kế

VÍ DỤ:

Tháng 10 năm 2009, công ty có mua 1 máy cắt với nguyên giá là 17.000.000 đồng, thời gian sử dụng ước tính là 10 năm, trích khấu hao theo tháng.

Giá trị hao mòn 1 tháng = 17.000.000/120 = 141.666,7 (đồng)

Giá trị hao mòn lũy kế (đến tháng 12 năm 2009)

= 141.666,7 x 3 = 425.000,1 (đồng)

Giá trị còn lại của Máy cắt (tại ngày 31/12/2009):

= 17.000.000 – 425.000,1 = 16 574 999.9 (đồng)

Công ty không thực hiện đánh giá lại giá trị TSCĐ (do chưa có yêu cầu của Nhà nước, chưa có nghiệp vụ góp vốn liên doanh).

2.2.1.4. Tổ chức kế toán TSCĐ khi sử dụng phần mềm kế toán Effect.

Mỗi một phần mềm kế toán có những đặc thù riêng, và được thiết kế phù hợp với từng doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán Effect được công ty áp dụng từ năm 2002. Cho đến nay thì phần mềm này đã tỏ ra hữu hiệu với công ty, giúp cho công tác kế toán thuận lợi, chính xác và hiệu quả hơn.

Tại công ty, hệ thống TSCĐ đã được khai báo trong hệ thống danh mục TSCĐ với các tham số : Mã, tên, mốc tính khấu hao mới, số lần tính khấu hao, đơn vị tính, nguồn, loại tài sản, nơi sử dụng, tiêu thức khấu hao, tổng tiêu thức khấu hao, tài khoản khấu hao Nợ, tài khoản khấu hao có, khoản mục, đối tượng chi phí, giá trị còn lại ..

Để phục vụ công tác quản lý TSCĐ, kế toán phải mã hóa cho từng đối tượng ghi TSCĐ. Đối tượng ghi TSCĐ tại công ty 128 là từng vật kết cấu hoàn chỉnh bao gồm cả vật gá lắp và phụ tùng kèm theo.

Mỗi loại TSCĐHH được mã hóa theo những qui tắc nhất định, gồm một dãy số tự nhiên không trùng lặp, đảm bảo yêu cầu quản lý của đơn vị theo từng loại, từng nhóm.

Mã TSCĐ gồm 6 chữ số:

Chữ số thứ 1 : Mục đích, hiện trạng sử dụng (dùng cho sản xuất hay quốc phòng, hay chờ thanh lý..)

Chữ số thứ 2 : Loại Tài sản

Chữ số thứ 3 : Nguồn hình thành

Chữ số thứ 4 : Ngành, nghề sử dụng

Chữ số thứ 5,6 : Số thứ tự tài sản theo thời gian hình thành

(xem bảng danh mục mã hóa TSCĐ)

Việc khai báo Tài sản có thể thực hiện ban đầu tại chức năng hệ thống hoặc khi nhập chứng từ "Ghi tăng (nguyên chiếc) TSCĐ" ở màn hình nhập liệu (nhấn F5 ở ô TSCĐ, sau đó nhấn Ctrl+I). Tiêu thức KH và tổng Tiêu thức phải được đặt sao cho:

Số tiền khấu hao = (Tiêu thức KH/Tổng tiêu thức) x Nguyên giá

Ví dụ: Nếu TSCĐ khấu hao trong 5 năm thì có thể đặt: **Tiêu thức KH=1** và **Tổng tiêu thức=60**

Kế toán TSCĐ sẽ cập nhật số dư ban đầu tài khoản 211 thông qua chứng từ *Cập nhật số dư TSCĐ ban đầu* để cập nhật số dư ban đầu cho mỗi tài sản. Khi cập nhật, khai báo tên TSCĐ ở danh mục TSCĐ, cập nhật nguyên giá ban đầu cho TSCĐ, nhấn nút "Lưu", EFFECT sẽ hiện ra bảng để kế toán cập nhật giá trị khấu hao ban đầu cho TSCĐ.

Các Loại chứng từ dùng để nhập các phát sinh TSCĐ là:

Ghi tăng (nguyên chiếc) TSCĐ:

Ghi tăng (lắp thêm) TSCĐ:

Ghi giảm (nguyên chiếc) TSCĐ [821-211]:

Ghi giảm (tháo dỡ) TSCĐ:

Khấu hao TSCĐ tháng:

Bút toán TSCĐ khác: Loại C.từ này để nhập các bút toán TSCĐ khác như các bút toán chuyển nguồn khi thanh lý hoặc mua mới TSCĐ, hoặc các bút toán điều chỉnh nguyên giá, giá trị khấu hao của TSCĐ... Bạn chỉ ra tên TSCĐ ở ô TSCĐ trên màn hình nhập liệu khi nhập chứng từ.

Xem, in các báo cáo TSCĐ:

Các báo cáo TSCĐ nằm trong nhóm báo cáo **Tài sản cố định, CCDC** trong danh mục sổ sách, báo cáo. EFFECT cung cấp các báo cáo về TSCĐ sẵn là:

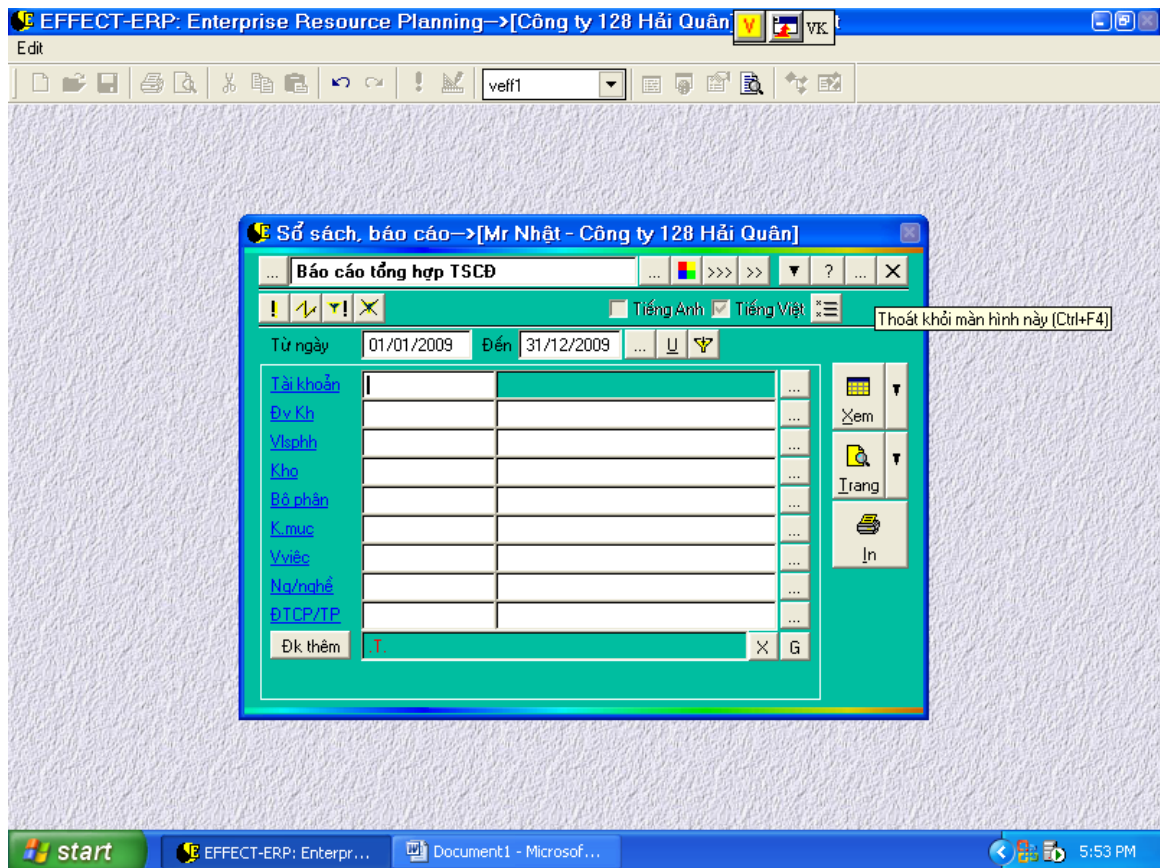
Báo cáo chi tiết TSCĐ: Là báo cáo tổng hợp, mỗi TSCĐ thể hiện trên một dòng vào cột các số liệu như: Nguyên giá, Giá trị khấu hao, giá trị còn lại...

Báo cáo tổng hợp TSCĐ: Cho biết giá trị tăng giảm nguyên giá, tăng giảm (chi tiết các loại tài sản cố định)

Báo cáo tăng giảm TSCĐ: Cho biết những tài sản tăng, giảm trong năm.

Việc xem và in các sổ kế toán, báo cáo có thể thực hiện như sau:

Vào mục “ sổ sách, báo cáo” trên cây chức năng (hoặc nhấn nút “...” trên các cửa sổ nhập dữ liệu, tìm kiếm dữ liệu, chọn sổ sách báo cáo..)



Nhấn nút “...” bên phải Tên báo cáo, lựa chọn loại sổ kế toán, hay báo cáo cần xem.

Chọn thời gian từ ngày...đến

Khai báo các dữ kiện khác (nếu cần thiết)

Nhấn lệnh “ xem” hoặc “in” khi kế toán cần sử dụng.

BẢNG DANH MỤC MÃ HOÁ TSCĐ(trích)

Mã	Tên TS	Nơi sử dụng	...	Tiêu thức KH	Tổng TT kh	TK KH Có	TK KH Nợ
1	TSCĐ DÙNG CHO SXKD						
11	Nhà cửa vật kiến trúc						
111	<i>Nguồn ngân sách</i>						
...	...	...		..	..	..	...
111204	Tường bao	XN CB		1	180	62742	2141
...	..	..		..	..	..	..
112	<i>Nguồn tự bổ sung</i>						
112403	Sân vườn sửa chữa	XNCKTT		1	264	62744	2141
...	..	..		..	..	..	..
12	Máy móc ,thiết bị						
121	<i>Nguồn ngân sách</i>						
...	...	..		..	..	...	..
121413	Máy hàn	XNCKTT		1	120	62744	2141
...	..	..		..	..	..	..
13	Phương tiện vận tải						

131	Nguồn ngân sách						
...	...	..		..	..	..	..
131304	HQ 798	Khối tàu		1	204	62743	2141
...	..	..		..	..	..	..
14	Thiết bị dùng trong quản lý						
141	Nguồn ngân sách						
141521	Máy điều hòa phòng khách	Cơ quan		1	75	64241	2141
..	..	..		..	..	...	..
2	TSCĐ DÙNG CHO QUỐC PHÒNG,PHÚC LỢI						
..	..	..		..	..	..	..
3	TSCĐ CHỜ THANH LÝ						
..	..	..		..		..	..
4	TSCĐ HẾT KHẤU HAO						
...	..	..		..	..	..	..

2.2.2. Kế toán tăng, giảm TSCĐ

2.2.2.1. Kế toán tăng TSCĐ

Trong năm 2009, tài sản cố định của công ty tăng chủ yếu do mua sắm và xây dựng hoàn thành (gồm cả nâng cấp và xây mới) và được đầu tư bằng 100% vốn ngân sách.

*Thủ tục chứng từ tăng TSCĐ

Với TSCĐ là nhà cửa, vật kiến trúc (theo phương thức giao thầu)

Phòng XDCH làm tờ trình xin chủ trương đầu tư. Nếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiếp tục lập hợp đồng với cơ quan tư vấn thiết kế, khảo sát lập báo cáo nghiên cứu khả thi trình duyệt thẩm định và quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của cấp có thẩm quyền.

Sau khi báo cáo được duyệt, hợp đồng với cơ quan tư vấn thiết kế lập dự toán thiết kế kỹ thuật trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hợp đồng với cơ quan tư vấn thiết kế lập kế hoạch đấu thầu và hồ sơ mời thầu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tổ chức đấu thầu, xét thầu, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu. Kí kết hợp đồng với nhà thầu trúng thầu.

Bàn giao mặt bằng, hồ sơ cần thiết cho nhà thầu. Nghiệm thu các bộ phận, hạng mục công trình và nghiệm thu toàn bộ công trình đưa vào sử dụng.

Tạm ứng thanh toán, quyết toán và thực hiện bảo hành công trình.

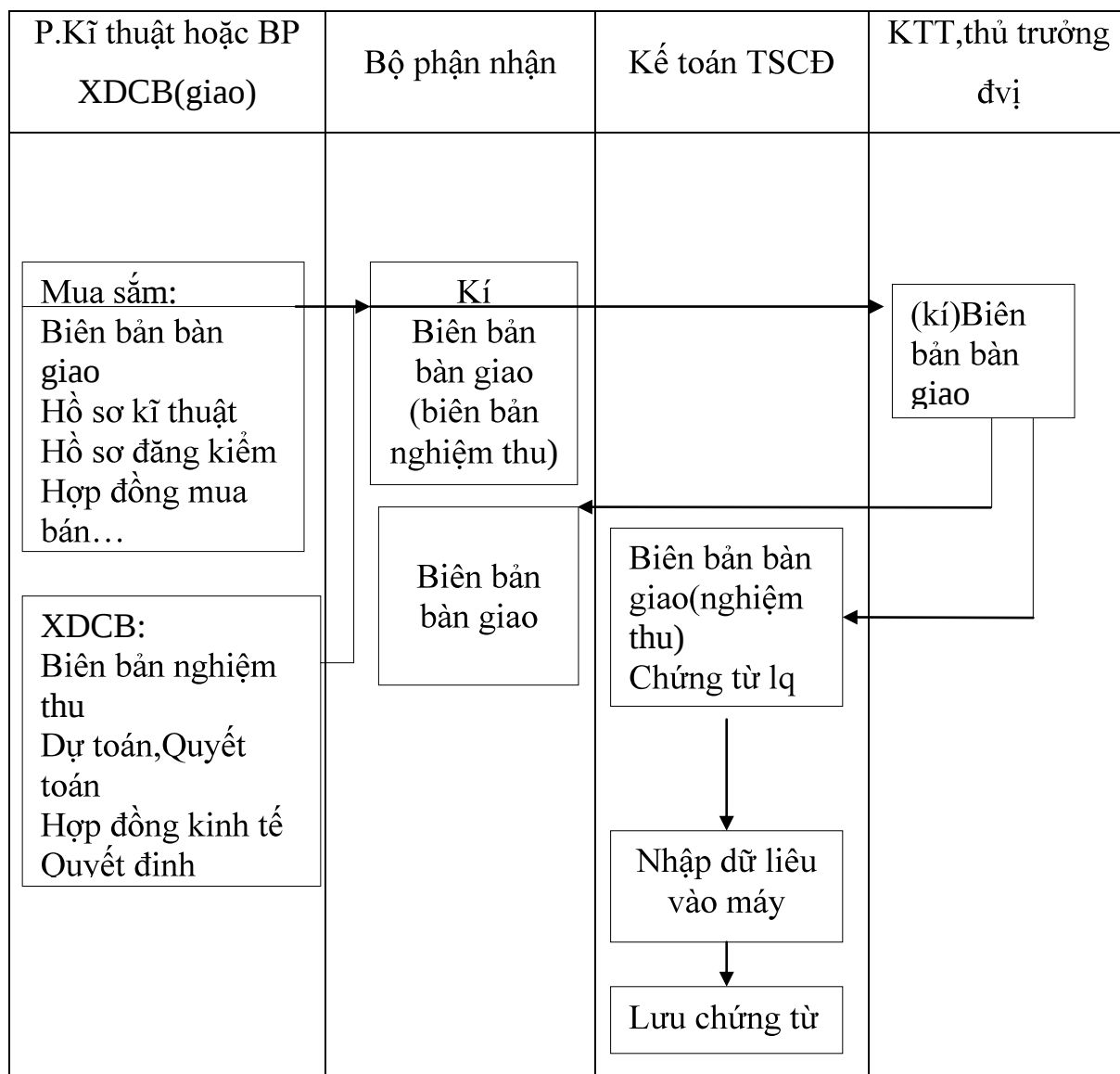
Bên xây dựng cơ bản chuyển một bộ hồ sơ cho phòng Tài chính.

Với các TSCĐ khác:

Bộ phận có nhu cầu sử dụng lập tờ trình xin ý kiến giám đốc về việc mua sắm tài sản. Nếu được chấp nhận, các giấy tờ được chuyển xuống Phòng kỹ thuật. Bộ phận mua sắm gồm đại diện phòng Kỹ thuật, đại diện bộ phận sử dụng, và cán bộ kỹ thuật tiến hành kiểm tra, khảo sát kỹ thuật và gửi giấy báo giá đối với loại tài sản cần mua. Nếu công ty chấp nhận mua, Hợp đồng mua bán sẽ được lập giữa 2 đơn vị. Bên bán giao hàng, lập biên bản bàn giao. Đại diện bên mua, Bộ phận sử dụng, cán bộ kỹ thuật kí vào biên bản bàn giao. Hợp đồng được thanh lý. Điều

kh khoản thanh toán được ghi trong hợp đồng. Tùy thỏa thuận mà các bên thanh toán ngay hoặc phải chờ một thời gian. Toàn bộ hồ sơ được lưu tại phòng kỹ thuật. Một bộ hồ sơ và các chứng từ liên quan lưu tại phòng Tài chính. Do đặc điểm của doanh nghiệp, hồ sơ tài sản cũng được chuyển cho bên tham mưu để theo dõi tình hình tài sản của doanh nghiệp.

*Quy trình luân chuyển chứng từ tăng TSCĐ:



Tại các xí nghiệp, sau khi tài sản được bàn giao các nhân viên kế toán có trách nhiệm theo dõi tình hình sử dụng TSCĐHH, tình hình tăng giảm TSCĐHH trong xí nghiệp mình thông qua “sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng”. Những bộ phận khác trực thuộc cơ quan công ty, có sử dụng TSCĐHH nhưng việc theo dõi TSCĐ sẽ do phòng Tài chính thực hiện.

Tại Phòng tài chính: khi phát sinh những nghiệp vụ tăng giảm TSCĐHH, Bộ phận xây dựng cơ bản (nếu Tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc) hoặc Phòng Kỹ thuật (các tài sản còn lại) sẽ tiến hành kiểm tra tình trạng kỹ thuật, nghiệm thu, lập hồ sơ về TSCĐHH và gửi về phòng Tài chính. Căn cứ vào hồ sơ và các chứng từ liên quan kế toán cập nhật số liệu vào máy (sẽ trình bày cụ thể ở phần sau)

Sau khi cập nhật vào máy, toàn bộ thông tin về TSCĐ được cập nhật lên thẻ TSCĐ, sổ TSCĐ. Đồng thời, máy sẽ tự động vào các sổ kế toán có liên quan : Chứng từ ghi sổ, sổ cái Tài khoản, sổ chi tiết TSCĐ (Bảng tổng hợp TSCĐ)...

*Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 211- TSCĐHH- để phản ánh tình hình tăng giảm TSCĐHH của doanh nghiệp với các tài khoản chi tiết :

TK 2111- Đất

TK 2112- Nhà cửa, vật kiến trúc

Tk 2113- Máy móc, thiết bị

TK 2114- Phương tiện vận tải, truyền dẫn

TK 2115- Thiết bị, dụng cụ quản lý

TK 2118- TSCĐ khác.

** Kế toán chi tiết tăng TSCĐ:*

Đơn vị: Công ty 128- Hải quân

SỔ TÀI SẢN THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

Năm 2009

Tên đơn vị : XNCKTT&KDTH

Ghi tăng tài sản và công cụ lao động							Ghi giảm tài sản và công cụ lao động					
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ và công cụ lao động nhỏ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Đơn giá	Số lượng	Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng năm						Số hiệu	Ngày tháng năm				
..	..	..	..	..	..	..						
09/09-0008	30/9/09	Xe ô tô Jolie	Cái	01	416.847.273	416.847.273						
..	..	..	..	..	..	..						

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Đơn vị: Công ty 128
Xí nghiệp CKTT&KDTH

Mẫu số: S12-DN
Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-
BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng
bộ tài chính

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

SỐ 106

Ngày 30 tháng 9 năm 2009 lập thẻ

Căn cứ vào biên bản bàn giao xe ngày 14 tháng 8 năm 2009

Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Xe ô tô Mishubishi Jolie

Nước sản xuất, (xây dựng) Năm sản xuất

Bộ phận quản lý, sử dụng..XNCKTT&KDTH Năm đưa vào sử dụng **2009**

Công suất, diện tích thiết kế

Điều chỉnh sử dụng TSCĐ ngày tháng năm lý do đình chỉ

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn tài sản cố định		
	Ngày tháng năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
	31/8/2009		416.847.273	2009	41.684.727	
				...		

DỤNG CỤ PHỤ TÙNG KÈM THEO

Số TT	Tên, qui cách phụ tùng, dụng cụ	ĐVT	SL	Giá trị

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số: ngày tháng năm

Lí do giảm

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

** Kế toán tổng hợp các trường hợp tăng TSCĐ:*

❖ Tăng TSCĐ Hữu hình do mua sắm:

Khi mua tài sản cố định về, Phòng Kỹ thuật sẽ chuyển các chứng từ cho Phòng tài chính, căn cứ vào các chứng từ, kế toán sẽ xác định nguyên giá TSCĐ và định khoản:

Nợ TK 211

Nợ TK 133(nếu có)

Có TK 111,112,331...

Nếu phải lắp đặt, chạy thử...các chi phí sẽ được tập hợp trên TK 2411-mua sắm TSCĐ- sau đó mới kết chuyển sang TK 211.

Kết chuyển nguồn vốn, kế toán ghi:

Nợ TK lq: 431, 432, 441...

Có TK 411

VÍ DỤ: *Tại công ty 128, ngày 14/8/2009 mua xe ô tô MISHUBISHI JOLIE 8 chỗ ngồi của công ty An Dân với giá mua 25.682 USD(tương đương 411.217.273 đồng), thuế GTGT 10%, tổng số tiền thanh toán là 452.339.000 đồng. Đồng thời, công ty cũng lắp đặt thêm một số thiết bị khác trên xe với giá trị: 5.630.000 đồng, thuế GTGT 10%, tổng số tiền thanh toán 6.193.000 đồng.*

Trong trường hợp này, toàn bộ chi phí gồm giá mua và chi phí lắp đặt được phản ánh trên TK 2411- mua sắm TSCĐ, sau đó được chuyển sang TK 211 – TSCĐHH với Nguyên giá hạch toán là:

$$(411.217.273+5.630.000) = 416.847.273(\text{đồng})$$

Các chứng từ liên quan: Giấy đề nghị mua xe ô tô, quyết định về việc mua xe ô tô, Hợp đồng mua bán hàng hóa.

+ Hồ sơ xe bao gồm:- Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng,hóa đơn bán hàng; Lệnh và phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ ; Sổ bảo hành; Giấy thông báo thuế, phụ thu; Chỉ tiêu kinh tế -kỹ thuật...

+Biên bản bàn giao xe, Biên bản bàn giao hồ sơ xe

+Biên bản Thanh lý hợp đồng, hóa đơn giá trị gia tăng.

Trích một số chứng từ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

số 819/0706/HĐMB

Căn cứ luật dân sự số 33/2005 /QH ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/6/2005

Căn cứ vào luật Thương mại số 36/2005/QH ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/6/2005

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên

Hôm nay, ngày 13 tháng 07 năm 2009, chúng tôi gồm có:

BÊN MUA : CÔNG TY 128-HQ

Địa chỉ: Đông Hải- An Hải- Hải Phòng

Tel/Fax:031.3766191

TK: 102010000207674-Ngân hàng Công thương Lê Chân-Hải Phòng

MST:02000145316

Đại diện ông: Nguyễn Hạnh Phúc - chức vụ: Giám đốc

BÊN BÁN:CÔNG TY AN DÂN

Địa chỉ: 583 Nguyễn Văn Cừ- Gia Thụy - Long biên -Hà Nội

Tel :048.735.719

Tài khoản: 16567.630.0

Tại Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Điện Biên Phủ-HN

MST :0100239169

Đại diện(bà) : Tạ Tú Trinh - chức vụ: Tổng giám đốc

Hai bên thống nhất thoả thuận các điều khoản mua bán xe ô tô Mishubishi như sau:

Điều 1:Bên mua nhất trí ô tô của bên bán với nội dung cụ thể như sau:

1.1.Loại xe-số lượng-giá cả:

Loại xe	Số lượng	đơn giá	Thành tiền(vnd)
Xe ô tô 8 chỗ ngồi,hiệu Mishubishi Jolie..	01	25.682USD Thuế VAT:2.568 USD Tổng cộng:28.250USD	28.250 USD
Bằng chữ: Hai mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đô la mỹ			

1.2.Chất lượng xe: xe mới 100% được lắp ráp tại VN của nhà sản xuất công ty LDSX ô tô Ngôi sao

1.3.Phụ tùng kèm theo xe:

Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, phụ tùng kèm theo là 01 bộ đồ nghề theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Điều 2:Phương thức thanh toán

Bên mua thanh toán cho bên bán theo 2 đợt

Đợt 1:Bên mua thanh toán cho bên bán 80% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký hợp đồng

Đợt 2:Bên mua thanh toán cho bên bán 20% giá trị hợp đồng còn lại sau khi nhận xe và hồ sơ xe

Phương thức thanh toán:

Bằng tiền mặt và chuyển khoản bằng tiền đồng VN tương đương được chuyển đổi theo tỷ giá bán ra của NHNT ghi trong bản tin nhanh thị trường phát nhanh.

Tên người nhận: Công ty An Dân

Địa chỉ : 583 Nguyễn Văn Cừ – Long Biên – Hà Nội.

Số TK:165676300

Tại NH TMCP quân đội -chi nhánh Điện Biên Phủ- HN

Điều 3: Điều kiện giao hàng

3.1.Thời gian giao hàng:48 ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng (13/7/2009)

3.2 .Địa điểm: Tại công ty 128 HQ

Điều 4:Bảo hành, bảo dưỡng

Xe được bảo hành 4 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hoặc 50.000km đầu tiên tùy theo điều kiện nào đến trước, theo đúng như nội qui ghi trong sổ tay hướng dẫn bảo dưỡng do bên bán cung cấp tại trung tâm dịch vụ và sửa chữa ô tô An Dân hoặc các đại lý uỷ quyền của VINASTAR trên toàn quốc

Bảo dưỡng: kiểm tra miễn phí trước khi giao xe

Kiểm tra bảo dưỡng miễn phí khi xe chạy được 1000 km.5000 km đúng theo qui định của nhà sản xuất.

Điều 5:Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Nếu qua thời hạn thanh toán như đã qui định tại điều 2 của hợp đồng mà bên mua vẫn chưa thanh toán đầy đủ cho bên bán thì bên bán sẽ gửi công văn thông báo cho bên mua (không quá 10 ngày kể từ khi hết hạn). Sau thời

hạn trên bên mua vẫn chưa thanh toán hết cho bên bán thì bên bán sẽ chấm dứt hợp đồng và phát mại chiếc xe. Mọi chi phí phát sinh do bên mua chịu.

Điều 6: Điều khoản chung

Hai bên cam kết tôn trọng thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, không huỷ ngang hợp đồng. Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng này có tranh chấp phát sinh sẽ được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa hai bên. Trường hợp không thoả thuận giải quyết được thì chuyển lên toà án kinh tế Hà Nội giải quyết theo thẩm quyền

Mọi bổ sung, sửa đổi của hợp đồng chỉ có giá trị khi có sự nhất trí bằng văn bản của hai bên.

Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày kí. Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt và lập thành 4 bản ,mỗi bên giữ 2 bản có hiệu lực pháp lý như nhau

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

Nguyễn Hạnh phúc

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

Tạ Tú Trinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO XE, THIẾT BỊ VÀ HỒ SƠ

Căn cứ hợp đồng số 819/0706/HĐMB ngày 13 tháng 7 năm 2009

Hôm nay, ngày 14/8/2009 tại XNCKTT & KDTH công ty 128-Hải Quân chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty 128- HQ

Địa chỉ: Đông Hải – Hải An – Hải Phòng

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Uyên - chức vụ: PGĐ XNCKTT&KDTH

Vũ Văn Hậu -chức vụ Cán bộ Kỹ thuật phòng KT công ty 128

Điện thoại :0313978385

Bên B: Công ty An Dân

Đại diện: Nguyễn Thanh Tùng

Bên B tiến hành bàn giao xe cho bên A với nội dung sau:

I/Xe ô tô:

Loại xe: Mishubishi Jolie

Màu sơn đen X08

Số khung:RLA00VB2U51001993

Số máy:4G63RZ05593

Chất lượng xe : mới 100% theo đúng tinh thần hợp đồng

Các thiết bị kèm theo; Bộ đồ nghề theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, 01 bộ lốp dự phòng

II/Hồ sơ bàn giao

Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng

Hoá đơn bán hàng

Bảng kê số máy

Tờ khai hàng hoá xuất,nhập khẩu

Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Sổ bảo hành

Lệnh và phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

Giấy thông báo thuế,phụ thu

Sổ tay hướng dẫn cho chủ xe

Bên nhận đã nhận xe đầy đủ theo như tình trạng đã nêu trên.Biên bản được lập thành 02 bản,mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau và làm căn cứ để thanh lý hợp đồng mua bán

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

HÓA ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2:giao khách hàng

Ngày 23 tháng 8 năm 2009 **0058649**

Đơn vị bán hàng: công ty An Dân

Địa chỉ: 583 Nguyễn Văn Cừ- Gia Thụy - Long biên -Hà Nội

MST:0100239169

Họ tên người mua hàng

Tên đơn vị: Công ty 128 Hải Quân

Địa chỉ: Đông Hải – Hải An – Hải Phòng

Số tài khoản

Hình thức thanh toán:TM/CK MS:0200145316

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Xe ô tô 08 chỗ ngồi hiệu MISHUBISHI JOLIE mới 100% màu đen. Số khungRLA00VB2W51001933 tỉ giá 1USD =16.01	C	01	25.682 USD	25.682 USD
Cộng tiền hàng: (VNĐ)					411.217.273
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT: (VNĐ)					41.121.727
Tổng cộng tiền thanh toán:					452.339.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm năm mươi hai triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng chẵn					

HÓA ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2:giao khách hàng

Ngày 24 tháng 8 năm 2009 **0013568**

Đơn vị bán hàng: Công ty CPTM vật tư tổng hợp Lê Chân

Địa chỉ: 119- Tô Hiệu- Lê Chân-Hải Phòng

MST:0100233456

Họ tên người mua hàng

Tên đơn vị: Công ty 128 Hải Quân

Địa chỉ: Đông Hải – Hải An – Hải Phòng

Số tài khoản:10200000207674 tại NH công thương Lê Chân- Hải Phòng

Hình thức thanh toán:TM MS:0200145316

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cân trước +sau	Bộ	01	2.400.000	2.400.000
2	Giá nóc DL	Cái	01	1.500.000	1.500.000
3	Che mưa	Bộ	01	400.000	400.000
4	Che nắng	Bộ	01	240.000	240.000
5	đèn sương mù	Cái	01	230.000	230.000
6	ốp gương	Bộ	01	410.000	410.000
7	Ghế	Cái	02	100.000	200.000
8	thảm	Xe	01	250.000	250.000
Cộng tiền hàng:					5.630.000
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT:					563.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.193.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Cuối tháng, Căn cứ vào hóa đơn GTGT và biên bản bàn giao xe của công ty An Dân, kế toán nhập liệu như sau:

The screenshot shows the EFFECT-ERP software interface. The main window is titled "Nhập dữ liệu -> [Mr Nhật - Công ty 128 Hải Quân]". It contains several input fields and buttons. The "Loại C.từ" field is set to "Bút toán khác". The "Ngày" field is set to "31/08/2009". The "Chứng từ" field is set to "05" and "Ctgs" is set to "0382". The "ĐTC/TP" field is set to "2411" and "XDCB dở dang: Mua sắm TSCĐ". The "Nợ" field is set to "411 217 273" and "Nợ" is set to "0.00". The "Có" field is set to "331" and "Phải trả cho người bán". The "Tiền" field is set to "411 217 273" and "Tiền" is set to "0.00". The "Kh.có" field is empty. The "Đơn vị khách hàng" field is set to "Công ty an dân 'Bán ô tô'". The "Ng/nghe" field is empty. The "Truy cập tới các chức năng thêm của màn hình hiện thời (Ctrl+Alt+N)" button is visible. The "Lưu" button is highlighted. The "Tách" button is visible. The "Hủy" button is visible. The "Tìm" button is visible. The "Mới" button is visible. The "CPSX" checkbox is checked. The "start" button is visible in the bottom left corner. The "EFFECT-ERP: Enterpr..." button is visible in the bottom center. The "Document1 - Microsof..." button is visible in the bottom right corner. The "5:55 PM" time is displayed in the bottom right corner.

- Chọn chứng từ “Bút toán khác”
- Nhập ngày tháng, khai báo thuế: 10 %; diễn giải, đơn vị khách hàng...
- Định khoản::

Nợ TK 2411: 411.217.273

Có TK 331: 411.217.273

- Nhấn Lưu, hiện lên bảng phản ánh thuế GTGT:

Nợ TK 1332: 41.121.727

Có TK 331: 41.121.727

Xem lại nghiệp vụ vừa nhập bằng cách nhấn vào nút hình phễu gần mục “ngày”.

Cuối tháng, Căn cứ vào Hóa đơn GTGT của công ty CPTM vật tư tổng hợp Lê Chân, kế toán nhập dữ liệu như sau:

Effect-ERP: Enterprise Resource Planning - [Công ty 128 Hải Quân]

Loại C.từ: **Bút toán khác**

Phiếu in: P.chi Bộ Phận

Ngày: 31/08/2009

Chứng từ: 01 | C.tg: 0382

ĐTCB/TP: [Hủy bút toán hiện thời khi ở chế độ Sửa]

Nợ: 2411 | XDCB dở dang: Mua sắm TSCĐ

Tiền: 5 630 000 | Ntệ: 0.00

Có: 13684 | XN Sửa chữa

Tiền: 5 630 000 | Ntệ: 0.00

Kh.có: 13684 | XN Sửa chữa tàu

Kỷ luật là sức mạnh.

- Từ màn hình nhập liệu, Chọn chứng từ “Bút toán khác”
- Nhập ngày tháng, khai báo thuế: 10 %; diễn giải, đơn vị khách hàng...
- Định khoản:

Nợ TK 2411: 5.630.000

Có TK 13684: 5.630.000

- Nhấn Lưu, hiện lên bảng phản ánh thuế GTGT:

Nợ TK 1332: 563.000

Có TK 13684: 563.000

- Nhấn “Lưu” lưu lại nghiệp vụ vừa nhập

Xem lại nghiệp vụ vừa nhập bằng cách nhấn vào nút hình phễu gần mục “ngày”. In chứng từ ghi sổ (nhấn vào nút in trên màn hình nhập liệu).

Sau khi các dữ liệu về mua sắm ô tô, thiết bị được nhập vào máy, máy tính sẽ tự động cập nhật số liệu trên vào các sổ kế toán tài sản cố định và chứng từ ghi sổ.

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày 01/08/2009 đến ngày 31/08/2009 Tài khoản 331
Số :0382

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
Ngày	Số		Nợ	Có	
31/08/2009	07	Phải trả tiền mua xe ô tô(thuế GTGT)	1332	331	41.121.727
31/08/2009	07	Phải trả tiền mua xe ô tô....	2411	331	411.217.273

Kèm theo ...chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 08 năm 2009

Người lập

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày 01/08/2009 đến ngày 31/08/2009 Tài khoản 13684
Số :0383

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
Ngày	Số		Nợ	Có	
31/08/2009	08	(thuế)Đ/c Ngẫu tt tiền mua thiết bị xe Jolie(LMT) XNSC	1332	13684	563.000
31/08/2009	08	Đ/c Ngẫu tt tiền mua thiết bị..	2411	13684	5.630.000

Kèm theo ...chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 8 năm 2009

Người lập

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

Cuối tháng 9, kế toán xác định Nguyên giá xe Jolie, nhập liệu như sau:

Từ màn hình nhập liệu, chọn chứng từ “Ghi tăng(nguyên chiếc) TSCĐ”

Khai báo ngày tháng, chứng từ, diễn giải

Tại Ô “TSCĐ”, nhấn F5 hiện “Danh mục TSCĐ”, nhấn Ctrl+I, thêm mới TSCĐ vào danh mục.

Khai báo : Mã :131402

Tên :Xe ô tô Jolie

...

...

Tiêu thức KH:1;

Tổng tiêu thức :120

TK khấu hao Nợ:62744;

TK khấu hao có :2141

Định khoản :

Nợ TK 2114 : **416.847.273**

Có TK 2411: **416.847.273**

Nhấn “Lưu” lưu lại nghiệp vụ vừa nhập.

Effect-ERP: Enterprise Resource Planning - [Công ty 128 Hải Quân]

Nhập dữ liệu - [Mr Nhật - Công ty 128 Hải Quân]

Loại C. từ: **Ghi tăng (nguyên chiếc) TSCĐ**

Phiếu in: []

Ngày: 30/09/2009

Chứng từ: 09/09-0007 | C. từ: 0444

Seri: [] | Số HĐ: []

Ngày HĐ: / /

Bộ phận: []

K. mục: []

Diễn giải: Ghi tăng (nguyên chiếc) TSCĐ - Xe ô tô Jolie (XNSC)

Đv. Kh: Sinh61 | Tầng TSCĐ

Ông/bà: []

Việc: 34 | Xe ô tô XN sửa chữa

Ng/nghề: []

ĐTCP/TP: []

TSCĐ: 3PTVT-014-NS | Xe ô tô Jolie

Tỷ giá: 1

Nợ: 2114 | Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Tiền: 416.847.273 | Nt: 0.00

Số tiền PS nợ, phím nóng Alt+Y -> nhấn Ctrl+N để tính toán -> Phím nóng: Alt+Y

XDCB dở dang: Mua sắm TSCĐ

Tiền: 416.847.273 | Nt: 0.00

Kh. có: []

Ký luật là sức mạnh.

Sau khi nhập liệu vào máy theo định khoản trên, máy sẽ tự động vào các sổ kế toán có liên quan: chứng từ ghi sổ, sổ cái tài khoản 211, sổ chi tiết TSCĐ..

In chứng từ ghi sổ

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày 01/09/2009 đến ngày 30/09/2009 Tài khoản 2411

Số :0444

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
Ngày	Số		Nợ	Có	
30/09/2009	09/09-0007	Ghi tăng nguyên chiếc TSCĐ -xe ô tô XNSC	2114	2411	416.847.273

Kèm theo ...chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Người lập

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

❖ **Tăng TSCĐ Hữu hình tự xây dựng**

Tại công ty, các công trình đầu tư xây dựng đều tiến hành theo phương thức thuê ngoài. Tuy nhiên, trong quý 3 năm 2009, có phát sinh trường hợp công ty giao cho Xí nghiệp cơ khí tàu thuyền và kinh doanh tổng hợp tự xây dựng TSCĐ.

Với trường hợp này, căn cứ vào dự toán, giấy đề nghị và quyết định của giám đốc, kế toán trưởng, kế toán tiền viết phiếu chi cho XNCKTT&KDTH, hạch toán qua TK 13684. Mỗi tháng, căn cứ vào các chứng từ có liên quan (hóa đơn...) mà Xí nghiệp chuyển lên kế toán tập hợp chi chỉ vào TK 2412- Xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi quyết toán được duyệt, kế toán xác định Nguyên giá TSCĐ và ghi tăng TSCĐHH trên TK 211.

VÍ DỤ:

Trong quý 3 năm 2009, công ty 128 giao cho xí nghiệp CKTT&KDTH tự xây dựng nhà điều hành cảng vụ. Toàn bộ chi phí phát sinh là 251.864.695 đồng. Quyết toán được duyệt là 251.864.695 đồng. Công trình này bắt đầu xây dựng ngày 01/09/2009.

Các chứng từ sử dụng:

Hợp đồng thuê nhân công xây dựng

Quyết toán chi phí xây dựng nhà điều hành cảng vụ

Biên bản nghiệm thu từng hạng mục, Hóa đơn GTGT(mua vật tư, thuê nhân công)

Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: giao khách hàng

Ngày 01 tháng 09 năm 2009

0023565

Đơn vị bán hàng: Công ty CPTM vật tư tổng hợp Lê Chân

Địa chỉ: 119- Tô Hiệu - Lê Chân - Hải Phòng

MST:0100233456

Họ tên người mua hàng

Tên đơn vị: Công ty 128 Hải Quân

Địa chỉ: Đông Hải – Hải An – Hải Phòng

Số tài khoản: 10200000207674 tại NH công thương Lê Chân- Hải Phòng

Hình thức thanh toán: TM

MS:0200145316

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Xi măng	Tấn	16	710.278,9	11.364.462
Cộng tiền hàng					11.364.462
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					1.136.446
Tổng cộng tiền thanh toán:					12.500.908
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm nghìn chín trăm linh tám./					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Căn cứ vào hóa đơn mua hàng, kế toán nhập liệu như sau:

Effect-ERP: Enterprise Resource Planning → [Công ty 128 Hải Quân]

Loại Chứng từ: **Bút toán khác**

Phiếu in: P.chi Bộ Phận

Ngày: 15/09/2009

Chứng từ: 723 | Ctg: 0388

ĐTC/TP: []

Nợ: 2412 | XDCB dở dang: Xây dựng cơ bản

Tiền: 11 364 462 | Nợ: 0.00

Có: 13684 | XN Sửa chữa

Tiền: 11 364 462 | Nợ: 0.00

Kh.có: 13684 | XN Sửa chữa tàu

Kỷ luật là sức mạnh.

Lựa chọn chứng từ “Bút toán khác”

Khai báo ngày tháng, diễn giải...

Định khoản :

Nợ TK 2412:11.364.462

Có TK 13684 :11.364.462

Các chi phí phát sinh khác liên quan đến TSCĐ này được căn cứ vào các chứng từ đề tập hợp tương tự như trên.

Sau khi công trình đã hoàn thành, kế toán xác định được tổng chi phí là: 251.864.695 (đồng), trong đó :

Chi phí nhân công thuê ngoài là :75.938.275(đồng)

Chi phí vật tư là : 175.926.420(đồng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH HOẶC
CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

1) Công trình: Nhà làm việc Cảng vụ

2) Địa điểm xây dựng: Khu vực Cảng công ty 128 Hải Quân

3) Thành phần tham gia nghiệm thu

a/ Phía chủ đầu tư:

Ông Nguyễn Hạnh Phúc - Giám đốc Công ty

Ông Nguyễn Văn Liệu - Giám sát kỹ thuật công ty

Ông Nguyễn Thiện Đông - Giám sát kỹ thuật trực tiếp

b/ Phía thi công xây dựng công trình

Ông Hoàng Xuân Tài - Cán bộ kỹ thuật

4) Thời gian tiến hành nghiệm thu

Bắt đầu : 9h ngày 20/09/2009

Kết thúc: 9h 45 ngày 20/09/2009

Tại XN cơ khí tàu thuyền và kinh doanh tổng hợp

5) Đánh giá công trình xây dựng

- Tổ chức triển khai mặt bằng thi công đúng thời gian, đảm bảo an toàn về người ..
- Các hạng mục thi công đều đạt yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật
- Vật liệu đưa vào sử dụng đúng chủng loại

6) Kết luận: Công trình được Bảo hành một tháng kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng

Đồng ý nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

CHỦ ĐẦU TƯ

Nguyễn Hạnh Phúc

ĐƠN VỊ THI CÔNG

Hoàng Xuân Tài

Công ty 128- Hải Quân
XNCKTT&KDTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Ngày 28 tháng 09 năm 2009

QUYẾT TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG VĂN PHÒNG LÀM VIỆC KHU
VỰC CẢNG VỤ

ND,DG	ĐVT	SL	ĐG	TT
Nhân công				75.938.275
-Xây mới nhà làm việc	Công	146	145.000	21.170.000
-Lát gạch	Công	10	40.000	400.000
...				
Vật tư				175.926.420
Ximăng HP	Tấn	22,8	730.000	16.644.000
Thép góc 30x30	M	108	11.500	1.242.000
Sơn chống rỉ	Kg	85	239.000	2.031.500
...	...	..	..	..
Cộng				251.864.695

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

Nguyễn Hạnh Phúc

ĐẠI DIỆN BÊN THI CÔNG

Hoàng Xuân Tài

Khi công trình được quyết toán, toàn bộ chi phí trên được chuyển từ TK
2412 sang TK 2112.

Cuối tháng căn cứ vào biên bản nghiệm thu và quyết toán, kế toán xác định
nguyên giá công trình và nhập liệu như sau:

EFFECT-ERP: Enterprise Resource Planning → [Công ty 128 Hải Quân] VK

Edit

Loại C.từ: **Ghi tăng (nguyên chiếc) TSCD**

Phiếu in: [icon]

Ngày: 30/09/2009 [icon]

Chứng từ: 09/09-0007 C.tg: 0449 Ng/nghề: [icon]

Seri: [icon] Số HD: 064708 Đ.TCP/TP: [icon]

Ngày HD: / / TSCD: 1NCKT-112-NS Nhà điều hành

Bộ phận: [icon] Tỷ giá: 1

K.mục: [icon] Nợ: 2112 Nhà cửa, vật kiến trúc

Diễn giải: Ghi tăng (nguyên chiếc) TSCD - Nhà Điều hành cảng vụ

Đ.v Kh: [icon] Tiền: 251 864 695 Nt: 0.00

Ông/bà: [icon] Có: 2412 XDCB dở dang: Xây dựng cơ bản

Việc: 28 Sửa chữa nhà Tiệp

Tiền: 251 864 695 Nt: 0.00

Kh.có: [icon]

Kỷ luật là sức mạnh.

start EFFECT-ERP: Enterpr... Document1 - Microsof... 6:03 PM

Lựa chọn chứng từ “Ghi tăng Nguyên chiếc TSCD”

Khai báo ngày tháng, diễn giải..

Tại ô “TSCD”, nhấn F5 vào danh mục TSCD, nhấn Ctrl+ I để thêm mới TSCD.

Khai báo : mã :111417 Tên: nhà điều hành cảng vụ

Nơi sử dụng: XNCKTT&KDTH ...

Tiêu thức khấu hao :1 Tổng tiêu thức khấu hao:240

TK khấu hao nợ: 62745 TK khấu hao Có:2141

Định khoản :

Nợ TK 2112: 251.864.695

Có TK :251.864.695

Căn cứ vào số liệu vừa nhập trên máy tính, máy tính sẽ tự động vào các sổ kế toán như sổ chi tiết, tổng hợp. Ta có thể in chứng từ ghi sổ như sau:

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày 01/09/2009 đến ngày 30/09/2009 Tài khoản 2412

Số :0449

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
Ngày	Số		Nợ	Có	
30/09/2009	09/09-0011	Ghi tăng nguyên chiếc TSCĐ - Nhà điều hành cảng vụ	2112	2412	251.864.695

Kèm theo ...chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Người lập

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

SỔ CÁI CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Từ ngày 01/09/2009 đến 30/09/2009
Tài khoản :211- TSCĐHH

Dư Nợ đầu kì: 94.269.329.769
Dư Có đầu kì: 0
Phát sinh Nợ lũy kế: 6.556.645.125
Phát sinh Có lũy kế : 7.912.695.157
Dư Nợ cuối kì 94.938.041.737
Dư Có cuối kì 0

Ngày	Chứng từ	Ctgs	Diễn giải	Tkđư	Nợ	Có
30/09/2009	09/09/0007	0444	Ghi tăng(nguyên chiếc) TSCĐ:xe ô tô XNSC	2411	416.847.273	
30/09/2009	09/09/0011	0449	Ghi tăng(nguyên chiếc) TSCĐ: Nhà điều hành Cảng vụ	2412	251.864.695	
Cộng bảng					668.711.968	

Người lập biểu

Lập ngày 30 tháng 9 năm 2009
Kế toán trưởng

2.2.2.2 Kế toán giảm Tài sản cố định

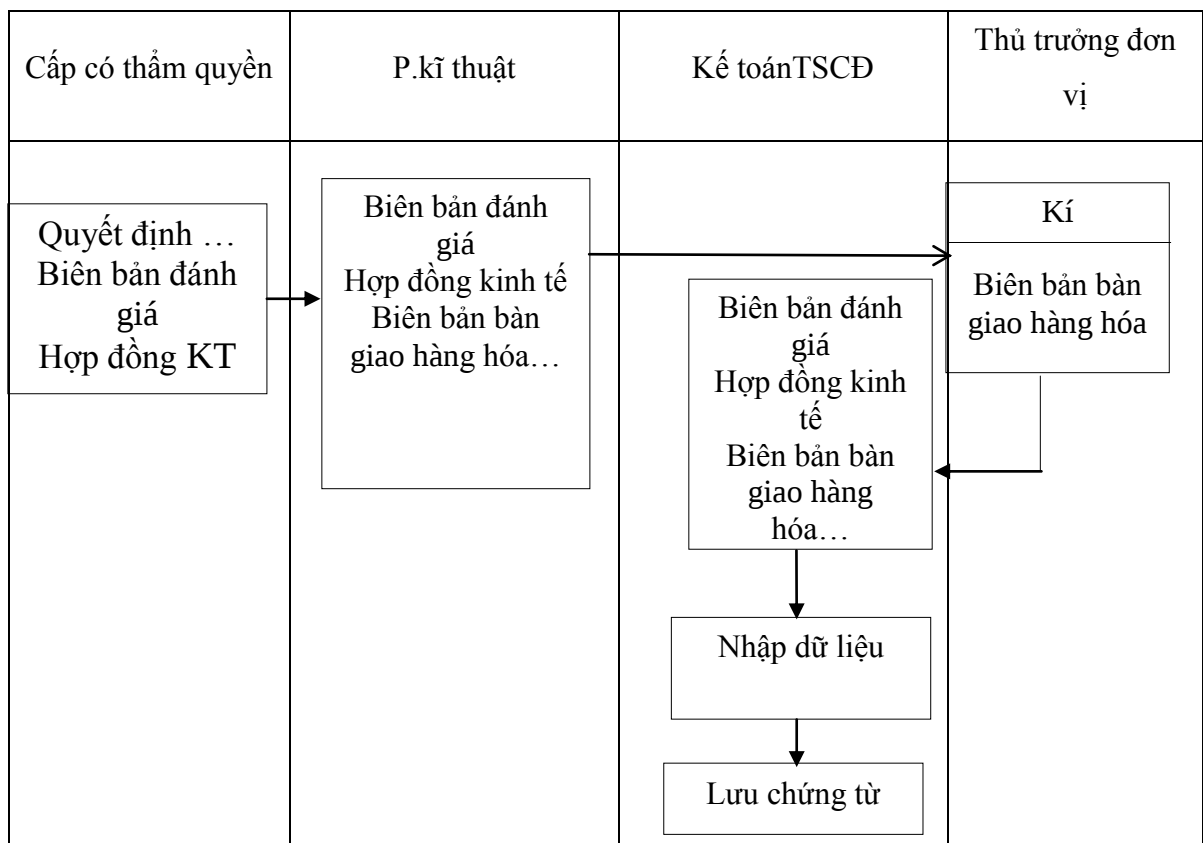
Tại công ty 128 - Bộ Quốc phòng có các trường hợp giảm TSCĐ hữu hình do:

- Thanh lý, nhượng bán
- Điều chuyển

Tuy nhiên, trong năm 2009, tại công ty chỉ phát sinh 1 trường hợp giảm TSCĐ hữu hình do thanh lý

*Thủ tục chứng từ thanh lý TSCĐHH: Bộ phận quản lý tài sản gửi đề nghị thanh lý tài sản lên cấp có thẩm quyền (Bộ Tư Lệnh Hải quân).Được phê duyệt, cấp có thẩm quyền sẽ tiến hành đánh giá những tài sản thanh lý, tìm đối tác cần mua, lập hợp đồng kinh tế. Ban xử lý của đơn vị được lập gồm: đại diện thủ trưởng đơn vị, phòng kỹ thuật...Biên bản bàn giao hàng hóa được ban xử lý lập, chuyển thủ trưởng đơn vị ký. Toàn bộ chứng từ liên quan đến nghiệp vụ giảm TSCĐ chuyển cho kế toán TSCĐ

*Trình tự luân chuyển chứng từ giảm TSCĐHH



Ví dụ :Ngày 30/8/2009, công ty 128 tiến hành bán phế liệu tàu HQ 678 và tàu HQ 679 đã khấu hao hết. Nguyên giá là 1.500.000.000 đồng/tàu. Hội đồng xử lý của Bộ tư lệnh Hải Quân xác định giá bán 37.220.000 đồng. Toàn bộ số tiền thu thanh lý nộp về phòng tài chính Quân chủng Hải Quân.

Các chứng từ sử dụng:

Biên bản thanh lý tài sản cố định.

Quyết định xử lý phế liệu tàu thuyền.

Đơn giá xử lý phế liệu

Hợp đồng kinh tế

Biên bản bàn giao

Phiếu thu, chứng từ liên quan...

Trích một số chứng từ:

CÔNG TY 128 – BỘ QUỐC PHÒNG
Xí nghiệp CKTT & KDTH

Mẫu số : 02 - TSCĐ
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 01 tháng 08 năm 2009

Căn cứ Quyết định số:125/1998/QĐ – BQP ngày 15 tháng 08 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng về việc thanh lý tài sản cố định trong quân đội.

I. BAN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH GỒM:

- Ông: Nguyễn Xuân Miên - Phó Giám Đốc. Đại diện công ty 128 Bộ - Quốc - Phòng.Trưởng ban.
- Bà: Tạ Thị Minh Sinh - Phó phòng Kế toán công ty 128.Uỷ viên.
- Ông: Phạm Việt Hưng - Trợ lý kỹ thuật.Uỷ viên.

II. TIẾN HÀNH THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

- Tên, ký mã hiệu, quy cách(cấp hạng) TSCĐ: Tàu HQ 678, tàu HQ 679. Số hiệu TSCĐ:
- Nước sản xuất (xây dựng): Việt Nam
- Năm sản xuất:
- Năm đưa vào sử dụng: Số thẻ TSCĐ: 3 PTVT -77- NS
- Nguyên giá TSCĐ: Tàu HQ 678: 1 500 000 000
Tàu HQ 679: 1 500 000 000
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: Đã khấu hao hết.

III. KẾT LUẬN CỦA BAN THANH LÝ TSCĐ

Tàu HQ 678 và tàu HQ 679 là TSCĐ của Công ty đã sử dụng nhiều năm không còn khả năng thu hồi giá trị còn lại, vì chi phí thu hồi cao hơn giá trị thu được. Sau khi rà soát cụ thể từng hạng mục tài sản. Ban giám đốc đã thống nhất đi đến quyết định thanh lý TSCĐ có biên bản và danh mục chi tiết kèm theo.

Ngày 01 tháng 08 năm 2009

Trưởng ban thanh lý
(Ký, họ tên)

KẾT QUẢ THANH LÝ TSCĐ

- Chi phí thanh lý TSCĐ:
- Giá trị thu hồi:
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 01 tháng 8 năm 2009.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Căn cứ vào quyết định số 59/QĐ-QP ngày 23/01/1995 và quyết định số 134/2004/QĐ-BQP ngày 23/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng về việc ban hành quy chế xử lý trang thiết bị, vật tư trong quân đội.

Căn cứ vào Quyết định số 1806/QĐ-BQP ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng về việc nhượng bán trang thiết bị của Quân chủng Hải quân cho các đơn vị trong Quân đội.

Căn cứ vào quyết định số 1806/QĐ - BTL -VT ngày 28/7/2009 của Tư lệnh Hải quân về việc xử lý tàu thuyền, ô tô xe máy, máy phát điện

Hôm nay, ngày 02 tháng 8 năm 2009 tại Cục Kỹ thuật – BTL Hải quân

Bên A: Cục Kỹ thuật – BTL Hải Quân.

Đại diện : Ông : Nguyễn Văn Ninh – Chức vụ: chủ nhiệm kỹ thuật Hải Quân

Địa chỉ: 38 Điện Biên Phủ- Hải Phòng

Số Tài khoản : 931.02.00.00018 Kho bạc Nhà nước – Hải phòng

Điện thoại: 0313.841616

Bên B: Nhà máy Z125-Tổng Cục công nghiệp Quốc Phòng

Đại diện: Ông : Hoàng Văn Dũng – Chức vụ: Giám đốc nhà máy

Địa chỉ: Xã Phú Mỹ – Sóc Sơn – Hà Nội

Điện thoại: 04.884.3336

Số Tài khoản : 10008051146300 NH TMCP Quân đội - Hà Nội

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế về việc nhượng bán phế liệu theo Quyết định số 3416/QĐ-BQP như sau:

Điều 1: Nội dung của hợp đồng:

Bên A nhượng bán cho bên B những trang bị xử lý sau:

S T T	Tên hàng	ĐV T	Số lượng	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nơi nhận
1	Tàu vỏ gỗ HQ 678,679	C	02				Cty128
	Sắt thép	Kg		2920	2600	7.592.000	
	Gỗ	C		2	1.000.000	2.000.000	
	Nhôm hợp kim	Kg		280	17.000	4.760.000	
	Hợp kim đồng	Kg		300	16.000	4.800.000	
	Gang	Kg		3.000	2.600	7.800.000	
2	Xuồng sắt chuyển tải	C	05	1.500	2.600	3.900.000	Vùng 4
3	Xuồng sắt chuyển tải	C	07	2.450	2.600	6.370.000	Lữ 125
	Tổng cộng					37.222.000	

(ba mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng)

Điều 2: Qui cách, chất lượng hàng hóa

-Hàng phế liệu thu hồi sau khi xử lý tàu

Điều 3: Thời gian, địa điểm giao nhận và bốc xếp vận chuyển

- Thời gian giao hàng: Giao nhận hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng được kí kết
- Địa điểm: Công ty 128; Vùng 4, Lữ 125
- Bốc xếp, vận chuyển : Bên B chịu trách nhiệm

Điều 4: Phương thức thanh toán

Bên B thanh toán một lần cho bên A bằng séc chuyển khoản hoặc tiền mặt, sau khi kí hợp đồng

Điều 5: Trách nhiệm của mỗi bên

- Trách nhiệm của bên A : cấp giấy giới thiệu và hướng dẫn bên B các thủ tục cần thiết trước khi đến đơn vị ,giải quyết vướng mắc phát sinh trong quá trình nhận hàng
- Trách nhiệm của bên B: Tổ chức tiếp nhận đúng số lượng và chủng loại hàng hóa theo hợp đồng

Điều 6: Điều khoản chung:

- Hai bên cam kết nếu quá thời hạn như đã ghi trong điều 3 của hợp đồng mà bên B chưa đến đơn vị nhận hàng với bất kì lí do gì thì bên A có quyền từ chối giao hàng và không hoàn lại số tiền đã nộp
- Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc hai bên cùng nhau bàn bạc thỏa thuận và tìm mọi biện pháp để thực hiện hợp đồng. Bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại phải chịu bồi thường và chịu phạt
- Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng sau khi thực hiện hợp đồng xong

Hợp đồng này được lập thành 06 bản đều có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 03 bản và gửi tới các cơ quan có liên quan.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 17 tháng 8 năm 2009

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

- Căn cứ vào quyết định số 1806/QĐ-BTL-VT ngày 28/7/2009 của Tư lệnh Hải quân về việc giao cho Chủ nhiệm cục kỹ thuật Hải quân –Phó ban xử lý quân chủng Hải quân tổ chức nhượng bán số tàu thuyền cho các đơn vị đã được Bộ Quốc Phòng chỉ định mua
- Thực hiện hợp đồng số 11/HĐKTXL tháng 8 /2009 giữa Bộ tư lệnh Hải quân với nhà máy Z125 về việc nhượng bán tàu thuyền

Hôm nay, tại công ty 128-Thuộc Quân chủng Hải quân, chúng tôi gồm có :

Bên giao: ban xử lý đơn vị công ty 128

1. Đ/c Nguyễn Xuân Miễn –Phó giám đốc
2. Đ/c Phạm Quốc Tiến – trợ lý kỹ thuật
3. Đ/c Đinh Bằng Sắt – Trợ lý tham mưu
4. Đ/c Nguyễn Công Văn – Nhân viên Tài chính

Bên nhận : Nhà máy Z125- Tổng cục CNQP

1/Đ/c Nguyễn Văn Tiến - Trợ lý phòng kế hoạch

Đã tiến hành kiểm kê ký kết việc thực hiện hợp đồng số 11/HĐKTXL tháng 8/2009 đã thực hiện giao nhận xong cho nhà máy Z125 gồm các hàng hóa sau:

TT	Tên hàng	ĐVT	SL	KL
1	Vỏ gỗ tàu HQ678,679	C	02	
2	Sắt thép	Kg		2920
3	Nhôm hợp kim	Kg		280
4	Hợp kim đồng	Kg		300
5	Gang	Kg		3000

Hai bên đã thống nhất bàn giao với số lượng, khối lượng trên

Biên bản này được lập thành 07 bản và có giá trị như nhau: Ban xử lý công ty 128: 2 bản; nhà máy Z125: 02 bản; cục kỹ thuật Hải Quân: 02 bản ;Phòng tài chính Quân chủng: 01 bản

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
Phạm Quốc Tiến

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
Nguyễn Văn Tiến

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
Nguyễn Xuân Miễn

Căn cứ vào biên bản bàn giao, kế toán nhập dữ liệu như sau:

EFFECT-ERP: Enterprise Resource Planning-->[C«ng ty 128 H«i Qu«n]-->Mr Nh«t

Nh«p d÷ li«u-->[Mr Nh«t - C«ng ty 128 H«i Qu«n]

Loại C.từ: Ghi giảm (nguyên chiếc) TSCĐ [821-211] | OR

Phiếu in: [icon] [icon]

Ngày: 31/08/2009 | Lưu | Tách | Huỷ | Tìm | Mới

Chứng từ: 01/09-007	Ctgs: 0388	TSCĐ: 3PTVT-077-NS	HQ678
Seri: / /	Số HĐ: 064708	Tồn: 0.000	Tỷ giá: 1
Bộ phận:		Nguồn:	
K.mục:		Nợ: 2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình
Diễn giải: Ghi giảm (nguyên chiếc) TSCĐ Tàu HQ 678 - Thanh lý		Tiền: 1 500 000 000	Nh: 0.00
		Có: 2114	Phương tiện vận tải truyền dẫn
		Tiền: 1 500 000 000	Nh: 0.00

Sẽ tiền PS cả, phím năng Alt+Z --> nhấn Ctrl+INS @Ô tính to_n-->Phím năng: Alt+Z

Ưng/bà:

Càng bản xin thì càng hao phí lớn.

Từ màn hình nhập liệu, chọn chứng từ “ghi giảm (nguyên chiếc)TSCĐ”

Khai báo chứng từ, ngày tháng, diễn giải

Tại ô “TSCĐ”, nhấn F5 hiện danh mục TSCĐ, lựa chọn tàu HQ 678

Hạch toán : Nợ TK 2141:1.500.000.000

Có TK 2114: 1.500.000.000

Tương tự như vậy đối với Tàu HQ 679.

Thu thanh lý nộp lên phòng tài chính Quân chủng Hải quân, công ty không phản ánh số tiền thu thanh lý.

Sau khi nhập số liệu từ các chứng từ, máy sẽ tự động vào các sổ kế toán có liên quan. Ta có thể in được chứng từ ghi sổ như sau:

In chứng từ ghi sổ

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày 01/08/2009 đến 31/08/2009

TK 2114

Số: 0388

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
Ngày	Số		Nợ	Có	
31/08/2009	08/06-0007	Ghi giảm (nguyên chiếc) TSCĐ:tàu HQ678	2141	2114	1.500.000.000
31/08/2009	08/06-0008	Ghi giảm (nguyên chiếc) TSCĐ: tàu HQ 679	2141	2114	1.500.000.000
		Tổng cộng	2141	2114	3.000.000.000

Kèm theo ...chứng từ

Người lập

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

Tại công ty 128, kế toán sử dụng hai loại sổ cái tài khoản:

- Sổ cái chi tiết tài khoản :để phản ánh các nghiệp vụ tăng ,giảm diễn giải cụ thể của từng loại TSCĐ trong kì.
- Sổ cái gộp một tài khoản:Phản ánh toàn bộ tình hình tăng ,giảm của toàn bộ TSCĐ trong một kì(không diễn giải cụ thể rõ).

SỔ CÁI CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/08/2009 đến 31/08/2009

Tài khoản :211- TSCĐHH

Dư Nợ đầu kì: 97.269.329.769

Dư Có đầu kì: 0

Phát sinh Nợ lũy kế: 5.887.933.157

Phát sinh Có lũy kế : 7.912.695.157

Dư Nợ cuối kì 94.269.329.769

Dư Có cuối kì 0

Ngày	Chứng từ	Ctgs	Diễn giải	Tkđư	Nợ	Có
31/08/2009	08/06/0007	0388	Ghi giảm (nguyên chiếc) TSCĐ:tàu HQ678	2141		1.500.000.000
31/08/2009	08/06/0008	0388	Ghi giảm (nguyên chiếc) TSCĐ:tàu HQ679	2141		1.500.000.000
Cộng bảng						3.000.000.000

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

SỔ CÁI GỘP MỘT TÀI KHOẢN
Từ ngày 01/08/2009 đến 31/08/2009
TK: 211- Tài sản cố định hữu hình

Dư Nợ đầu kì: 97.269.329.769
Dư Có đầu kì: 0
Phát sinh Nợ lũy kế: 5.887.933.157
Phát sinh Có lũy kế : 7.912.695.157
Dư Nợ cuối kì 94.269.329.769
Dư Có cuối kì 0

TK	TKĐƯ	PS_Nợ	PS_Có
2112 2112			
2113 2113			
2114 2114	2141		3.000.000.000 3.000.000.000
2115 2115			
Cộng bảng			3.000.000.000

Người lập biểu

Lập ngày 30 tháng 9 năm 2009
Kế toán trưởng

2.2.3 Kế toán khấu hao TSCĐ

Công ty 128 thực hiện việc trích khấu hao theo quyết định 206/2003-QĐ-BTC và áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng để tính mức khấu hao hàng tháng.

$$\text{Mức trích khấu hao một năm} = \frac{\text{NG}}{\text{Thời gian sử dụng(năm)}}$$

$$\text{Mức trích khấu hao 1 tháng} = \frac{\text{Mức trích khấu hao 1 năm}}{12}$$

$$\text{Khấu hao TSCĐ phải trích trong tháng} = \text{Số KH TSCĐ đã trích tháng trước} + \text{KH TSCĐ tăng trong tháng} - \text{KH TSCĐ giảm trong tháng}$$

Thời gian sử dụng được xác định theo phụ lục 1 ban hành kèm theo quyết định 206/2003/QĐ-BTC. TSCĐ tăng vào tháng nào thì bắt đầu tính khấu hao vào tháng đó.

Sau khi quyết định 206/2003/QĐ-BTC được ban hành công ty có xem lại thời gian sử dụng của các TSCĐ đã đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2004 theo hướng dẫn của quyết định:

Theo đó, mức trích khấu hao hàng năm của các TSCĐ kể từ mốc 01/01/2004 sẽ có sự thay đổi như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ}}$$

Trong đó:

Giá trị còn lại của TSCĐ = NG - số khấu hao lũy kế

Thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thời gian sử dụng còn lại của TSCĐ} \\ \text{của TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thời gian sử dụng của TSCĐ xác định theo phụ lục 1-QĐ206} \end{array} \times \left(1 - \frac{\text{Thời gian thực tế đã trích khấu hao của TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ xác định theo phụ lục 1-QĐ166}} \right)$$

VÍ DỤ:

Máy nén khí phục vụ phun cát được công ty đưa vào sử dụng từ ngày 01/01/2003, có nguyên giá 82.857.143 đồng. Thời gian sử dụng theo qui định tại phụ lục 1-QĐ166 là 10 năm. Thời gian đã sử dụng của máy này tính đến hết ngày 31/12/2003 là 1 năm. Số khấu hao lũy kế là :8.285.714 đồng.

*Giá trị còn lại trên sổ kế toán là : 82.857.143 – 8.285.714=74.571.429 đồng

*Doanh nghiệp xác định thời gian sử dụng của máy nén theo qui định tại Phụ lục 1-QĐ206 là 7 năm.

*Thời gian sử dụng còn lại của máy nén là: 7 x (1-1/10)= 6 năm

*Mức trích khấu hao trung bình hàng năm =74.571.429/6=12.428.571 đồng

* Mức trích khấu hao trung bình tháng là: 12.428.571/12 = 1.035.714,25 đồng

*Kể từ ngày 01/01/2004 ,doanh nghiệp sẽ trích khấu hao đối với máy nén này vào chi phí kinh doanh mỗi tháng là 1.035.714,25 đồng.

Cuối tháng, kế toán TSCĐ thực hiện bút toán khấu hao TSCĐ (tính tự động - Công ty không lập bảng phân bổ khấu hao TSCĐ).

Nhập dữ liệu -> [Mr Nhật - Công ty 128 Hải Quân]

Loại C.từ: **Khấu hao TSCĐ tháng theo pp mới (gt còn)**

Phiếu in: U.nhiệm chỉ (NI)

Ngày: 30/09/2009

Chứng từ: 09/09-0007 | Ctgs: 0442

Bộ phận:

K.mục: TSCĐ

Diễn giải: Khấu hao TSCĐ tháng theo pp mới (gt còn)

Ng/nghề: Hao mòn TSCĐ hữu hình

ĐTCP/TP: 0

TSCĐ	Tỷ giá	Nợ	Chi phí khấu hao TSCĐ
2141	1	6274	0
Tiền		Tiền	0.00
Có		Có	0.00
Tiền		Tiền	0.00
		Có	0.00

Kỷ luật là sức mạnh.

Tại công ty, đối với những TSCĐ đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2004 thì sử dụng chứng từ "*khấu hao TSCĐ tháng theo phương pháp mới*"; còn những TSCĐ đưa vào sử dụng sau ngày 01/01/2004 thì sử dụng chứng từ "*Khấu hao TSCĐ tháng*"

*Với những TSCĐ dùng cho sản xuất:

Vào màn hình nhập liệu, chọn chứng từ “Khấu hao TSCĐ tháng theo phương pháp mới” hoặc chứng từ “ Khấu hao TSCĐ tháng”

Nhập các số liệu chung trên màn hình nhập liệu(ngày, số chứng từ...)

Lựa chọn khoản mục khấu hao TSCĐ

Tại ô “TSCĐ”, nhấn F5, sử dụng phím INS, F1, Ctrl A để đánh dấu các TSCĐ sẽ trích khấu hao.

No TK: 627

Có TK:2141

Thoát khỏi bảng TSCĐ và nhấn “Lưu”

*Tương tự Với những TSCĐ dùng cho quản lý nhưng khai báo :

Nợ TK 642

Có TK 2141

Effect tự sinh ra bút toán khấu hao TSCĐ theo đúng công thức:

Số tiền khấu hao = (Tiêu thức KH/Tổng tiêu thức) x Nguyên giá

VÍ DỤ:

Máy hàn: nguyên giá=17.000.000

Tiêu thức khấu hao=1

Tổng tiêu thức khấu hao =120

Số tiền khấu hao = $(1/120) \times 17.000.000 = 141.667$ đồng

Màn hình khấu hao đối với Máy hàn

EFFECT-ERP: Enterprise Resource Planning → [Công ty 128 Hải Quân]

Nhập dữ liệu → [Mr Nhật - Công ty 128 Hải Quân]

Loại C.từ: **Khấu hao TSCĐ tháng**

Phiếu in: []

Ngày: 30/09/2009

Chứng từ: 09/09-0007 C.tgs: 0443

Bộ phận: []

K.mục: []

Diễn giải: Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2009

Ng/nghe: Sửa chữa tàu

ĐTCP/TP: 0402 Sửa chữa tàu Kinh tế

TSCĐ: []

Tỷ giá: 1

Nợ: 141 667

Có: 2141

Tiền: 141 667

Chi phí khấu hao TSCĐ: []

Hao mòn TSCĐ hữu hình: []

Nt: 0.00

Nt: 0.00

Ký luật là sức mạnh.

Đến cuối kì, sau khi đã thực hiện các bút toán khấu hao, số liệu sẽ vào các chứng từ ghi sổ, sổ kế toán liên quan(sổ cái TK 214, Sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày 01/09/2009 đến 30/09/2009

TK 2141

Số 0443

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
Ngày	Số		Nợ	Có	
30/9/2009	09/06-0001	Khấu hao nhà điều hành sản xuất	62744	2141	5.714.478
30/9/2009	09/06-0001	Khấu hao máy uốn tôn	62744	2141	118.650
...	..	..	..	...	..
30/9/2009	09/06-0002	Nhà để xe con	64241	2141	291985
..	...	...	..	...	..
30/9/2009	09/06-0003	Khấu hao 2 nhà kho cảng	62745	2141	2.141.383
30/9/2009	09/06-0003	Khấu hao máy hàn	62744	2141	141.667
..	...	..	...	..	..
30/9/2009	09/06-0004	Khấu hao máy Photo	64241	2141	1.028.743
30/9/2009	09/06-0004	Khấu hao máy điều hòa phòng khách	64241	2141	570.900
...	...	...	...	..	...
		Định khoản tổng hợp	62742	2141	3.572.184
			62743	2141	106.506.943
			62744	2141	27.888.120
			62745	2141	52.316.906
			62746	2141	10.807.219
			62749	2141	13.664000
			64241	2141	50.991.889

Kèm theo...chứng từ gốc

Tổng cộng: 265.747.261 đồng

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

SỔ CÁI CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Từ ngày 01/09/2009 đến 30/09/2009
Tài khoản :214-Hao mòn Tài sản cố định

Dư Nợ đầu kỳ: 0
Dư Có đầu kỳ: 42.232.423.309
Phát sinh Nợ lũy kế: 4.577.000.000
Phát sinh Có lũy kế : 3.552.261.959
Dư Nợ cuối kỳ: 0
Dư Có cuối kỳ: 42.498.170.570

Ngày	Chứng từ	Ctgs	Diễn giải	Tkđư	Nợ	Có
30/09/2009	09/06/0001	0443	Khấu hao nhà điều hành sản xuất	62744		5.714.478
...	...	...	...	...	..	...
30/09/2009	09/06/0001	0443	Nhà để xe con	64241		291.985
30/09/2009	09/06-0003	0443	Khấu hao 2 nhà kho cảng	62745		2.141.383
30/09/2009	09/06-0004	0443	Khấu hao máy Photo	64241		1.028.743
...	...	...	..	..	..	...
Cộng bằng						265.747.261

Ngày 30 tháng 9 năm 2009

Kế toán trưởng

Người lập biểu

2.2.4 Kế toán sửa chữa TSCĐ

Tài sản cố định của doanh nghiệp tham gia liên tục vào quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp sau một thời gian sẽ xuất hiện những hỏng hóc, cần sửa chữa, bảo dưỡng. Đặc biệt là đội tàu với vùng hoạt động trên biển. Tuy nhiên công ty không thực hiện lập trước kế hoạch sửa chữa.

Công ty có Xí nghiệp cơ khí tàu thuyền và kinh doanh tổng hợp, có thể thực hiện sửa chữa tàu (chủ yếu là tàu quốc phòng). Những công việc khó khăn hơn, thì Xí nghiệp này hoặc công ty có thể thuê ngoài.

Toàn bộ chi phí sửa chữa được hạch toán trực tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì, mà không qua tài khoản 2413 - sửa chữa lớn TSCĐ

VÍ DỤ 1: Trong tháng 9 năm 2009, văn phòng đại diện công ty 128 tại Vũng Tàu thuê Công ty Hải sản Trường Sa sửa chữa các tàu HQ 798, HQ 787, HQ 871, HQ 710, với tổng quyết toán là 57.036.464 đồng, thuế GTGT = 0%.

Trong trường hợp này, căn cứ vào dự toán cũng như giấy đề nghị ứng tiền của Sở chỉ huy 2, kế toán thanh toán sẽ viết phiếu chi, chi phí phát sinh được hạch toán qua TK 13683-Phải thu nội bộ khác (chi tiết cho SCH 2). Cuối tháng, căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ liên quan được chuyển đến, kế toán sẽ chuyển toàn bộ chi phí liên quan đến việc sửa chữa tàu sang TK 62773- chi phí dịch vụ mua ngoài ngành bảo vệ dầu khí.

Các chứng từ sử dụng:

- *Hợp đồng kinh tế*
- *Biên bản khảo sát tàu HQ 871, HQ 710, HQ 798, HQ 787*
- *Dự toán chi phí nhân công, vật tư sửa chữa các tàu công ty 128*
- *Quyết toán chi phí nhân công, vật tư sửa chữa các tàu công ty 128*
- *Biên bản nghiệm thu hạng mục nhân công, sửa chữa các tàu HQ 787, HQ 871, HQ 710, HQ 798*
- *Hóa đơn GTGT*
- *Thanh lý hợp đồng*

Trích một số chứng từ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HẠNG MỤC NHÂN CÔNG, VẬT TƯ SỬA CHỮA TÀU HQ 798

Tên phương tiện: Tàu HQ 798

STT	ND	ĐVT	SL	Ghi chú	Số	Tên vật tư	ĐVT	SL
1	Tháo mô-tơ thông gió hầm máy...	Cái	1		1	Vòng bi	C	2
					2	Dây ê-may	Kg	6
					3	Vecny điện	L	1,2
					4	Giấy cách điện	M2	1,5
					5	Bulong	C	36
2	Sửa chữa tủ lạnh	Tủ	1		6	Bloc tủ lạnh	C	1
					7	Lược ga	C	1
					8	Ga tủ lạnh	Tủ	1
					9	Dàn nóng tủ lạnh	C	1
					10	Joang tủ	M	5
3	Sửa chữa tủ đá	Tủ	1		11	Nạp ga	Tủ	1
					12	Tôn mạ kẽm	M2	1
					13	Que hàn đồng	Que	5
					14	Sơn hộp	Hộp	3

ĐẠI DIỆN CÔNG TY HẢI SẢN TRƯỜNG SA

ĐẠI DIỆN TÀU 798

ĐẠI DIỆN KỸ THUẬT CÔNG TY 128

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUYẾT TOÁN CHI PHÍ NHÂN CÔNG, VẬT TƯ SỬA CHỮA CÁC TÀU CÔNG TY 128

STT	ND	ĐVT	SL	ĐG	TT	STT	Tên vật tư	ĐVT	SL	TT
I	TÀU HQ 798(30/8/06)				2.052.000					3.747.500
1	Tháo mô tơ thông gió hầm máy...	cái	1	1.022.000	1.022.000	1	Vòng bi	C	2	190.000
						2	Dây êmay	Kg	6	1.080.000
						3	Vecny điện	L	1,2	84.000
						4	Giấy cách điện	M2	1,5	90.000
						5	Bulong	C	36	36.000
	...	...	...	...	...	...		..	..	...
II	TÀU HQ 787(3/9/06)				2.080.500					1.954.000
1	Kiểm tra cụm van	C	3	146.000	438.000	1	Dễ bay	kg	3	24.000
..	...	..	...	..	...	..	...	...	...	
III	HQ 871(5/9/06)				15.004.500					19.932.900
1	Tháo máy nén khí ...	Máy	1	1.145.370	1.145.370	1	Phốt nước	C	4	100.000
						2	dễ lau	Kg	5	40.000
..	...	...	...	...		...	..	..	...	..

IV	TÀU HQ 710				3.536.600					3.460.300
1	Sửa chữa ống nước hộp số máy chính	C	2	56.940	113.880	1	Que hàn	Que	5	62.500
...	...	..	...	..	..	..	...	...		..
V	TÀU HQ 798				1.859.164					3.409.000
...	...	...	...	...	..	...	...	.	..	
	TỔNG				24.532.764					32.503.700
TỔNG VT+NC										57.036.464

**ĐẠI DIỆN BÊN SỬA
CÔNG TY HẢI SẢN TRƯỜNG SA**

**ĐẠI DIỆN KỸ THUẬT CÔNG TY 128
CÔNG TY 128**

HÓA ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2:giao khách hàng

Ngày 27 tháng 9 năm 2009

0088050

Đơn vị bán hàng: Công ty Hải sản Trường Sa

Địa chỉ: 1451 đường 30/4 F12-Vũng Tàu

MST: 3522101033

Họ tên người mua hàng

Tên đơn vị: Công ty 128 Hải Quân

Địa chỉ: Đông Hải – Hải An – Hải Phòng

Số tài khoản

Hình thức thanh toán: TM/CK MS:0200145316

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Sửa chữa tàu cho công ty 128	Tàu	5		57.036.464
Cộng tiền hàng:				57.036.464	
Thuế suất GTGT:0% Tiền thuế GTGT:				0	
Tổng cộng tiền thanh toán:				57.036.464	
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi bảy triệu không trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi tư đồng					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Căn cứ vào quyết toán sửa chữa, các biên bản nghiệm thu, hóa đơn GTGT...kế toán nhập dữ liệu như sau:

The screenshot shows the EFFECT-ERP software interface. The main window is titled "Nhập dữ liệu -> [Mr Nhật - Công ty 128 Hải Quân]". It contains a form with various fields for data entry. The form is divided into several sections, including "Loại C.từ", "Phiếu in", "Ngày", "Chứng từ", "Bộ phận", "K.mục", "Diễn giải", "Đ.v Kh", "Ng/nghe", "ĐTCP/TP", "Nợ", "Tiền", "Có", "Tiền", "Kh.có", and "Dịch vụ đầu khí". The form is filled with data, including dates, amounts, and descriptions. The interface is in Vietnamese and includes a toolbar with various icons for file operations and a status bar at the bottom.

Số liệu này sẽ tự động chuyển vào các sổ sách, báo cáo và chứng từ ghi sổ ta có thể in được chứng từ ghi sổ như sau:

CHỨNG TỪ GHI SỔ (TRÍCH)

TK 13683

Từ ngày 01/09/2009 đến 30/09/2009

Số 042

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
Ngày	Số		Nợ	Có	
30/09/2009	365	Chuẩn quyết toán sửa chữa tàu tháng 9/2009 cho Công ty Hải sản Trường Sa	62773	13683	57.036.464
...	...	..	..	..	..
		Tổng cộng			

Kèm theochứng từ

Người lập

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

2.2.5. Tổ chức hệ thống báo cáo

**Báo cáo chi tiết theo yêu cầu quản lý :*

Tùy theo từng yêu cầu quản lý mà kế toán công ty cung cấp các bảng biểu, các báo cáo phù hợp:

- Từng kì , phản ánh tổng hợp tình hình tăng giảm tài sản cố định, kế toán lập *báo cáo tăng, giảm TSCĐ*
- *Báo cáo chi tiết TSCĐ*: Là báo cáo tổng hợp, mỗi TSCĐ thể hiện trên một dòng vào cột các số liệu như: Nguyên giá, Giá trị khấu hao, giá trị còn lại...
- *Báo cáo tổng hợp TSCĐ*: Cho biết giá trị tăng giảm nguyên giá, tăng giảm (chi tiết các loại tài sản cố định)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TSCĐ TẠI CƠ QUAN CÔNG TY 128

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Mã	Tên TSCĐ	NG đầu kì 96294 091 769	Tăng NG 34 634 037 049	Giảm NG 35613923536	NG cuối kì 95314 205 282	KH đầu kì 43 522 908 611	Tăng KH 5 271 704 525	GiảmKH 4577000000	KHcuốikì 44217613136	GTCL 51096592146
1	TSCĐ dùng cho sxkd	48054 385 961	34 301 207 985	26266 298 536	56 089 295 410	21 365 711 129	5 252 528 561		26618239690	29471055720
11	Nhà cửa,vật kiến trúc	13506102531	6086487183	205 695 157	19 86 894 557	4 533 041 793	2 453 429 200		6 986 470993	12400423564
111	Nguồn NS	12385622071	5586487183	205695157	17166414097	4124572916	2374124041		6498696857	11267717240
111501	Nhà SCH2	2194021525	650200000		2844221525	938003964	113287211		1051291175	1792930350
...										
12	MMTB	1841214487	291810600		2133025087	893370835	171972567		1065343402	1067681685
121	Nguồn NS	1148800550	219810600		144611150	650104273	115678988		765783261	674827889
121413	Máy hàn		17000000		17000000		566668		566668	16433332
...	...	..	..	...	..	..	..	..	...	..
13	PT vận tải	31425975269	27896498652	26060603379	33261870542	14947818147	2534886967		17482705114	15779165420
..	...	...	..	..	...	..	...	..	..	...
Tổng cộng		96294 091 769	34 634 037 049	35613923536	95314 205 282	43 522 908 611	5 271 704 525	4577000000	44217613136	51096592146

BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
Toàn công ty năm 2009

Mã	Tên TS	Số đầu năm					Số HM trong năm	Số cuối kì				
		NG	Giá trị còn lại					NG	Giá trị còn lại			
			NSách	BSung	VVay	Cộng			NS	BS	V V	Cộng
1	Tscđ dùng SXKD	55092849817	31221306657	2291792008		33513098665	391815153	56516862266	29288926790	1850519171		31139445961
11	Nhà cửa, VKT	18208985326	11575961417	1033738991		12609700408	988186301	19119505352	11848875524	798308609		12647184133
....	...	...	...	..	..	..	..	..	..	..	.	...
12	MMTB	4139454189	2189537138	258941547		2448478685	264656481	4431264789	2244460358	231172446		2475632804
	Máy đá(433)	1000000000	677778007			677778007	21180563	1000000000	656597444			656597444
..	...	...		...	..	...	...	..	...	..	.	..
2	Dùng cho QP	49495140374	39317519435	402298157		41919817592	260898452	68235458457	60938250039	393421366		61331677405
211501	Cầu cảng	11.897.848.158	6697017.231			6697017231	101509788	11897848158	6595507443			
...	...	...	..	...	...	..	...	..	..	...	...	..
	TS dùng cho PL	1625277826	316413444	1308864382		1625277826		2125277826	316413444	1808864382		2125277826
212503	Nhà điều dưỡng	390575531		390575531		390575531		390575530		390575531		390575531
..	...	...	...	...	...	..	.	..	.	.	...	
3	Chờ thanh lý	1561294023	536376995	37369417		573746412		1894123087	869206059	37369417		906575476
..	...	.	..	.	..	.	..	..	.		...	...
4	Hết khấu hao	19786314270						16786314270				
	Tổng	127560876320	71391616531	4040323964	...	77631940495	4173713605	145558035906	91412802332	4090174336		95502976666

Ngày ..thángnăm 2008

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TĂNG GIẢM

Toàn công ty năm 2009

đơn vị tính: VNĐ

ST T	Tên TS	Nguyên giá				Giá trị còn lại			
		Vốn NS	Tự bổ sung	Vốn vay	Cộng	Vốn NS	Tự bổ sung	Vốn vay	Cộng
A/	TS tăng	29.073.219.892			29.073.219.892	29.073.219.892			29.073.219.892
I	Nhà cửa vật kiến trúc	1.025.670.026			1.025.670.026	1.025.670.026			1.025.670.026
1	Nhà điều hành cảng vụ	251.864.695			251.864.695	251.864.695			251.964.695
...	...	...			...	...			...
II	Máy móc thiết bị	291.810.600			291.810.600	291.810.600			291.810.600
1	Máy hàn	17.000.000			17.000.000	17.000.000			17.000.000
...	...	...			...	...			...
III	Phương tiện vận tải	27.729.327.716			27.729.327.716	27.729.327.716			27.729.327.716
1	Xe cẩu 25 tấn	700.000.000			700.000.000	700.000.000			700.000.000
...	...	...			...	...			...
IV	Thiết bị dùng cho quản lý	26.411.550			26.411.550	26.411.550			26.411.550
1	Máy Photocopy	26.411.550			26.411.550	26.411.550			26.411.550
B	TS giảm	11.960.910.306			11.960.910.306	8.028.470.114			8.028.470.114
1	Tàu HQ678	1.500.000.000			1.500.000.000				
...	...								

CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY 128 - BỘ QUỐC PHÒNG.

3.1 Nhận xét, đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty 128 - Bộ Quốc Phòng.

Trong quá trình tồn tại và phát triển, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, ban Giám đốc, cũng như sự góp sức của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty, Công ty 128 - Bộ Quốc phòng đã có những bước chuyển mình đáng kể, từ chỗ là một đơn vị công ích, nay đã năng động để tìm kiếm các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả sản xuất với đa dạng ngành nghề. Trong những thành quả đạt được, sự hoạt động hiệu quả của Phòng Tài chính là một yếu tố không nhỏ, góp phần quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh

3.1.1 Những ưu điểm và nhược điểm trong công tác kế toán TSCĐ.

3.1.1.1 Những ưu điểm trong công tác kế toán tại công ty 128.

- Trong công tác áp dụng chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng chuẩn mực kế toán số 03 tương đối linh hoạt và phù hợp với doanh nghiệp về : đánh giá giá trị TSCĐ hữu hình; phân loại đa dạng, phù hợp với yêu cầu quản lý; chế độ sửa chữa, nâng cấpChấp hành kịp thời các chế độ ,qui định liên quan đến kế toán tài chính

- Trong công tác tổ chức kế toán:

Với phạm vi hoạt động rộng, nhiều ngành nghề, việc công ty lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán vừa tập trung, vừa phân tán là phù hợp, cho phép giảm bớt công việc tập trung vào phòng tài chính của công ty.

Vấn đề nhân sự tại Phòng kế toán được bố trí, phân công phân nhiệm rõ ràng, tạo điều kiện phát huy trình độ kinh nghiệm của mỗi nhân viên kế toán.

Công ty đã có những đánh giá kịp thời về vai trò của khoa học công nghệ, do đó hệ thống máy vi tính đã được trang bị sớm, đồng thời năm 2002, công ty đã mua phần mềm kế toán Effect, tổ chức bồi dưỡng kế toán máy cho nhân viên kế toán.

Bằng sự hỗ trợ kịp thời này, công tác kế toán tại công ty được thực hiện nhanh chóng, thông tin cung cấp kịp thời, chính xác, khối lượng công việc giảm bớt.

- Trong công tác tổ chức hệ thống chứng từ và sổ kế toán:

Việc lựa chọn và áp dụng hình thức kế toán “chứng từ ghi sổ” phù hợp với qui mô hoạt động của doanh nghiệp. Nếu với hình thức Nhật ký chung, đòi hỏi kế toán phải vào sổ thường xuyên, hàng ngày thì hình thức “chứng từ ghi sổ” cho phép kế toán ghi chép các nghiệp vụ phát sinh trong nhiều ngày liên tục với điều kiện phát sinh cùng một bên trên cùng một tài khoản.

Với sự hỗ trợ của phần mềm Effect, hệ thống sổ kế toán của công ty tương đối đa dạng, cho phép người sử dụng có thể lựa chọn nhiều hình thức sổ, phục vụ nhu cầu khác nhau trong quá trình sử dụng thông tin.

- Trong công tác phân loại TSCĐ:

Công ty đã áp dụng 3 cách phân loại TSCĐ hữu hình (theo nguồn; theo đặc trưng kỹ thuật; theo hiện trạng sử dụng), các thông tin về TSCĐ sẽ được cung cấp một cách cụ thể, phù hợp với từng yêu cầu quản lý, nhu cầu sử dụng thông tin.

Việc phân loại theo nguồn hình thành cho phép đánh giá hiệu quả của TSCĐ hình thành từ các nguồn khác nhau; từ đó có kế hoạch huy động cho những năm tiếp theo.

Trong những năm vừa qua, TSCĐ của công ty 128 chủ yếu dựa vào vốn nhà nước; tuy nhiên trong năm 2007 công ty sẽ có những động thái đầu tiên trong việc huy động vốn vay khi đầu tư xây dựng bãi Container.

Việc phân loại theo đặc trưng kỹ thuật tạo điều kiện cho doanh nghiệp quản lý chi tiết, cụ thể từng loại từng nhóm TSCĐ, có những lựa chọn phương pháp khấu hao phù hợp với từng loại để thu hồi vốn nhanh cho phép tái đầu tư hiệu quả..

Phân loại theo mục đích sử dụng : giúp công ty nhận biết hiệu quả sử dụng TSCĐ, tính khấu hao đúng qui định, và đưa ra quyết định thanh lý nhượng bán hợp lý.

- Trong công tác kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ:

Việc hạch toán tăng, giảm TSCĐ hữu hình đều được dựa trên các chứng từ hợp lý, hợp lệ về mua sắm, xây dựng, thanh lý....Điều này tạo điều kiện cho kế toán đánh giá đúng giá trị của TSCĐ hữu hình theo qui định của chuẩn mực.

- Công tác tính và trích khấu hao TSCĐ:

Với sự trợ giúp của phần mềm kế toán, bút toán khấu hao TSCĐ cuối kì đều được tính tự động, chính xác, nhanh chóng. Phương pháp khấu hao theo đường thẳng được áp dụng nhất quán trong kì kế toán. Đặc biệt, khi thông tư số 23, được ban hành, công ty tuân thủ chấp hành, kịp thời xác định lại thời gian sử dụng của TSCĐ theo qui định mới.

- Công tác sửa chữa lớn TSCĐ:

TSCĐ hữu hình trong công ty khi có hỏng hóc thường được sửa chữa, bảo dưỡng kịp thời. Công ty đã có sự linh hoạt khi xử lý chi phí sửa chữa.

3.1.1.2 Một số nhược điểm còn tồn tại trong công tác kế toán tại công ty 128

- Trong công tác tổ chức bộ máy kế toán:

Một số nhân viên kế toán chưa được đào tạo chuyên sâu về kế toán. Việc áp dụng kế toán máy chưa đồng bộ. Các máy tính chỉ được nối với nhau trong phòng kế toán tổng hợp, còn các bộ phận xí nghiệp chưa được áp dụng. Do XN 433 không có hệ thống máy vi tính, nên toàn bộ sổ sách của toàn công ty phải làm thủ công. Các đơn vị trực thuộc khác cũng tương tự. Vì vậy, số liệu được in ra máy chỉ phản ánh được số liệu liên quan đến khối cơ quan công ty, không phải là số liệu của toàn công ty.

- Công tác tổ chức kế toán TSCĐ hữu hình:

Hạn chế thứ nhất: *Kí hiệu TK sai so với chế độ.* Theo chế độ qui định, TK 2111- *Nhà cửa, vật kiến trúc* nhưng công ty lại qui định TK 2111- *Đất*. Nếu công ty cho rằng đất là một TSCĐ hữu hình thì không đúng. Thực ra, phải là *quyền sử dụng đất* mới được coi là TSCĐ, nhưng lại là TSCĐ vô hình. Trong khi đó, công ty 128 được nhà nước giao đất, không phải trả tiền. Do đó, Quyền sử dụng đất này không được ghi nhận là TSCĐ vô hình.

Hạn chế thứ hai: *Việc phân loại TSCĐ còn nhiều mâu thuẫn.* Có TSCĐ không tham gia vào quá trình sản xuất nhưng lại được xếp trong danh mục TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh. Và có tài sản dùng cho mục đích Quốc phòng, nhưng lại tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, vẫn trích khấu hao như các tài

sản khác nhưng lại không nằm trong danh mục TSCĐ dùng cho sản xuất(ví dụ: Cầu cảng – xem báo cáo chi tiết TSCĐ)

Hạn chế thứ ba: Mã hóa TSCĐ: Do XN 433 không có kế toán máy nên các TSCĐ không được mã hóa.

Hạn chế thứ tư: Trong việc ghi sổ kế toán: Các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ, công ty thường ghi vào cuối tháng. Vì vậy, dễ dẫn đến việc phản ánh sai thời gian thực tế, ảnh hưởng đến tính thời gian khấu hao sai.

Hạn chế thứ năm: Trong công tác tính khấu hao: Tại công ty, bảng tính và phân bổ khấu hao không được lập. Vì thế, nhà quản trị sẽ gặp khó khăn khi không có số liệu so sánh mức khấu hao quý này với quý trước.

Theo qui định, các TSCĐ không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh không được trích khấu hao, nhưng phải theo dõi hao mòn vào cuối năm, xác định giá trị còn lại theo công thức:

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ} = NG - \text{giá trị hao mòn lũy kế}$$

Tuy nhiên, dựa trên “Báo cáo chi tiết TSCĐ” có thể thấy, công ty không tiến hành theo dõi và phản ánh số hao mòn của những TSCĐ dùng cho phúc lợi, quốc phòng.

Việc không theo dõi giá trị hao mòn của toàn bộ tài sản khiến cho giá trị hao mòn lũy kế của toàn bộ tài sản tại công ty là chưa chính xác. Vì vậy, ảnh hưởng đến tính trung thực về số liệu : giá trị còn lại và giá trị hao mòn lũy kế trên Báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán)

Hạn chế thứ sáu: Về công tác kế toán sửa chữa TSCĐ: Những hoạt động sửa chữa tại công ty chủ yếu là sửa chữa các tàu chuyên cung cấp các dịch vụ trên biển. Công ty tập hợp toàn bộ chi phí sửa chữa vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì mà không phân bổ ra nhiều kì. Điều này có thể làm chi phí tăng khá lớn do hoạt động sửa chữa lớn này không xảy ra thường xuyên.

Hạn chế thứ bảy: Về việc kiểm kê, đánh giá và xử lý TSCĐ:

Công ty chưa tiến hành việc kiểm kê, đánh giá tài sản định kỳ 6 tháng hay một năm một lần, do đó không xác định được số lượng, giá trị tài sản hiện có, thừa thiếu so với sổ sách kế toán dẫn đến việc xác định vốn cố định không chính xác.

Công ty chỉ tiến hành đánh giá lại TSCĐ khi có quyết định của Nhà nước hay khi cần thiết. Khi thanh lý TSCĐ công ty không tổ chức đánh giá lại TSCĐ mà chỉ ghi theo giá trị còn lại trên sổ sách kế toán. Trên thực tế, giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách luôn khác với giá trị thường của TSCĐ tại thời điểm thanh lý. Điều này sẽ dẫn đến việc phản ánh vốn cố định không chính xác.

3.1.2 Nguyên nhân của tồn tại:

* Nguyên nhân khách quan:

- Do sự thay đổi liên tục các quyết định, thông tư liên quan đến TSCĐ làm cho kế toán công ty khó khăn trong việc quản lý cũng như hạch toán khấu hao TSCĐ.

- Do sự phát triển của xã hội, sự thay đổi tiến bộ một cách chóng mặt của khoa học công nghệ làm cho cán bộ nhân viên trong công ty chưa thể bắt kịp sự biến đổi đó.

* Nguyên nhân chủ quan:

- Công ty 128- Bộ Quốc Phòng được thành lập đã lâu, cán bộ công nhân trong doanh nghiệp thường làm việc theo thói quen. Vì vậy, khi việc áp dụng phương pháp làm việc mới cũng như ứng dụng các thành tựu khoa học vào công việc chưa nhanh nhạy.

- Cùng với sự phát triển nhanh chóng của xã hội, của khoa học công nghệ công ty chưa có được những chính sách, định hướng cụ thể như: đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên, tuyển mới những cán bộ trẻ, có tay nghề cao có thể ứng dụng các thành tựu của khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất kinh doanh...

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty 128.

Trong một thời gian thực tập tại Phòng tài chính Công ty 128 - Bộ Quốc phòng, em đã được tiếp cận và có sự nhìn nhận thực tế hơn đối với công tác kế toán của một doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp có những đặc thù riêng và công tác kế toán cũng vì thế mà có những vấn đề đặc trưng và đa dạng. Đồng nghĩa với điều này là có những hạn chế còn tồn tại, cần phải có giải pháp khắc phục. Trong khuôn khổ của báo cáo em không có tham vọng là những ý kiến của mình thật hoàn hảo có thể giúp công tác kế toán của công ty hoàn thiện ngay nhưng em hy vọng những ý kiến của mình sẽ được lưu ý để công tác kế toán tại công ty có thể hiệu quả hơn.

Trong công tác tổ chức kế toán :

- Trong thời gian tới, với các xí nghiệp, bộ phận mà giá trị sản xuất có sự tiến bộ lớn thì có thể phân cấp quản lý tài chính riêng cho các đơn vị, bộ phận đó. Như vậy, phòng kế toán tổng hợp sẽ giảm bớt được công việc, tập trung vào công tác báo cáo tổng hợp hơn.
- Tổ chức kế toán máy đồng bộ ở các xí nghiệp, đồng thời nối mạng nội bộ tới các xí nghiệp, các phòng ban, cho phép các thông tin truyền tải trực tiếp tới phòng Tài chính hàng ngày. Loại bỏ tình trạng tin học hóa một phần.

Về công tác tổ chức kế toán TSCĐ hữu hình:

- Ý kiến thứ nhất về khai báo lại tên các tài khoản chi tiết của TK 211

Tại công ty qui định TK 2111- Đất. Công ty nên tuân thủ theo đúng hệ thống tài khoản mà chế độ qui định tại quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006:

TK 2111- Nhà cửa, vật kiến trúc;

TK 2112- Máy móc, thiết bị;

TK 2113- Phương tiện vận tải, truyền dẫn

TK 2114- Thiết bị, dụng cụ quản lý;

TK 2115- Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm

TK 2118- TSCĐ khác

Trong tương lai, nếu Nhà nước thu tiền thuê đất thì số tiền thuê này được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp không được ghi nhận quyền sử dụng đất đó là TSCĐ vô hình, càng không được nhầm lẫn đó là TSCĐ hữu hình.

- Ý kiến thứ hai về phân loại TSCĐ

Công ty 128 nên phân loại TSCĐ theo các tiêu chí một cách rõ ràng hơn. Công ty nên áp dụng nhiều hình thức phân loại theo quy định của nhà nước. Áp dụng nhiều phương pháp phân loại TSCĐ góp phần quan trọng trong công tác quản lý cũng như việc hạch toán TSCĐ được nhanh chóng, chính xác. Từ đó cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý nhằm cải thiện, thay đổi TSCĐ theo kịp sự phát triển của công nghiệp. Ngoài 3 cách phân loại trên công ty nên:

+ Phân loại TSCĐ theo hiện trạng sử dụng: Tránh tình trạng tài sản xác định sai hiện trạng sử dụng dẫn đến tính sai chi phí sản xuất kinh doanh trong kì. Ví dụ: Cầu cảng: Mục đích xây dựng để tàu Quốc phòng đậu nhưng khi không có tàu của Quốc phòng đậu công ty lại dùng cầu cảng để tiến hành khai thác kinh doanh.

- Ý kiến thứ ba về mã hóa đồng bộ TSCĐ:

Tại công ty xí nghiệp 433 và các đơn vị trực thuộc khác không áp dụng phần mềm kế toán mà toàn bộ sổ sách vẫn phải làm thủ công. Vì vậy, số liệu được in ra máy chỉ phản ánh được số liệu liên quan đến khối cơ quan công ty, không phải là số liệu của toàn công ty. Công ty nên tổ chức hệ thống máy móc và áp dụng phần mềm kế toán tại Xí nghiệp 433 để các TSCĐ đều được mã hóa đồng bộ theo đúng nguyên tắc, qui định do công ty đặt ra, đồng thời công tác kế toán sẽ nhanh chóng và thuận lợi hơn nhiều.

- Ý kiến thứ tư về thời điểm ghi sổ:

Các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ, công ty thường ghi vào cuối tháng. Vì vậy, dễ dẫn đến việc phản ánh sai thời gian thực tế, ảnh hưởng đến tính thời gian khấu hao sai. Với các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ căn cứ vào các chứng từ phát sinh mà nhập dữ liệu vào màn hình nhập liệu, đảm bảo tính kịp thời của thông tin kế toán. Tránh tình trạng ghi chậm mà ảnh hưởng đến việc trích khấu hao TSCĐ. Trong ví dụ được trình bày về trường hợp tăng TSCĐ do mua sắm(xe ô tô Mishubishi Jolie): Biên bản bàn giao xe được lập ngày 14/8/2009, hóa đơn GTGT được giao ngày 23/8/2009 nhưng đến ngày 31/8/2009, kế toán mới nhập liệu. Và đến ngày 30/9/2009 TSCĐ mới được ghi tăng. Việc ghi sổ chậm làm sai lệch thời điểm ghi nhận tăng TSCĐ. Vì thế, trên thực tế phải trích khấu hao chiếc ô tô này bắt đầu từ tháng 9 thì phải đến tháng 10, giá trị khấu hao mới được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Ý kiến thứ năm về công tác tính khấu hao và theo dõi hao mòn:

+ Doanh nghiệp nên lập “*bảng tính và phân bổ khấu hao*”, điều đó giúp cho doanh nghiệp kiểm soát, so sánh được giá trị khấu hao giữa các tháng, quý.

Ví dụ: Tháng 10 năm 2009 khi nhà điều hành cảng vụ đã xây xong và đưa vào hoạt động. Quyết toán được duyệt là: 251.864.695 đồng. Công ty dự kiến khấu hao tài sản này trong 20 năm.

Giá trị hao mòn 1 tháng là: $251.864.695/240 = 1.049.436$ đồng.

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 10 năm 2009

Số TT	Chỉ tiêu	Năm KH	Ngành nghề		TK 627 - Chi phí SXC						TK 642
			Toàn DN		CB (62742)	BV đầu (62743)	SC tàu (62744)	KD cảng (62745)	...	Cộng	
1	Số KH đã trích tháng trước	...	...	...	...						
2	Số KH tăng tháng này - Nhà điều hành cảng vụ	20	251 864 695	1 049 436				1 049 436			
3	Số KH TSCĐ giảm tháng này	...	...						...		
4	Số KH phải trích tháng này	...	...	...						...	...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập bảng

Kế toán trưởng

+ Với những TSCĐ dùng cho phúc lợi, sự nghiệp cần theo dõi hao mòn và phản ánh số hao mòn vào cuối năm như sau:

Nợ TK 466- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ

(Nợ TK 4313- Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ)

Có TK 214- Hao mòn TSCĐ

Ví dụ: Nhà điều dưỡng công ty được đầu tư bằng quỹ phúc lợi, với Nguyên giá là 390.575.531 đồng, ước tính thời gian sử dụng là 6 năm. Như vậy, giá trị hao mòn mỗi năm là : $390.575.531/6 = 65.095.921,83$ (đồng).

Cuối năm, kế toán sẽ phản ánh số hao mòn này như sau:

Nợ TK 4313: **65.095.921,83**

Có TK 214: **65.095.921,83**

Việc phản ánh được giá trị hao mòn như trên sẽ làm cho số liệu về giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của TSCĐ trung thực hơn (trong trường hợp này, giá trị còn lại của TSCĐ sẽ bị giảm do giá trị hao mòn lũy kế tăng)

Ý kiến thứ 6 về công tác kế toán sửa chữa TSCĐ:

Công ty tập hợp toàn bộ chi phí sửa chữa vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì mà không phân bổ ra nhiều kì. Doanh nghiệp nên tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Do chi phí sửa chữa lớn thường nhiều nên không thể tính hết vào chi phí sản xuất mà phải kết chuyển, phân bổ dần. Việc tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ sẽ giúp cho công ty chủ động hơn trong việc cấp kinh phí sửa chữa, đảm bảo cho việc sửa chữa lớn được kịp thời làm cho quá trình sản xuất kinh doanh được đảm bảo một cách liên tục. Kế toán cần phải đánh giá mức độ ảnh hưởng của chi phí sửa chữa đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kì:

- Nếu tài sản có mức độ hư hỏng nhẹ nên kỹ thuật sửa chữa đơn giản, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện, thời gian sửa chữa ngắn, chi phí sửa chữa phát sinh ít. Khi sửa chữa nhỏ TSCĐ, kế toán căn cứ vào chi phí sửa chữa thực tế phát sinh để phản ánh:

Nợ TK 627, 641, 642

Có TK 334, 338, 152

- Nếu giá trị đáng kể, cần tập hợp chi phí thông qua TK 2413, sau đó phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh các kì tiếp theo:

Trình tự như sau:

Căn cứ vào các chứng từ liên quan ,kế toán nhập liệu

Nợ TK 241- Xây dựng cơ bản dở dang (2413)

Nợ TK 133(nếu có)

Có TK 111, 331, 152...

Nợ TK 142, 242

Có TK 241

Đồng thời xác định giá trị phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kì

Nợ TK 627, 642

Có TK 142, 242

Ý kiến thứ 7 về thanh lý TSCĐ:

Việc thanh lý TSCĐ tại đơn vị chịu ảnh hưởng của những thủ tục rườm rà từ phía trên, nên để thu hồi vốn mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, doanh nghiệp cần có những kiến nghị đề phía cấp có thẩm quyền thanh lý những TSCĐ không còn dùng, tránh ứ đọng vốn. Đồng thời, tạo điều kiện cho thông tin trên báo cáo tài chính trung thực, phản ánh được hiệu quả sử dụng TSCĐ.

Trong những năm tới đây, qui mô hoạt động của công ty có thể được mở rộng. Việc đầu tư vào TSCĐ có thể mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp đặc biệt khi doanh nghiệp có hệ thống kho bãi với diện tích rộng, cho phép xây dựng cảng container. Vì vậy những thông tin hiệu quả sử dụng TSCĐ sẽ giúp ban lãnh đạo có những quyết định đầu tư đúng đắn.

Có thể tham khảo mẫu biểu sau:

BẢNG ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TSCĐ

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Chênh lệch
1. Nguyên giá bình quân	140.229.505.171	136.559.456.113	-3.670.049.050
2. Doanh thu	58.937.340.027	75.643.048.113	16.705.708.086
Hiệu quả sử dụng TSCĐ	0,42	0,554	0,134
3. Lợi nhuận	2.719.441.633	4.430.253.570	1.710.811.937
Sức sinh lời của TSCĐ	0,019	0,032	0,013
Tỉ suất hao phí TSCĐ	52,63	31,25	-21,38

Như vậy ,hiệu quả sử dụng TSCĐHH của công ty trong năm 2009 có tăng so với năm 2008. Điều đó cho thấy việc đầu tư vào TSCĐ của doanh nghiệp đã có ảnh hưởng và tác động tốt.

Ý kiến thứ 8 về kiểm kê và đánh giá lại TSCĐ: Công ty không thực hiện đánh giá lại giá trị TSCĐ do chưa có yêu cầu của Nhà nước, chưa có nghiệp vụ góp vốn liên doanh. Công ty nên tiến hành kiểm kê tài sản định kỳ mỗi năm một lần theo quy định của Bộ Tài Chính. Tiến hành lập Biên bản kiểm kê tài sản cố định nhằm xác định số lượng giá trị tài sản hiện có, thừa thiếu so với kế toán, trên cơ sở đó

tăng cường quản lý tài sản cố định và làm cơ sở đó tăng cường quản lý tài sản cố định và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán số chênh lệch.

Công ty nên tiến hành đánh giá lại TSCĐ theo quy định của nhà nước hoặc vào cuối niên độ kế toán. Việc đánh giá lại TSCĐ một cách thường xuyên và chính xác có lợi cho công ty. Hiện nay do khoa học – công nghệ ngày càng tiến bộ làm cho TSCĐ không tránh khỏi hao mòn vô hình. Đồng thời với cơ chế thị trường như hiện nay giá cả không ngừng thay đổi. Điều này làm cho việc phản ánh giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách kế toán bị sai lệch so với thực tế. Việc thường xuyên đánh giá lại TSCĐ sẽ giúp cho việc tính khấu hao chính xác hơn, đảm bảo thu hồi vốn cố định, nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ hoặc có biện pháp xử lý những TSCĐ bị mất giá nghiêm trọng chống thất thoát vốn. Làm được điều này sẽ tạo điều kiện cho việc đánh giá năng lực sản xuất thực của TSCĐ hiện có, từ đó có những quyết định đầu tư đổi mới TSCĐ một cách đúng đắn và như vậy mới nâng cao được hiệu quả sử dụng TSCĐ.

KẾT LUẬN

Để có những sản phẩm chất lượng, uy tín trên thị trường, Doanh nghiệp cần có một cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn, hệ thống trang thiết bị hiện đại. Với Công ty 128 - Bộ Quốc phòng, dưới sự đầu tư của Nhà nước, hệ thống trang thiết bị đã có những thay đổi tiến bộ trong những năm vừa qua, tạo điều kiện cho Công ty có thể tham gia vào nhiều hợp đồng kinh tế, nâng cao lợi nhuận kinh tế.

Với vai trò là một công cụ quản lý, kế toán TSCĐ tại Công ty đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng TSCĐ, cho phép duy trì và cải tiến năng lực sản xuất của Công ty thông qua các đề xuất về trang bị cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật, và kế hoạch sửa chữa nâng cấp TSCĐ.

Trong thời gian thực tập tại phòng Tài chính Công ty 128- Bộ Quốc phòng, em đã được tiếp cận với công tác kế toán tại Công ty, có cái nhìn thực tế hơn đối với công tác kế toán TSCĐ, thu thập những số liệu, bằng chứng phục vụ cho khoá luận tốt nghiệp của mình.

Mặc dù khoá luận tốt nghiệp đã hoàn thành, song mức độ hoàn thiện của đề tài này chắc chắn còn phải xem xét thêm. Đây là một công trình tâm huyết của em, chính vì vậy, xuất phát từ mong muốn hoàn thiện hơn nữa báo cáo của mình, em hy vọng có nhiều ý kiến từ phía thầy cô, bạn bè để em có thể rút kinh nghiệm, hoàn thiện hiểu biết của mình hơn nữa!

Em xin chân thành cảm ơn Phòng Tài chính của Công ty 128- Bộ Quốc phòng, sự hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo hướng dẫn Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo và các thầy cô trong trường đã giúp đỡ em hoàn thành khoá luận này!

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Dung

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Lịch sử Công ty 128 Hải Quân(1971-2009)-Nhà xuất bản Quân đội nhân
- 2 - Hệ thống các chuẩn mực kế toán Việt Nam - Nhà xuất bản thống kê.
- 3 - Giáo trình kế toán Tài chính Doanh nghiệp : Do PGS.TS Đặng Thị Loan chủ biên - Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân.
- 4 - Quyết định số 15 /2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định chế độ kế toán Doanh nghiệp - Nhà xuất bản Tài chính
- 5 - Thông tư số 203/2009/TT – BTC của Bộ Tài Chính.
- 6 - Hệ thống chứng từ, sổ sách, báo cáo Tài chính của Công ty 128 - Bộ Quốc Phòng qua các năm.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TSCĐ TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Những vấn đề cơ bản về TSCĐ trong Doanh nghiệp	3
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của TSCĐ.....	3
1.1.1.1. Khái niệm	3
1.1.1.2. Đặc điểm của TSCĐ.....	3
1.1.2. Vai trò, yêu cầu quản lý và nhiệm vụ hạch toán TSCĐ trong Doanh nghiệp.....	4
1.1.2.1. Vai trò và yêu cầu quản lý TSC	4
1.1.2.2. Nhiệm vụ kế toán TSCĐ trong Doanh nghiệp.....	5
1.1.3. Phân loại và đánh giá TSCĐ:	5
1.1.3.1. Phân loại TSCĐ.....	5
1.1.3.1.1. Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện.....	5
1.1.3.1.2. Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu	6
1.1.3.1.3. Phân loại TSCĐ theo nguồn vốn hình thành:	6
1.1.3.1.4. Phân loại TSCĐ theo phân loại và tình hình sử dụng.....	6
1.1.3.2. Đánh giá TSCĐ:	7
1.1.3.2.1. Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá:	7
1.1.3.2.2. Đánh giá TSCĐ theo giá trị hao mòn.....	9
1.1.3.2.3. Đánh giá theo giá trị còn lại	10
1.1.4. Khấu hao TSCĐ	11
1.1.4.1. Khái niệm hao mòn và khấu hao TSCĐ	11
1.1.4.2. Các phương pháp tính khấu hao cơ bản.....	11
1.2. Tổ chức hạch toán kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp	13
1.2.1. Hạch toán chi tiết TSCĐ trong doanh nghiệp.....	13
1.2.1.1. Tổ chức chứng từ kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp.	13
1.2.1.2. Các sổ sách sử dụng:	14
1.2.2. Hạch toán kế toán tổng hợp TSCĐ tại doanh nghiệp	14

1.2.2.1 Hạch toán tổng hợp tình hình tăng, giảm TSCĐ tại doanh nghiệp.....	14
1.2.2.2 Hạch toán khấu hao TSCĐ tại doanh nghiệp.....	20
1.2.2.3 Hạch toán kế toán sửa chữa TSCĐ.	22
1.2.2.3.1 Kế toán sửa chữa nhỏ TSCĐ.....	22
1.2.2.3.2 Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ.....	22
1.2.2.4 Hạch toán kế toán đánh giá lại TSCĐ.....	23
1.3 Tổ chức kế toán TSCĐ trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán.....	24
CHƯƠNG II: TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY 128 - BỘ QUỐC PHÒNG.	28
2.1 Khái quát về công ty 128 - Bộ Quốc Phòng.	28
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty 128 - Bộ Quốc Phòng.....	28
2.1.2 Đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức sản xuất của công ty 128	30
2.1.2.1 Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp	30
2.1.2.2 Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty	31
2.1.2.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty 128.	34
2.1.2.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán	35
2.1.2.3.2 Tổ chức vận dụng chế độ kế toán.....	36
2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty 128 - Bộ Quốc Phòng.	38
2.2.1 Đặc điểm công tác quản lý TSCĐ tại công ty.....	38
2.2.1.1 Đặc điểm TSCĐ và công tác quản lý TSCĐ.....	38
2.2.1.2. Phân loại Tài sản cố định	39
2.2.1.3. Đánh giá TSCĐ	41
2.2.1.4.Tổ chức kế toán TSCĐ khi sử dụng phần mềm kế toán Effect.	43
2.2.2. Kế toán tăng, giảm TSCĐ	48
2.2.2.1.Kế toán tăng TSCĐ	48
2.2.2.2 Kế toán giảm Tài sản cố định.....	72
2.2.3 Kế toán khấu hao TSCĐ	83
2.2.4 Kế toán sửa chữa TSCĐ.....	89
2.2.5.Tổ chức hệ thống báo cáo	95

CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY 128 - BỘ QUỐC PHÒNG.	99
3.1 Nhận xét, đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán TSCĐ tại công ty 128 - Bộ Quốc Phòng.	99
3.1.1 Những ưu điểm và nhược điểm trong công tác kế toán TSCĐ.	99
3.1.1.1 Những ưu điểm trong công tác kế toán tại công ty 128.	99
3.1.1.2 Một số nhược điểm còn tồn tại trong công tác kế toán tại công ty 128....	101
3.1.2 Nguyên nhân của tồn tại:	103
3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại công ty 128. .	103
KẾT LUẬN	110
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	111

